DANH TÁC VĂN HỌC THẾ GIỚI

ROBERT LOUIS STEVENSON

ĐẢO CHÂU BÁU

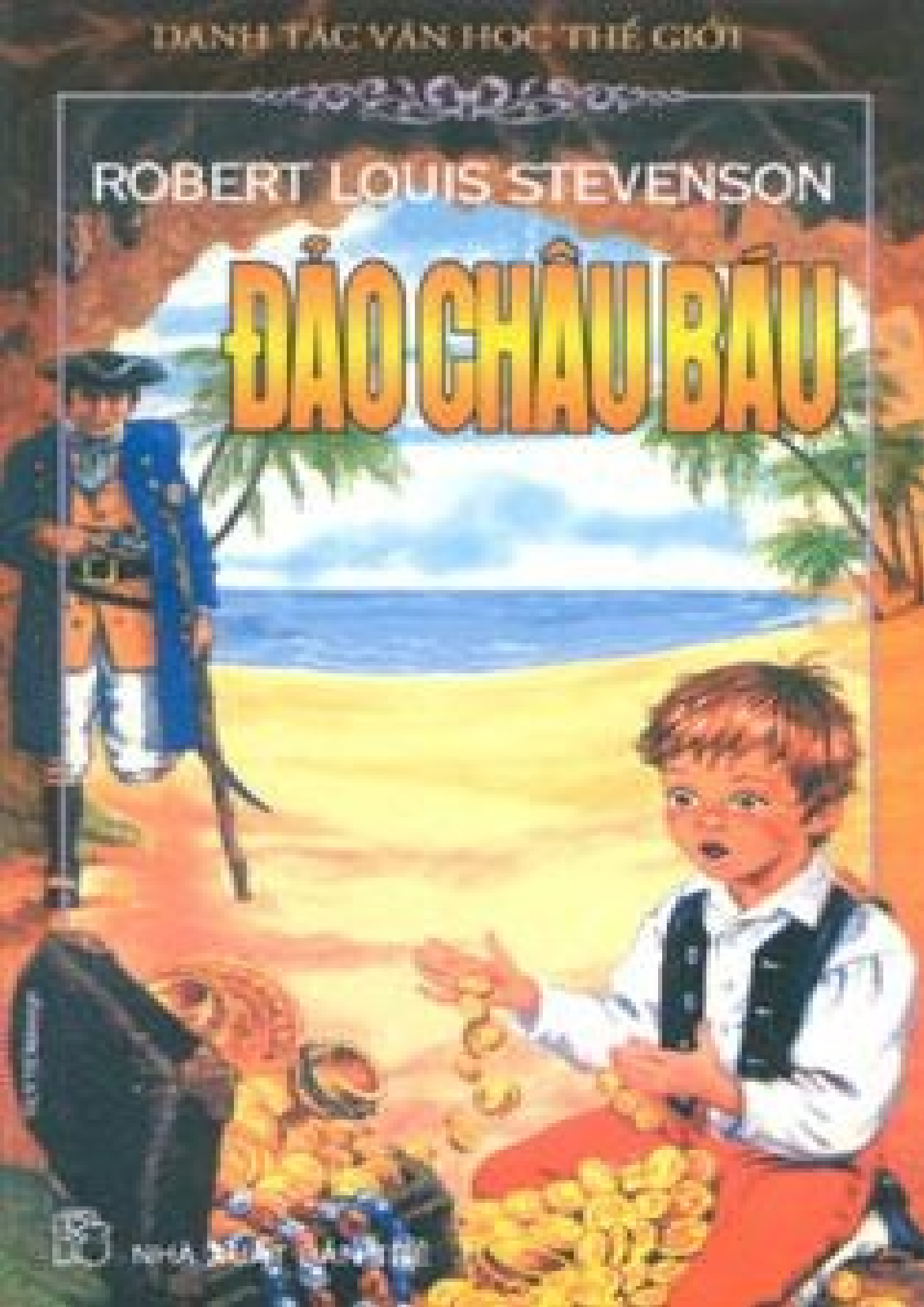

Table of Contents

- CHƯƠNG 1
  Tên giặc biển già đời
- CHƯƠNG 2
  Hắc cẩu
- CHƯƠNG 3
  Cái vết đen
- CHƯƠNG 4
  Cái hòm của viên chúa tàu
- CHƯƠNG 5
  Hết kiếp thằng mù
- CHƯƠNG 6
  Giấy tờ của viên chúa tàu
- CHƯƠNG 7
  Tên bếp tàu
- CHƯƠNG 8
  Vấn đề khí giới và thuốc súng
- CHƯƠNG 9
  Đi biển
- CHƯƠNG 10
  Những điều tôi nghe được khi nấp trong thùng lê
- CHƯƠNG 11
  Hội đồng quân sự
- CHƯƠNG 12
  Bước chân lên đảo
- CHƯƠNG 13
  Người trong đảo
- CHƯƠNG 14
  Cố thủ trên đảo
- CHƯƠNG 15
  Trong lô-cốt
- CHƯƠNG 16
  Xin-ve đi thương lượng
- CHƯƠNG 17
  Trận đánh khu vực lô-cốt
- CHƯƠNG 18
  Lênh đênh trên biển
- CHƯƠNG 19

Khi nước triều xuống
- CHƯƠNG 20
  Chiếc thuyền độc mộc lênh đênh
- CHƯƠNG 21
  Tôi hạ lá cờ đen của giặc xuống
- CHƯƠNG 22
  Lão Han
- CHƯƠNG 23
  Đồng ăn tám
- CHƯƠNG 24
  Trong trại quân thù
- CHƯƠNG 25
  Lại cái vết đen
- CHƯƠNG 26
  Giữ đúng lời hứa
- CHƯƠNG 27
  Đi tìm nơi giấu của
- CHƯƠNG 28
  Tiếng hát trong lùm cây
- CHƯƠNG 29
  Một tay đầu têu thất thế
- CHƯƠNG 30
  Đoạn cuối

CHƯƠNG 1

TÊN GIẶC BIỂN GIÀ ĐỜI

Ngày ấy cha tôi còn đứng chủ quán cơm "Đô đốc Bin- bâu". Quán cơm dựng ở một nơi hẻo lánh trên cửa biển. Hàng ế ẩm, khách thưa thớt, cảnh nhà túng quẫn. Cha tôi phần lo buồn, phần ốm yếu khật khừ. Cha tôi có thể còn sống lâu nữa nếu không gặp phải cái tên thủy thủ già ấy đến trọ. Tôi còn nhớ rõ như mới gặp hắn hôm qua. Hắn nặng nề đi đến cửa, chiếc hòm đặt trên xe theo sau. Người hắn to lớn, vạm vỡ, nước da lưng sạm như gạch nung, cái đuôi tóc trên đầu bết lại như keo lòng thòng trên cổ áo xanh đã hoen nhiều vết; tay hắn sần sùi; trên má có một vết sẹo chém dọc xuống, trắng bệch trông đến bẩn. Tôi còn nhớ, hắn đứng đưa mắt nhìn quanh cửa biển, miệng huýt sáo rồi cất tiếng hát bài hát cổ của bọn thủy thủ, bài hát ấy về sau hắn hát luôn. Mười lăm thằng trên hòm người chết ỳ a, ỳ a... Be rượu "rum" say bét say be! Hắn hát to, giọng ồ ồ cũ kỹ. Hát xong hắn cầm gậy gõ cửa. Cha tôi ra, hắn bảo đem một cốc rượu "rum", giọng rất cộc cằn. Hắn nhấm nháp rượu ra vẻ một tay sành. Hắn chăm chú nhìn ra bờ biển dốc ngược, nhìn vào cái biển cửa hàng rồi nói:

- Cái quán này thật là nơi thuận lợi. Đông khách không bác? Cha tôi trả lời:

- Thưa khách lắm.

- Cũng chỉ cần thế. Nói xong hắn gọi người phu khuân hòm vào nhà. Lát sau, hắn lại nói:

- Tôi nghỉ đây ít lâu. Tính tôi rất dễ dãi. Chỉ cần một ít rượu "rum", ít trứng và mỡ là đủ; với lại thỉnh thoảng ra đứng ngoài kia xem tàu chạy. Mà bác sẽ gọi tôi như thế nào nhỉ? Thôi cứ gọi là ông chúa tàu vậy. À thôi! Tôi biết cái điều bác đang lưỡng lự rồi! Này đây!

Nói thế, hắn quẳng ngay ba bốn đồng tiền vàng ra:

- Khi nào hết, bác cứ bảo tôi!

Hắn nói một cách thô lỗ và rất hách dịch. Tuy ăn vận lôi thôi, nói năng cục cằn, nhưng coi bộ hắn không phải một thủy thủ thường. Hắn ra dáng một viên thuyền trưởng hay phó thuyền trưởng quen lối tác oai tác quái với kẻ dưới. Bình thường, tính hắn rất trầm mặc. Suốt ngày hắn thơ thẩn ven bờ biển cao, tay cầm cái ống nhòm bằng đồng. Chiều tối, hắn về ngồi thu lu ở xó buồng bên cạnh đống lửa, uống rất nhiều rượu "rum" pha nước. Mỗi lần đi chơi về, hắn lại hỏi: có người thủy thủ nào đi qua đây không? Mới đầu, chúng tôi tưởng hắn muốn tìm người thân thuộc, nhưng sau mới biết hắn muốn tránh mặt bọn thủy thủ. Một hôm, hắn gọi tôi ra một nơi và dặn hễ nhìn thấy tên thủy thủ cụt một chân thì nhớ bảo ngay cho hắn biết; rồi hắn hẹn cứ mồng một đầu tháng hắn sẽ cho bốn xu. Thường đầu tháng, tôi phải

đến nhắc hắn cho tiền, và mỗi bận như thế hắn thở phì phì, giương mắt nhìn tôi làm tôi phải cúi mặt. Nhưng sau đấy, hắn lại đưa tiền cho tôi và nhắc lại phải để ý tìm người thủy thủ cụt chân. Không nói thì các bạn cũng biết cái hình ảnh anh lính thủy cụt chân này đến ám ảnh tôi luôn. Trong những đêm bão tố, gió lay bốn góc nhà, sóng gầm ven bến quanh bờ, tôi mơ thấy anh ta hiện ra thiên hình vạn trạng. Lúc thấy chân anh cụt tới gối, lúc cụt đến bẹn, lúc chỉ còn một chân mọc ở giữa ngực. Có đêm thấy anh ta nhảy qua rào qua hố đuổi tôi, làm tôi sợ toát mồ hôi. Chỉ vì bốn xu mà phải chịu những cơn sợ như vậy, kể ra bốn xu cũng to quá. Tên chúa tàu uống nhiều rượu "rum" đến nỗi nhiều đêm hắn như lên cơn loạn óc. Hắn ngồi hát những bài ca cổ man rợ. Có khi hắn gọi rượu, ép mọi người phải uống để nghe hắn kể chuyện hay hát theo cùng hắn. Mọi người run sợ phải cố hát theo. Nhiều lúc cả nhà ầm lên những câu hát: ỳ a, ỳ a... Be rượu "rum" say bét say be! Khi thì hắn đập bàn bắt mọi người ngồi im lặng. Lúc ấy hễ ai hỏi động đến hắn là hắn nổi cơn thịnh nộ. Chỉ đến khi say khướt, chân tay mềm rủn, hắn mới để khách ra về. Chuyện hắn kể rặt là những chuyện khủng khiếp: nào thắt cổ nhục hình, nào bão biển, đảo Rùa, nào những chuyện kỳ quặc trên đất hoang thuộc xứ Tây Ban Nha. Cha tôi lo buồn sợ mất khách vì hắn. Nhưng điều nguy hơn cả là hắn cứ ở lần lữa ngày này qua ngày nọ đến nỗi tiền hắn đưa trả đã hết từ lâu mà cha tôi cũng không có can đảm để hỏi hắn. Hễ đả động đến là mắt hắn long lên, mũi hắn gầm gừ thở phì phò làm cha tôi phải vội vã rút lui. Và mỗi bận như thế cha tôi lại vặn tay uất ức. Những lo phiền sợ hãi ấy đã làm bệnh tình cha tôi thêm trầm trọng. Trong khi hắn ở trọ quán chúng tôi, hắn vẫn đội cái mũ ba vành nhàu nát và cái áo xanh lem luốc vá víu trăm mảnh. Hắn chẳng bắt chuyện với ai sau lúc hắn tỉnh dậy. Cả đến cái hòm to của hắn cũng chẳng bao giờ thấy hắn mở. Có một lần hắn gặp tay đối thủ. Lúc ấy cha tôi đang ốm nặng. Buổi trưa ấy, bác sĩ Ly- vơxây đến thăm bệnh cha tôi. Bác sĩ là người nhân từ có tiếng. Gặp những người nghèo khổ, ông hay giúp đỡ và có lúc chữa bệnh cho họ không hề lấy một xu nhỏ. Riêng đối với gia đình tôi, ông là một vị ân nhân. Xem xong bệnh cho cha tôi, ông sang phòng bên hút thuốc. Anh chúa tàu đang ê a bài hát cũ: Mười lăm thằng trên hòm người chết, ỳ a, ỳ a... Be rượu "rum" say bét say be! Ngoài bác sĩ ra, bài hát này chẳng ai lạ tai hết. Hát xong, quen lệ hắn đập tay xuống bàn quát mọi người im. Mọi người đều nín thít. Riêng bác sĩ vẫn hút thuốc và vẫn ôn tồn giảng cho một ông lão nghe cách trị bệnh tê thấp. Anh chúa tàu trừng trừng nhìn bác sĩ, lại vỗ bàn, rồi quát lên bằng giọng tục tĩu:

- Đằng ấy có câm mồm không? Bác sĩ nói:

- Ông bảo tôi phải không? Khi anh chàng tục tằn kia bảo "phải", bác sĩ nói:

- Tôi nói với anh điều này: nếu anh cứ uống rượu "rum" mãi,
thì đến phải tống anh đi nơi khác.

Cơn tức của tên giặc già thật đến ghê. Hắn đứng phắt dậy rút soạt dao ra, lăm

lăm chực đâm bác sĩ. Tôi lo cho bác sĩ quá. Nhưng ông vẫn vững chãi, giọng vừa dõng dạc vừa bình tĩnh mà quả quyết:
- Nếu anh không cất dao vào, tôi quyết sẽ làm anh bị treo cổ
trong phiên tòa đại hình sắp tới.
Tôi còn nhớ trông bác sĩ lúc này với gã kia thật khác nhau một trời một vực. Một đằng thì đức độ khoan dung, hiền từ mà nghiêm nghị. Một đằng thì nanh ác, hung hăng như con thú dữ nhốt chuồng. Hai người đưa mắt gườm nhau. Rốt cục tên chúa tàu gằm mặt xuống, tra dao vào, ngồi xuống, làu bàu trong cổ họng. Bác sĩ nói:
- Bây giờ tôi mới biết trong quận này có một người như anh. Tôi không chỉ làm thầy thuốc, tôi còn xử án nữa. Nếu bận sau còn xảy ra việc gì, tôi sẽ ra lệnh bắt và đuổi anh ra khỏi đất này. Một lát sau, bác sĩ lên ngựa. Từ đêm ấy và những đêm sau, tên chúa tàu im như thóc.

CHƯƠNG 2

HẮC CẨU

Mùa đông năm ấy rất lạnh, tuyết to, bão lớn. Bệnh tình cha tôi không còn hy vọng qua khỏi mùa đông. Tất cả công việc nhà đều đổ vào vai hai mẹ con tôi, nên chúng tôi cũng không còn đâu thì giờ rỗi để gặp ông khách khả ố ấy nữa. Tháng giêng, một buổi sáng rét buốt, tuyết phủ trắng bến tàu, sóng vỗ nhẹ trên đá, mặt trời vừa nhô lên đầu núi, chiếu sáng mặt biển xa. Viên chúa tàu dậy sớm hơn thường lệ. Hắn đi ra biển, con dao dài lủng lẳng, ống nhòm dưới nách, mũ hất ngược ra sau. Tôi nhớ khi hắn đi khuất sau tảng đá, tôi còn nghe tiếng hắn thở phì phò gầm gừ như đương cơn tức. Lúc bấy giờ tôi đương lúi húi dọn cơm sáng sẵn để hắn về ăn. Chợt cửa mở, một người lạ mặt bước vào. Mặt hắn xanh sạm, bàn tay trái cụt hai ngón. Hắn không giống người đi biển nhưng có vẻ làm cho người ta phải nhớ đến biển. Hắn bảo hắn muốn dùng "rum". Tôi sắp đi lấy thì hắn ra hiệu bảo tôi đến gần. Tôi dừng lại. Hắn gọi:

- Lại đây chú bé! Lại gần đây! Rồi hắn hỏi:

- Bàn ăn này có phải của ông bạn Bin không? Tôi bảo không biết ai tên là Bin, mà đây là bàn của người
khách trọ thường gọi là ông chúa tàu.

- Phải, phải! Chúa tàu cũng đúng! Ông ta có cái sẹo ở má trái, tính ông ta vui đáo để, nhất là khi ông ấy say, phải không nào? Đúng đứt đi chứ lị! Thế ông Bin có nhà không?

- Đi vắng rồi.

- Đi đâu? Đi về lối nào? Nhìn lối tôi chỉ xong, người khách lạ ngồi lại, mắt hau háu
nhìn ra bến như mèo rình chuột. Vừa lúc tôi chạy ra đường, hắn gọi giật ngay; tôi chưa kịp vào, hắn rủa một tiếng làm tôi mất hồn. Khi tôi vào rồi, hắn trở lại nhã nhặn, vỗ vai tôi, khen tôi là đứa trẻ ngoan và bảo hắn thích tôi lắm:

- Tao cũng có đứa con trai giống mày như đúc. Nhưng đã là con trai thì phải biết nghe lời, nghe không con? À đây rồi, ông Bin đã về kia. Tao với mày hãy vào buồng nấp sau cửa này để cho ông ta một mẻ hết vía chơi. Nói thế rồi hắn lôi tôi vào buồng nấp sau cánh cửa bỏ ngỏ; hắn để tôi đứng sau lưng, tay hắn sờ vào chuôi dao sau áo. Một chốc, tên chúa tàu bước vào, đóng sầm cửa rồi bước thẳng lại bàn ăn.

- Bin!

Người lạ lên tiếng gọi, cố lấy giọng cho to, cho dõng dạc. Viên chúa tàu quay lại. Mặt hắn biến sắc tái mét. Mắt hắn thất thần, người hắn bỗng chốc

trở nên già sọm. Người lạ lại nói:
- Anh Bin, anh còn nhận ra người bạn cũ này chứ? Viên chúa tàu hổn hển thở phào một tiếng:
- Hắc Cẩu!
- Không Hắc Cẩu thì còn ai vào đây nữa. Chao! Anh Bin ơi!
Từ khi tôi mất hai ngón tay này, hai chúng ta đã gặp bao chuyện trên đời!
Hắn vừa nói vừa giơ bàn tay trái cụt ngón ra. Viên chúa tàu nói:
- Thôi! Anh đã tìm được tôi... Muốn gì nói đi!
- Bin, anh nói đúng! Để tôi bảo cậu bé đáng yêu này lấy cốc "rum", rồi chúng ta sẽ nói chuyện với nhau như những người bạn cũ.
Khi tôi mang rượu vào, Hắc Cẩu bảo tôi ra và không được đứng nghe ở cửa. Tôi ra ngoài quầy, cố lắng tai nhưng chỉ nghe tiếng rì rầm, một vài tiếng chửi rủa của viên chúa tàu. Thốt nhiên có tiếng bàn ghế đổ, tiếp theo là tiếng dao loảng xoảng rồi tiếng kêu thất thanh. Một chốc, tôi thấy Hắc Cẩu chạy ra, tên chúa tàu đuổi sát sau, vai Hắc Cẩu máu đổ ròng ròng. Đến cửa ngoài, viên chúa tàu giơ dao chém bổ xuống nhưng lưỡi dao vướng vào tấm biển hàng. Hắc Cẩu thoát ra ngoài, chạy biến mất sau gò. Còn viên chúa tàu giụi mắt đứng ngơ ngác rồi vào nhà. Hắn gọi tôi:
- Dim! Đem "rum" đây!
Hắn vừa nói vừa lảo đảo, tay dựa vào tường. Tôi bàng hoàng chạy đi lấy rượu. Bỗng nghe tiếng đánh thịch trong phòng. Tôi vào thì đã thấy tên chúa tàu nằm dài sóng sượt, bất tỉnh nhân sự. Lúc ấy mẹ tôi nghe tiếng chạy xuống. Chúng tôi nâng cao đầu hắn lên. Mẹ tôi kêu:
- Ối giời! Khổ ơi là khổ! Lại còn bố mày ốm nằm liệt trên kia!
Giữa lúc chúng tôi đang bối rối thì cánh cửa mở, bác sĩ Ly bước vào. Trông thấy bác sĩ, chúng tôi mừng khôn xiết. Tôi vội nói:
- Thưa bác sĩ, không hiểu lão bị thương ở đâu mà chết cứng thế này. Bác sĩ điềm nhiên bảo:
- Bị thương gì! Hắn lên chứng động kinh đấy. Giọng ông trở nên ân cần ấm cúng.
- Còn bà, thôi hãy lên với ông nhà; đừng để ông nhà biết chuyện này. Tôi sẽ cố chạy chữa cho hắn. Nào cậu Dim! Đi lấy cái thau đây.
Khi tôi đem thau lại thì bác sĩ đã xắn cánh tay áo hắn lên.
Trên cánh tay lực lưỡng có trổ nhiều dòng chữ:
“Thuận buồm xuôi gió", "Tai qua nạn khỏi", "Bin- bôn cóc cần". Bác sĩ bảo:
- Cậu cầm lấy chậu thau. Nào thử xem máu anh này ra sao. Nói thế rồi bác sĩ

cầm dao chích vào mạch máu hắn. Khi máu chảy ra nhiều, hắn mới tỉnh dần và kêu lên:
- Hắc Cẩu đâu rồi?
- Chẳng có Hắc Cẩu đâu. Hắc Cẩu chỉ ở trong lương tâm của anh thôi! Bác sĩ đáp.
- Anh uống quá nhiều "rum" nên mắc phải chứng kinh phong đấy. Và bây giờ, ông Bin- bôn...
- Tên ấy không phải tên tôi Hắn vội nói. Bác sĩ bảo:
- Muốn tên gì cũng được. Tên ấy là tên một thằng cướp biển
mà tôi từng biết! Tôi chỉ khuyên anh một điều: một cốc rượu "rum" chưa can gì, nhưng nếu cứ chén trong kéo chén ngoài thì có ngày anh đi đứt. Hiểu chưa? Thôi bây giờ anh cố gượng, tôi đưa anh lên buồng ngủ.
Khó nhọc lắm, chúng tôi mới vực được hắn lên giường. Hắn
nằm thiêm thiếp. Bác sĩ kéo tôi ra:
- Không hề gì đâu, tôi đã lấy khá nhiều máu ở cánh tay hắn
để hắn phải nằm yên ít lâu. Như thế cũng yên cho hắn mà cũng
yên cho gia đình cậu. Chỉ lên cơn một lần nữa là hắn đi đời.

CHƯƠNG 3

CÁI VẾT ĐEN

Một buổi trưa, tôi đến buồng viên chúa tàu, đem cho hắn ít thức ăn và thuốc
- sắc mặt hắn trông xanh xao và ngớ ngẩn. Hắn bảo tôi:
- Cậu Dim, bây giờ tôi chỉ còn mình cậu. Người ta khinh khi tôi, chẳng ai thèm ngó đến tôi nữa. Cậu cũng biết tôi đối xử với cậu thế nào. Tháng nào tôi cũng cho cậu bốn xu đấy... à này, cậu cho tôi xin một cốc rượu "rum" nào.
- Thầy thuốc đã dặn... Tôi chưa nói hết câu, hắn đã chửi rầm lên:
- Bọn thầy thuốc thì biết cóc khô gì! Lão lang ấy hiểu thế nào được bọn thủy thủ chúng tôi. Tôi đã từng vào những chốn nước sôi lửa bỏng, đất nóng như lửa than và động như sóng cồn mà tôi sống được cũng chỉ nhờ uống "rum". Không có rượu "rum", tôi còn thua cái giẻ rách. Mẹ kiếp, cái lão lang đểu cáng! Giọng hắn lại trở thành van lơn:
- Cậu Dim, cậu thử nhìn ngón tay tôi run bắn thế này, chỉ vì không có một giọt rượu. Nếu cậu không cho tôi hớp rượu, tôi điên lên bây giờ. Tôi đã thấy lão Phơ-linh đứng ở xó kia. Tôi đã nóng mắt lên rồi đây. Nào, cậu lấy cho tôi một cốc, nhanh lên, tôi sẽ cho cậu một đồng tiền vàng nước Ghi-nê. Thấy hắn đưa tiền ra dử, tôi tức lộn ruột. Nhưng nghĩ đến cha đương bệnh nặng, cần yên tĩnh thuốc thang, sợ hắn làm ầm lên, tôi bảo:
- Tôi chỉ cần ông trả tiền cơm cho đủ, ngoài ra tôi không thèm ngửa tay lấy một xu nào của ông cả. Tôi chỉ rót cho ông một cốc rượu thôi, không được vòi thêm đấy!
Cốc rượu tôi đưa, hắn ực một hơi cạn ráo. Hắn bảo:
- Hà, đã thấy hơi dễ chịu! Cậu có biết thầy thuốc bảo tôi còn phải nằm bao lâu không?
- Ít ra cũng một tuần lễ. Hắn kêu to:
- Chết mẹ! Một tuần lễ là không được rồi. Chẳng mấy chốc mà bọn nó sẽ gửi cái vết đen đến rồi!
Hắn cố chống tay ngồi dậy rồi lại ngã giụi xuống giường. Tôi hỏi:
- Vết đen là cái gì?
- Đó là dấu hiệu báo trước. Bọn chúng mà gửi vết đen đến là muốn đoạt lấy chiếc hòm của tôi đó. Bọn chúng toàn đồ chó má, chỉ muốn ăn cướp của người. Nếu chúng gửi vết đen đến, cậu cứ mượn ngựa... mượn ngựa đến cái lão thầy thuốc... Cậu báo cho cái ông ấy biết là cứ rình ở đây,

sẽ tóm được hết cả lũ thủ hạ của lão Phơlinh. Khi xưa tôi là phó thuyền của lão ấy. Khi chết, lão đã chỉ cho một mình tôi biết cái chỗ ấy. Hắn còn nói huyên thiên, tiếng nói cứ yếu dần, rồi hắn ngủ thiếp đi. Tôi đã định đi kể chuyện cho bác sĩ Ly nghe nhưng thốt nhiên cha tôi mất, mọi việc đành xếp lại. Lòng thương cha, việc tang bận rộn làm tôi gần như quên bẵng tên chúa tàu và cũng không sợ hắn như trước nữa. Có điều lạ là sáng hôm sau, hắn đã xuống nhà ăn cơm và uống nhiều rượu "rum" hơn mọi bận. Sức hắn mỗi ngày mỗi lụn dần, nhưng tính hung hãn vẫn như xưa. Ngay sau hôm đưa đám cha tôi, tôi ra đứng trước cửa. Trời chiều, khí lạnh mịt mù, tình thương cha bùi ngùi trong dạ. Tôi chợt thấy trên đường cái một người đi lại. Tôi đoán chắc là người mù, vì hắn cầm gậy khua phía trước. Hắn đeo một miếng the xanh che kín mắt mũi, tuổi hắn già, hắn mặc cái áo đi biển cũ rích. Hắn dừng trước cửa quán, lên tiếng hỏi:

- Ông bà nào làm phúc bảo cho kẻ mù lòa này biết nơi này là đâu?

Lòng thương nhớ cha tôi còn bồi hồi nên trông thấy kẻ tàn tật, tôi bỗng chạnh lòng. Tôi vội bảo:

- Này ông già, đây là quán "Đô đốc Bin-bâu".

- Tôi nghe tiếng ai như tiếng một cậu bé... Cậu ơi! Cậu dắt hộ lão với...

Không ngần ngại, tôi đưa tay cho hắn cầm. Tên mù có giọng nói ngọt xớt ấy liền bóp chặt tay tôi như kìm sắt. Tôi hoảng sợ cố gỡ ra nhưng hắn kéo tôi lại gần bảo nhỏ:

- Đưa tao đến gặp viên chúa tàu!

- Thưa ông, tôi quả không dám. Hắn cười khanh khách, vẻ chế giễu:

- Đưa tao vào ngay, không tao bẻ gãy tay bây giờ. Tôi định phân trần, hắn đã cướp lời:

- Không nói nữa, đi vào ngay! Tôi không thấy tiếng ai độc ác, lạnh lùng và gớm ghiếc như tiếng tên mù ấy. Tôi đau thì ít mà sợ thì nhiều nên phải nghe lời hắn. Tay tên mù nắm chặt lấy tôi như bàn tay sắt. Tôi đưa hắn vào chỗ tên giặc già đương say rượu lừ đừ. Tên chúa tàu thoạt thấy tên mù, hơi rượu "rum" bỗng bay mất. Hắn tỉnh hẳn, trố mắt lên nhìn. Hắn cố đứng dậy nhưng không còn sức. Tên mù nói:

- Này anh Bin, hãy ngồi yên đấy. Việc đâu có đó. Cậu bé này, cầm lấy cổ tay trái ông Bin đưa lại gần tay phải tôi...

Tôi và cả viên chúa tàu đều tuân theo. Hắn trao cho viên chúa tàu một vật gì giấu trong tay hắn. Xong hắn buông tay ra; thoắt một cái, hắn đã ra ngoài và đến đường cái. Tôi nghe tiếng gậy lộc cộc xa dần. Một lúc sau, tên chúa tàu mới hoàn hồn và nhìn xuống tay. Hắn kêu to:

- Kỳ hạn chúng cho đến mười giờ! Chúng ta còn sáu tiếng nữa... để lo liệu.

Nói xong, hắn đứng dậy. Ngay lúc ấy người hắn chới với, hắn đưa tay lên kêu rú một tiếng rồi ngã vật xuống. Tôi chạy lại và gọi mẹ tôi. Nhưng không kịp! Hắn đã chết rồi.

CHƯƠNG 4

CÁI HÒM CỦA VIÊN CHÚA TÀU

Bấy giờ tôi mới nói những điều tôi biết cho mẹ tôi nghe. Hai mẹ con tôi đương lâm vào cảnh ngộ rất khó khăn. Phần nợ của viên chúa tàu đã làm chúng tôi sạt nghiệp, phần giặc cướp rình mò quanh nhà. Trong lúc nguy khốn này, tôi chỉ biết nghĩ đến bác sĩ Ly. Tôi muốn đến báo với ông nhưng lại sợ để mẹ ở nhà một mình, ngộ xảy ra việc gì, lòng tôi không nỡ. Cuối cùng mẹ con tôi quyết định chạy lên xóm bên cầu cứu. Chúng tôi ra đi trong lúc nhá nhem tối, sương mù lạnh buốt; cái xóm chỉ cách nhà tôi dăm trăm mét, vậy mà mịt mù không thấy đâu cả! Đi được một đoạn, hai mẹ con dừng lại lắng nghe... Nhưng ngoài tiếng nước vỗ, tiếng quạ kêu trong rừng, chẳng nghe thấy tiếng gì khác. Đến xóm thì vừa lúc lên đèn. Tôi không quên được phút vui mừng khi trông thấy ánh đèn. Chúng tôi cầm chắc đến đây là có người cứu giúp. Nhưng khi nghe đến tên tướng cướp Phơ-linh và đồng đảng của hắn là mọi người rụt cổ. Rút cục chỉ có người chịu đi báo với ông Ly, nhưng không ai chịu đến giữ quán cơm với chúng tôi cả. Người ta nói, bệnh sợ là bệnh hay lây. Nhưng sợ quá cũng hóa liều, thành đánh bạo. Mẹ tôi bảo không muốn để đứa con vừa mồ côi cha phải mất một số tiền nợ. Mẹ tôi mượn một cái túi đựng tiền, rồi hai mẹ con dắt díu nhau trở về. Mặt trăng mới mọc chiếu hồng lớp sương mù. Chúng tôi đi nhanh chân để khi trở lại, trăng chưa sáng. Đến nhà, đóng cửa xong mới thấy yên tâm. Mẹ tôi lấy nến đốt lên rồi hai mẹ con dắt nhau vào phòng. Xác tên chúa tàu vẫn nằm ngửa như cũ. Mẹ tôi bảo nhỏ:

- Kéo cửa gỗ xuống con! Kẻo ở ngoài trông thấy.

Xong, mẹ tôi bảo phải lấy cái chìa khóa trong mình hắn. Tôi đánh bạo quỳ xuống... Cạnh tay hắn có một mảnh giấy tròn nhỏ, một mặt bôi đen. Tôi đoán ngay là cái vết đen. Mặt bên kia viết mấy chữ:

“Kỳ hạn cho anh đến 10 giờ đêm nay là hết".

Tôi nhìn lên cái đồng hồ cổ treo trên vách. Mới có 6 giờ. Mẹ
tôi giục:

- Dim! Tìm chìa khóa đi con! Tôi lần túi hắn, hết túi này sang túi nọ, nhưng tôi thất vọng. Mẹ tôi bảo:

- Có khi hắn treo ở cổ. Tôi mò lên thì thấy cái chìa khóa buộc vào một đoạn dây,
treo ngay ở cổ. Chúng tôi vội vã lên gác, vào thẳng gian phòng hắn ngủ, nơi hắn để chiếc hòm đồ khi mới đến. Chiếc hòm này cũng giống như trăm ngàn chiếc hòm khác của bọn thủy thủ. Trên mặt hòm có khắc một chữ "B" bằng sắt nung. Vừa mở nắp lên, thấy sặc mùi thuốc lá và hơi nhựa. Ở ngăn trên

thấy có một bộ quần áo còn mới nguyên. Ở dưới, các thứ để lộn xộn: một cái thước đo đường biển, vài cuộn thuốc lá, hai khẩu súng lục thật đẹp, một thoi bạc, một đồng hồ quả quít cổ, một ít đồ lặt vặt, phần nhiều là đồ nước ngoài, một cái com-pa, một đôi địa bàn vỏ đồng và năm sáu cái vỏ ốc. Nói chung chẳng có vật gì quý giá. Ở dưới nữa, thấy có một cái áo tơi đi biển đã bạc màu. Mẹ tôi sốt ruột, lôi cái áo ấy lên. Trong hòm chỉ còn một gói bọc vải sơn dầu hình như ở trong có gói giấy má gì và một cái túi vải; chạm đến túi nghe tiếng loảng xoảng. Mẹ tôi nói:

- Tao sẽ cho bọn bất lương thấy rằng tao là người lương thiện. Tao chỉ lấy đủ số tiền nợ, không thèm lấy thêm một xu nhỏ... Này, cầm lấy cái túi... Mẹ tôi vốc tiền trong túi của hắn, vừa đếm vừa bỏ vào cái túi tôi cầm. Trong túi hắn có đủ cả tiền các nước: Tiền vàng Tây Ban Nha, tiền vàng Pháp, tiền Ghi-nê Anh, và còn nhiều thứ tiền khác nữa. Tiền Ghi-nê có ít, nhưng chỉ có thứ tiền ấy mới tính nợ được, vì thế đếm tiền vừa lâu vừa khó. Đang đếm tôi bỗng nghe tiếng gậy của thằng mù khua trên đường cái lạnh. Hắn đang đi lại gần. Hắn gõ cửa quán mấy cái. Chúng tôi nghe tiếng vặn quả đấm, tiếng then cửa lạch cạch rồi phút chốc trong ngoài yên lặng... Lại nghe tiếng gậy lộc cộc trên đường xa dần rồi mất hẳn. Tôi nói:

- Mẹ ơi! Ta đem cả đi thôi.

Tuy sợ, nhưng mẹ tôi vẫn khí khái, nhất định không chịu lấy hơn số tiền nợ, mà cũng không chịu thiếu. Mẹ con đương giằng co nhau thì thốt nghe có tiếng còi rúc ở phía đồi. Tôi vội vàng đứng dậy, vừa nhặt cái gói vải sơn dầu vừa nói:

- Con lấy cái này cho đủ số tiền nợ.

Chúng tôi lần xuống, bỏ lại cây nến rồi mở cửa chạy ra ngoài. Sương mù tan nhanh, mặt trăng lồ lộ chiếu sáng trên dãy gò. Chúng tôi bước nhanh. Chưa được nửa đường, chúng tôi đã nghe thấy tiếng chân nhiều người đi lại; phía trước có một ngọn đèn lắc lư. Chúng tôi biết ngay trong bọn nó có người xách đèn. Thốt nhiên mẹ tôi quỵ xuống nói như giối giăng:

- Con ơi! Cầm lấy tiền mà chạy đi thôi... Mẹ đuối sức rồi,

không bước được nữa.

May sao đã đến gần cầu. Trong gian nguy, sức tôi khỏe lên gấp bội. Tôi xốc nách, dìu mẹ tôi men theo bờ lạch, đến mãi dưới gầm cầu. Mẹ tôi thở hắt một tiếng rồi nằm vật ra. Chúng tôi chỉ cách hàng cơm một quãng ngắn.

CHƯƠNG 5

HẾT KIẾP THẰNG MÙ

Tuy tôi sợ nhưng tính tò mò của tôi lại mạnh hơn. Tôi bò lại nấp sau bụi, nhìn lên con đường trước cửa nhà. Tôi vừa ngồi xuống thì bảy tám tên giặc ồ ạt chạy đến, tên cầm đèn đi đầu. Tuy trời sương mù, tôi cũng nhận ra tên mù đi giữa. Một lát, nghe tiếng hắn quát to:

- Phá cửa đi!

Cả bọn kéo ùa vào nhà, lão mù đứng ngoài, luôn mồm đốc thúc và chửi rủa. Thốt nhiên một tiếng kinh ngạc vọng ra:

- Lão Bin chết rồi! Nhưng tên mù quát:

- Đồ ngốc, cứ lục túi nó xem! Rồi những tiếng kêu kinh ngạc ầm nhà. Từ gác trên một đứa thò đầu ra bảo:

- Piu ơi! Có kẻ đến trước lục tung cả rồi! Lão mù gầm lên:

- Có thấy cái ấy không?

- Có thấy tiền. Lão Piu rống lên:

- Tiền thì làm cái đếch gì! Tao hỏi giấy tờ của lão Phơ-linh kia!

- Chẳng có giấy tờ nào cả. Lão mù lại kêu to lên:

- Thôi, chính mấy đứa ở quán cơm lấy rồi! Chính thằng nhãi con! Biết thế ông móc mắt nó cho sớm. Thôi chúng bay tản đi các ngả, tìm chúng ngay. Một tên đứng gần cửa sổ bảo:

- Phải rồi! Đèn nó còn để đây. Ngay lúc ấy, tiếng còi lúc nãy lại rúc lên hai lần. Tôi hiểu ngay là tiếng còi hiệu báo nguy của đồng đảng chúng. Tôi nghe lão Piu hét lớn:

- Còi mặc còi! Chúng bay chỉ là đồ ăn hại, đồ chó má! Cứ sục tìm chúng nó đi. Nhưng bọn chúng vẫn ngần ngại. Lão mù lại chửi rầm lên:

- Lũ bay là đồ khốn kiếp! Của để trước miệng mà còn chần chừ! Chuyến này mà hỏng việc là tại chúng mày cả. Một đứa trong bọn lên tiếng:

- Piu ơi! Đừng rống lên nữa! Cứ cầm lấy một ít tiền vàng đây mà xài!

Nghe thế, lão mù bỗng hằm hằm tức giận, vung gậy đập chan chát vào bọn kia. Bọn chúng cũng chửi rủa lại. Nhờ trận ẩu đả ấy, chúng tôi thoát nạn. Giữa khi ấy có tiếng ngựa phi dồn dập ở đỉnh gò, rồi tiếp theo một tiếng súng nổ cạnh đấy. Có lẽ đó là tiếng báo hiệu nguy nhất, vì tôi thấy bọn giặc vụt chạy tán loạn, bỏ trơ lão mù lại một mình. Lão ta vung gậy quờ quạng, vừa chạy vừa kêu gọi bọn kia. Nhưng tiếng vó ngựa đã nện trên đỉnh gò và phi xuống dưới ánh trăng. Lão mù bỗng như điên dại, chạy đâm thẳng ngay vào chân con ngựa đầu đàn đang phi tới. Lão chỉ kịp kêu lên một tiếng. Bốn vó

ngựa xéo lên mình lão, hất lão nằm úp sấp mặt xuống đất. Tôi nhảy ra và nhận ra ngay những nhân viên thuế quan đương kéo đến. Nhưng tất cả bọn giặc đã cao chạy xa bay. Thằng Piu thì đã chết thẳng cẳng. Mẹ tôi cũng đã tỉnh lại. Viên thanh tra hỏi tôi bọn chúng định cướp gì trong nhà. Tôi thuật lại câu chuyện và nói:

- Tôi chắc không phải chúng kiếm tiền mà chính là chúng muốn tìm cái vật tôi đang giữ đây. Bây giờ tôi muốn trao cái này lại cho bác sĩ Ly...

Viên thanh tra gật đầu tán thành ngay và chúng tôi cùng lên
ngựa, đi nước kiệu về thẳng nhà bác sĩ Ly.

CHƯƠNG 6

GIẤY TỜ CỦA VIÊN CHÚA TÀU

Lúc chúng tôi đến nơi thì người đầy tớ gái cho biết bác sĩ đã xuống chơi với nhà quý tộc Chi-lô-nây và ngủ đêm ở đấy. Bác sĩ và ông Chi là hai người bạn thân tình. Theo lời bác sĩ thì ông Chi là một người hào hiệp, giàu lòng bác ái, hay cứu khốn phò nguy. Ông ta chỉ thích đi săn và làm việc nghĩa. Đã có lần ông cho gọi tôi đến, hỏi han về sự học hành và xoa đầu tôi, bảo:

- Cháu là đứa trẻ thông minh. Cháu nên gắng học để sau này thành người có ích cho nước nhà.

Tôi còn nhớ lần ấy ông bảo mang lên cho tôi một đĩa thịt chim và bắt tôi ăn cho kỳ hết mới nghe. Tuy đối với ông, tôi không thân bằng bác sĩ Ly, nhưng lòng tôi vẫn kính phục ông hết sức. Khi chúng tôi đến thì thấy hai ông đang ngồi hút thuốc lá cạnh lò sưởi. Lần này tôi mới nhìn được ông Chi rõ hơn. Ông người cao lớn, nét mặt hiền từ nhưng cương nghị, lông mày đen sẫm, khi giương lên, khi cau lại, tỏ ra người nhanh trí và hơi kiêu kỳ. Ông ngồi nghe viên thanh tra thương chính thuật chuyện một cách thích thú. Thỉnh thoảng ông lại nhìn tôi, nửa như khen ngợi, nửa như khuyến khích. Khi viên thanh tra ra về, bác sĩ Ly đứng dậy hỏi tôi:

- Cậu Dim, cái vật chúng muốn tìm là cái gì?

- Thưa ông, đây... Tôi vừa nói vừa đưa cái gói bọc vải sơn dầu cho bác sĩ. Bác sĩ ngắm nghía, hình như muốn mở nhưng lại thôi. Ông Chi hỏi tôi:

- Chắc cậu đói lắm, phải không? Không đợi tôi trả lời, ông đã gọi mang thức ăn ra. Lần này cũng lại một đĩa thịt chim ướp. Tôi đang đói bụng, ăn rất ngon lành. Bác sĩ Ly đương ngồi trầm ngâm, tay mân mê cái gói vải sơn dầu, bỗng ông hỏi ông Chi:

- Này, chắc ngài đã nghe nói đến tên Phơ-linh? Ông Chi đáp thực to:

- Lão Phơ-linh là tay trùm cướp khét tiếng, ai mà không biết! Bác sĩ Ly lại hỏi:

- Thế lão ấy có nhiều tiền của không? Ông Chi lại nói to:

- Làm giặc, chả giết người kiếm tiền thì còn kiếm gì? Số tiền lão kiếm được suốt một đời làm giặc cũng đủ cất một kho của lớn.

Dừng một lát, bác sĩ Ly lại hỏi:

- Giá thử trong cái gói này đây có đủ giấy má để tìm nơi lão Phơ-linh giấu của, thì ngài định liệu thế nào?

- Thì chúng ta sẽ sửa soạn một chiếc tàu, đi lấy về thôi. Bác sĩ nói:

- Thôi được! Xin mời cậu Dim lại đây! Khi tôi đến gần, bác sĩ đặt cái gói lên bàn rồi trịnh trọng nói:

- Cậu là người có công lấy được vật này. Nếu cậu ưng thuận,
chúng ta sẽ cùng mở ra xem.
Không nói thì các bạn cũng biết, tôi đã vui vẻ gật đầu. Trong gói có hai thứ: một quyển sổ của tên Piu ghi tiền cướp được, và một phong bì niêm kín, có dấu đóng. Thấy quyển sổ không có gì quan trọng, bác sĩ Ly liền mở đến phong bì. Trong đó có bản đồ một cái đảo, có chia cả kinh tuyến, vĩ tuyến, các chỗ sâu, chỗ nông, tên núi, tên bến, tên lạch và nơi đỗ tàu chắc chắn. Cái đảo chiều dài chín dặm, ngang năm dặm, trông hình dáng như con rồng uốn. Đảo có hai bến rất kín, ở giữa có cái gò tên là Vọng Viễn, có ghi nhiều dấu, có dấu mới ghi thêm. Tính ra thì có ba dấu chữ thập đỏ, hai ở phía bắc đảo và một về phía tây nam. Gần dấu này có mấy chữ viết mực đỏ rất rõ:
“Phần chính kho của là ở nơi này". Đằng sau, có chú thêm, chữ cùng do một người viết:
“Cây to. Đồi con, gò Vọng Viễn, mũi đất về phía B.B.Đ. "Đảo Hình Người Đ.Đ.N. "Mười mét..." Rồi một số dòng chữ chú thích nữa, dưới ký: “P."
Tuy vắn tắt và khó hiểu như vậy, nhưng trông mặt hai ông
rạng rỡ vui mừng. Bác sĩ kêu lên:
- Một kho của lớn sắp về tay chúng ta. Từ lúc xem xong bản đồ, nét mặt ông Chi vốn trầm lặng bỗng
giờ đây mắt sáng long lanh, ông đứng lên nói một cách say sưa:
- Tôi thì tôi nghĩ một kho của phi nghĩa sắp trở thành một kho của có ý nghĩa. Một kho vàng nằm im vô dụng, giờ đây sắp được đem lên để làm sáng bao nhiêu khuôn mặt khổ nghèo.
Bác sĩ Ly gật gật đầu ra vẻ đồng tình, rồi vừa cười vừa nói:
- Thôi tha hồ ngài được toại nguyện bình sinh. Ngài có thể
cứu tế cho trẻ mồ côi ba quận, chứ đừng nói một quận nhỏ bé này. Ông Chi tiếp lời ngay:
- Còn ông, ông cũng tha hồ mở nhiều nhà thương làm phúc... Chợt bác sĩ quay lại phía tôi:
- Còn cậu Dim! Cậu là người có công đầu trong việc này, ý cậu thế nào? Cậu có đi với chúng tôi không? Tôi lúng túng một lúc lâu rồi ấp úng trả lời:
- Tôi xin đi theo... Bác sĩ Ly lại quay sang nói với ông Chi:
- Việc này rất hệ trọng, có thể nguy hiểm đến tính mạng như chơi, vì giấy tờ này không phải chỉ riêng chúng ta biết... Ông Chi khảng khái đáp:
- Dù có phải nguy hiểm đến tính mạng tôi cũng không ân hận gì vì chúng ta đang làm một việc nghĩa... Bác sĩ ngắt lời:
- Vì thế, tôi chỉ lo một người có thể làm lộ công việc. Ông Chi nói to:
- Kẻ ấy là ai, ông thử nói tên nó ra? Bác sĩ đáp:
- Chính ngài chứ ai nữa! Vì ngài hay bộp chộp. Ông Chi im
lặng rồi nói khẽ:
- Ngài nói chí lý. Tôi xin giữ kín việc này.

CHƯƠNG 7

TÊN BẾP TÀU

Cuộc chuẩn bị vẫn kéo dài. Bác sĩ Ly và ông Chi đều đi lo công việc. Chỉ còn tôi ở lại nhà với lão Ri- đrus. Suốt ngày, tôi ngồi tưởng tượng đến tương lai với lòng chứa chan những ước mơ đẹp đẽ. Khi thì tôi nghĩ đến những nhà thương đồ sộ mà bất kể nghèo giàu, hễ ai vào đấy là đều được săn sóc chu đáo, không phải trả một đồng xu nhỏ. Cái cảnh vì thiếu tiền thuốc mà phải chết dần chết mòn như cha tôi sẽ không còn nữa. Khi thì tôi tưởng tượng đến sự mừng rỡ của những đứa trẻ mồ côi nghèo đói được nuôi dưỡng ăn học như con nhà giàu. Có những cảnh làm tôi xúc động đến rớm nước mắt. Có lúc tôi lại say sưa mơ tưởng về biển: nào phong cảnh tuyệt vời của đảo, nào những thứ hoa thơm cỏ lạ, nào những chuyện phiêu lưu thần kỳ. Tôi ngồi hình dung lại bản đồ, nhớ các chỗ từng ly từng tí. Rồi một hôm, có phong thư của ông Chi gửi về báo tin công việc đã sắp đặt xong, bảo lão Ri và tôi thu xếp đến ngay và nhắn cả bác sĩ Ly tới gấp. Trong thư có nói rõ là ông đã tìm được một viên thuyền trưởng rất thạo nghề, chỉ phải cái hay bẳn tính, và một thủy thủ cụt một chân tên là Xin-ve rất vừa ý. Người thủy thủ cụt chân này sẽ giữ chân đầu bếp dưới tàu. Sáng hôm sau, lão Ri và tôi lên đường đi Brít- tôn. Tôi ghé lại nhà, từ biệt mẹ tôi. Nhà cửa đã được ông Chi cho sửa sang lại và thuê cho một người phụ việc, nên ra đi, tôi cũng yên lòng. Chiều hôm ấy chúng tôi lên xe ngựa. Sáng hôm sau, khi choàng mắt dậy đã thấy đến Brít- tôn. Chúng tôi phải đi bộ đến quán trọ đầu bến tàu, nơi ông Chi ở tạm. Khi đi qua bến, tôi được nhìn tận mắt rất nhiều tàu, đủ các cỡ, đủ các kiểu, thuộc đủ các nước. Trên tàu, thủy thủ vừa làm vừa hát. Trên một chiếc khác, nhiều người đánh đu trên ngọn cột buồm cao tít, bám vào sợi dây trông nhỏ như mạng nhện. Tôi sống suốt đời gần biển mà chưa bao giờ có cái cảm giác được gần biển như lần này. Tôi thấy nhiều tay thủy thủ già đeo khuyên ở tai, râu mép xoắn tít, đuôi tóc sơn thõng xuống như đuôi cá. Tất cả đối với tôi đều mới lạ, cả đến cái mùi nước mặn và mùi hắc ín. Thế mà tôi lại sắp sửa được đánh bạn với họ, đi tìm một kho của ở một hòn đảo xa lạ, đem về giúp đỡ cho bà con nghèo. Đương nghĩ lan man thì tôi đã thấy ông Chi đứng ở cửa. Trông thấy tôi, ông bảo:

- Kìa cậu! Bác sĩ Ly cũng đã tới rồi. Thế là đủ mặt. Ngày mai ta nhổ neo.

Nói xong, ông bảo tôi đưa thư đến cho Xin-ve ở quán rượu của hắn. Khi tôi đến nơi thì cửa hàng đương đông nghịt khách, phần nhiều là thủy thủ. Tôi còn đứng phân vân thì một người ở nhà trong đi ra. Thoạt trông, tôi cũng biết ngay là Xin-ve. Chân trái hắn cụt đến gần háng, hắn phải cặp nạng mà đi lại,

nhanh thoăn thoắt như con thoi. Hắn to lớn, lực lưỡng, nước da xám xịt, mặt mũi xấu xí nhưng trông tươi và linh lợi. Hắn tỏ ra vui tính. Hắn đi hết bàn nọ đến bàn kia, miệng huýt sáo, thỉnh thoảng lại vỗ vai và bông đùa vài câu với những người khách thân. Thú thực với các bạn, từ lúc đọc bức thư của ông Chi, tôi vẫn chột dạ, chỉ lo tên cụt chân ấy lại chính là tên thủy thủ tôi đã rình ở quán cơm nhà. Nhưng nhìn qua anh chủ quán đứng đắn và dễ có cảm tình này, tôi đủ yên bụng. Khi thấy tôi chìa bức thư của ông Chi ra, hình như hắn hơi giật mình.

- Chao ôi! Cậu là bạn đi tàu của tôi mà. Được biết cậu thật là
mừng.

Nói xong, hắn bắt chặt tay tôi. Ngay lúc ấy, một người khách ngồi ở góc phòng thốt đứng dậy, bỏ ra. Thoáng nhìn, tôi đã nhận ra tên giặc cụt hai ngón tay. Tôi vội kêu to:

- Hắc Cẩu! Bắt lấy nó! Xin-ve cũng quát to:

- Hắn chưa giả tiền... Ha-ri, tóm lấy nó! Một người ngồi gần cửa đứng phắt dậy đuổi theo. Xin-ve lại
nói:

- Ngay đến ông hoàng vào đây uống rượu cũng phải giả tiền!

Hắn là ai thế cậu?

- Thưa ông, hắn là một tên giặc biển.

- Thế à? Mo-gan! Lại đây, anh vừa chén với nó phải không!

Một tên thủy thủ già, tóc hoa râm, ngượng ngập bước đến. Xin-ve hỏi tiếp, giọng khắc nghiệt:

- Này Mo-gan! Trước kia, anh chưa gặp hắn lần nào đấy chứ?

- Thưa ông, không! Xin-ve nói to:

- Phúc đời nhà anh đó! Nếu anh đã chơi với hạng người như
thế thì anh đừng vác mặt đến quán tôi nữa!

Xong hắn quay lại nói riêng với tôi, bộ thân mật, làm tôi đến
thích:

- Lão này thật thà như đếm. Chỉ phải cái tội hơi ngốc. Rồi hắn lại nói to:

- Hắc Cẩu! Chịu! Ờ, ờ! Hình như tôi có gặp đâu một lần, hắn đi với một lão mù thì phải? Tôi nói:

- Chính phải rồi, lão mù tên là Piu...

- Phải, phải, Piu! Hắn nói coi bộ hớn hở.

- Ờ! Bộ nó trông rõ ra thằng đại bợm! Được! Lần này tóm
được là tôi sẽ dìm nó xuống bến cho nó cạch đến già!

Vừa nói hắn vừa đấm bàn, nét mặt giận dữ, làm ai cũng phải tin là thật. Lúc đầu thấy thằng Hắc Cẩu ở đây, tôi đã đâm nghi Xin-ve, nhưng khi thấy tên đuổi theo hổn hển trở về tay không, hắn chửi mắng vung lên, tôi lại cho hắn là người ngay thẳng. Hắn nói với tôi:

- Cậu xem đó, việc này tôi thật là bứt rứt. Rồi đây tôi biết ăn nói thế nào với

ông Chi? Thôi, nhờ cậu nói rõ cho ông ấy biết... Cậu ít tuổi, nhưng cậu là người thông minh, tất cậu đã hiểu cho tôi. Giá không vướng cái nạng này, tôi đã chạy bay tóm cổ nó về. Bây giờ thì...
Nói đến đây, mắt hắn rầu rầu.
- Nhưng thôi, chúng ta cứ đến ông Chi trình cho ông biết. Nói xong, hắn kéo tôi đi. Vừa đi, hắn vừa vui vẻ giảng giải
cho tôi nghe về tàu bè, về đồ phụ tùng, về trọng tải, về tàu nước nọ nước kia. Thấy thế tôi cho hắn là một người bạn đi biển rất tốt. Khi chúng tôi đến nhà thì thấy bác sĩ Ly và ông Chi đương ngồi uống bia. Hắn kể lại chuyện vừa xảy ra từ đầu đến cuối, không thêm bớt một chút nào. Thỉnh thoảng hắn lại hỏi:
“Có phải thế không, cậu Dim?". Tôi cũng chỉ đành gật đầu.
Nói xong hắn xin phép ra về. Ông Ly nhìn theo hắn, bảo:
- Tôi rất thích tên đầu bếp này. Ông Chi bảo:
- Tôi được một người giúp việc tận tâm như thế kể cũng may
phúc. Chính hắn đã mộ cho tôi gần hết những thủy thủ trên tàu.
Nói xong, ông rủ bác sĩ và tôi cùng đi xuống xem tàu.

CHƯƠNG 8

VẤN ĐỀ KHÍ GIỚI VÀ THUỐC SÚNG

Khi ba chúng tôi đến nơi thì viên phó thuyền ra đón. Xem ý ông Chi thì hình như ông đối với hắn thân hơn với viên thuyền trưởng. Ông này trông tướng người nghiêm khắc. Hình như trước mọi việc xếp đặt trên, ông đều nhăn nhó không hài lòng. Khi chúng tôi vừa bước vào phòng, ông nói ngay:

- Thưa ngài, dù có mếch lòng ngài, tôi nghĩ cũng nên nói thẳng là hơn. Tôi không yên tâm đối với cuộc đi này, tôi không ưa bọn thủy thủ ở đây, cả viên phó thuyền nữa.

Ông Chi đáp lại ra vẻ phật ý:

- Sao ông không nói không ưa luôn cả chiếc tàu này và cả chủ nó? Đến đây, bác sĩ Ly nói chen vào:

- Ấy khoan! Đừng nói thế, chẳng ích gì đâu! Bây giờ tôi xin ông thuyền trưởng hãy nói rõ lý do vì sao ông không ưa cuộc đi này?

- Tôi đã nhận lời một cách bí mật, đảm nhiệm đưa chiếc tàu này đến nơi ngài định. Nhưng bây giờ tôi xét thấy mọi người trên tàu đều biết rõ chuyện ấy hơn tôi. Theo ý tôi, như thế là không xong!

- Ý tôi cũng vậy, như thế là không ổn. Bác sĩ nói.

- Sau nữa, tôi nghe người ta nói chúng ta đi tìm của. Mà ai nói? Chính miệng những người trên tàu nói! Đi tìm của là một việc rất nguy hiểm. Đó là một vấn đề sinh tử.

- Điều ông nói, tôi xin nhận là đúng. Còn việc ông bảo ông không ưa bọn họ tí nào...

- Giá để tôi chọn, có lẽ lại hơn.

- Ông nói có lý. Nhưng vì lẽ gì ông không ưa cả viên phó thuyền?

- Vì hắn ta tính lè nhè, hay đánh chén với bọn thủy thủ. Hắn không thể làm một viên phó thuyền đứng đắn được.

- Thế ông muốn thế nào, ông cứ nói thẳng đi.

- Bây giờ tôi muốn các ông xét lại việc này. Họ để khí giới và thuốc súng ở đầu mũi. Các ông có phòng kín đáo ở trong tàu, sao không để vào đấy? Đó là việc thứ nhất. Các ông có đem theo bốn gia nhân thân tín, sao họ sắp xếp ở đằng mũi xa tít mà không để ở cạnh các ông? Đó là việc thứ hai. Còn một việc này: họ nói rằng các ông có một bản đồ chỉ nơi giấu của. Rồi ông nói về những dấu chữ thập trên bản đồ, cả các đường kinh tuyến, vĩ tuyến...

Bác sĩ Ly mỉm cười bảo:

- Cũng nên lo! Nhưng đừng nên lo quá xa. Đừng để con chuột đẻ ra quả núi. Có nguy hiểm một tí cũng không sao, phải cứng rắn lên mới hay.
Lúc này ông Chi mới lên tiếng một cách miễn cưỡng:
- Thôi được, chúng tôi xin chiều theo ý ông, tùy ông bố trí xếp
đặt lại trên tàu. Khi viên thuyền trưởng cáo từ lui ra, bác sĩ bảo:
- Ông Chi này! Bây giờ tôi đã thấy là ông có được hai người giúp việc trung thành: lão này và gã Xin-ve đấy.
- Xin-ve thì được chứ thằng cha này thì chưa chắc! Bác sĩ nói:
- Để xem rồi mới biết. Khi chúng tôi lên boong thì các thủy thủ đương khuân khí
giới và thuốc súng theo sự chỉ dẫn của thuyền trưởng. Thật là một sự thay đổi lớn trên tàu. Cách xếp đặt lại này rất hợp ý tôi. Giữa lúc ấy, gã Xin-ve đáp thuyền đến. Hắn trèo lên tàu nhanh nhẹn như vượn. Khi hắn thấy khuân dọn, hắn kêu to:
- A kìa! Làm gì thế người anh em? Một người nói:
- Chúng tôi phải khuân cả vũ khí đi nơi khác đây. Hắn lại kêu to:
- Rõ khổ! Đến nhỡ mất con nước buổi sáng thôi. Viên thuyền trưởng lạnh lùng bảo:
- Đó là lệnh của tôi. Anh cứ xuống bếp mà làm việc.
- Vâng, vâng! Tôi đi đây! Tên đầu bếp vừa nói vừa chào qua
loa rồi biến mất vào trong.

CHƯƠNG 9

ĐI BIỂN

Cả đêm bận rộn thu dọn, tôi mệt lả. Nhưng khi gần sáng, lúc sắp nhổ neo, tôi vẫn cố đứng trên boong. Điều gì với tôi cũng mới lạ: từ tiếng còi rúc, tiếng lệnh truyền, đến những chấm đèn ló chạy đi chạy lại. Một thủy thủ bảo:

- Bác bếp hát cho nghe một bài nào! Một tên khác nhắc:
- Bài hát cổ ấy!
- Được, được! Không phải nhắc! Gã Xin-ve nói xong, cất giọng hát cái bài hát man rợ mà tôi

nghe đã chán ngấy: Mười lăm thằng trên hòm người chết, ỳ a, ỳ a... Đến tiếng "ỳ a" cuối cùng, cả bọn đều xô nhau đẩy trục. Trước cảnh ấy, tôi bồi hồi nhớ đến quán cơm nhà. Tôi tưởng như viên chúa tàu khi xưa đang hét vang. Khi chiếc neo ướt đẫm đã treo lủng lẳng đằng trước mũi, tàu bắt đầu giương buồm. Hai bên bến lùi dần, tàu bắt đầu ra khơi đi tìm hòn đảo giấu vàng. Chuyến đi bình yên vô sự. Tàu tốt, thủy thủ thạo nghề, viên thuyền trưởng tỏ ra một tay cừ. Nhưng trước khi đến đảo, đã xảy ra vài chuyện đáng kể. Trước tiên là viên phó thuyền tỏ ra rất bậy bạ. Ông ta không có một chút uy tín trong đám thủy thủ. Tàu chạy được vài ngày, ông trèo lên boong, rượu say bí tỉ. Chúng tôi 45 46 không hiểu ông mò đâu ra rượu. Đó là điều bí mật. Và đã xảy ra việc này... Một đêm sóng to gió lớn, ông ta đã biến mất xuống biển. Chẳng ai lạ mà cũng chẳng ai thương tiếc. Trên tàu thành ra thiếu một viên phó thuyền. Phải thăng chức phó thuyền cho một thủy thủ giỏi hơn cả tên là An-đe-sơn. Thêm có ông Chi đã từng đi biển nên cũng phụ vào. Lại còn một lão thủy thủ già tên là Han, một người mưu trí mà lịch lãm, có thể trông cậy được. Han là bạn thân của gã Xin-ve. Còn gã Xin-ve thì vẫn chống đầu nạng vào nách, theo nhịp tàu lắc lư, đứng nấu ăn như đứng trên đất bằng. Hắn chỉ dùng cái băng choàng qua cổ, đưa nạng qua lại đi thoăn thoắt như người thường. Tất cả thủy thủ đều kính trọng hắn. Hắn đối xử với mỗi người một cách và tỏ ra rất tốt bụng. Hắn giữ bếp rất sạch, đĩa treo bóng nhoáng. Con vẹt trong lồng để vào một xó. Đối với tôi, hắn hết sức tử tế. Thấy mặt tôi, hắn đã đon đả:

- Cậu Dim, lại đây! Chuyện gẫu với nhau một chút nào. Ngồi xuống đây. Tôi gọi con vẹt của tôi là Phơ-linh, tên cái lão hải tặc lừng tiếng ấy. Cậu xem Phơ-linh sắp nói chuyện với ta đấy! Gã vừa dứt lời, con vẹt liền nói liến thoắng:
- Đồng ăn tám! Đồng ăn tám!
- Thôi im đi! Gã vừa nói vừa lấy đường trong túi cho chim ăn.
- Cậu ạ, con chim này nó thấy vô khối chuyện lạ. Nó học được

câu ấy trong lúc người ta chia tiền.
Con vẹt vừa ăn đường vừa mổ vào lồng, vừa thề vừa rủa rất đanh ác. Gã lại bảo:
- Con chim già vô tội này cứ nguyền rủa như người vô đạo.
Lạy Chúa!
Nói xong, gã đưa tay ra như làm dấu, khiến tôi tưởng gã là một người đạo đức không ai bằng. Trong khi đi đường, viên thuyền trưởng và ông Chi vẫn không ưa nhau ra mặt. Ông Chi rất chiều chuộng thủy thủ. Hễ có cuộc vui gì là cả bọn đều được uống nước chanh pha rượu mạnh. Có khi ông cho họ uống cả "rum". Biết được ngày sinh nhật một người nào đó, ông liền mở ngay một thùng trái lê ở hầm tàu, ai ăn bao nhiêu tùy thích. Thấy thế, viên thuyền trưởng bảo bác sĩ:
- Làm như vậy chẳng hay ho gì, chỉ tổ làm cho họ hư!
Nhưng cái thùng lê này rất được việc cho chúng tôi. Các bạn sẽ thấy có lẽ nhờ nó mà chúng tôi thoát chết. Số là ngày ấy tàu đã gần tới đích. Chậm lắm là sáng hôm sau đã trông thấy được đảo. Chiều hôm ấy, làm xong việc, tôi bỗng thấy thèm ăn lê. Tôi chạy lên boong. Mọi người đều đứng đằng mũi ngóng về phía đảo. Chung quanh không một tiếng động ngoài tiếng sóng vỗ mạn tàu và tiếng anh chàng bẻ lái đương huýt sáo. Tôi chui tọt vào thùng lê, nhưng sờ mãi không còn một quả. Ngồi trong thùng tối om, tàu đưa lúc lắc, tôi thấy thu thú. Chợt có người ngồi phịch xuống cạnh thùng. Chiếc thùng lay chuyển, hình như có người tựa vào. Tôi định bò ra thì liền nghe tiếng hắn nói với một người nào đó. Tôi nhận ngay ra tiếng của gã Xin-ve. Mới nghe vài ba câu đầu, tôi đã nhận thấy ngay không phải câu chuyện thường... Tôi nằm thu mình trong thùng lắng nghe, phần sợ chúng biết, phần tò mò kích thích. Vì chỉ qua vài ba câu đầu ấy tôi đã hiểu rằng giờ đây tất cả số phận của những người lương thiện trên tàu, tất cả hoài bão của chúng tôi đều trông vào tôi cả.

CHƯƠNG 10

NHỮNG ĐIỀU TÔI NGHE ĐƯỢC KHI NẤP TRONG THÙNG LÊ

Tiếng gã Xin-ve nói:

- Tôi mất cái chân này là khi tôi làm đầu mục cho lão Phơ linh. Người cưa chân cho tôi là một tay mổ xẻ rất giỏi. Hắn học rộng, biết nhiều chữ la-tinh. Nhưng rút cục rồi cũng phải phơi thây hắn ra ngoài nắng. Trước kia tôi đi với Phơ-linh, bây giờ thì tôi đi riêng cho tôi. Thủ hạ cũ của Phơ-linh phần nhiều hiện ở trên tàu này. Làm nghề này được tiền nhiều nhưng phải biết dành dụm. Cứ trông cái gương lão Piu. Hắn ăn tiêu như phá đến nỗi phải đi ăn xin rồi phải chết dưới gầm cầu.

- Phải! Tiền ấy rút cục cũng chẳng dùng được việc gì. Một tiếng nói khác, nghe ra tiếng gã thủy thủ trẻ nhất trên tàu. Tiếng Xin-ve nói to:

- Chỉ thằng ngốc mới không được việc gì. Anh còn trẻ người nhưng anh rất thông minh, tôi vẫn coi anh như người già dặn nên mới ngỏ lời với anh... Các bạn thừa biết khi tôi nghe cái thằng giặc già đểu cáng ấy nói với kẻ khác cũng dùng những giọng lưỡi như đã nói với tôi thì tôi tức giận đến thế nào. Hắn lại nói tiếp:

- Anh xem đó, bọn giang hồ mình phải gian nan nhiều, nhưng tiền cũng lắm. Khắp các nhà "băng" tôi đều có tiền gửi. Bây giờ tôi cũng đã năm mươi tuổi đầu rồi chớ ít ỏi gì. Tôi định đi chuyến này về là tìm nơi an cư lạc nghiệp, tận hưởng giàu sang. Nhưng lúc đầu thì tôi cũng chỉ là tên thủy thủ thường như anh thôi! Giọng tên kia có vẻ thán phục:

- Anh thật là một tay cừ khôi. Thế xong việc thì làm thế nào anh về được Brít-tôn? Gã Xin-ve cười khà khà:

- Đợi anh phải hỏi! Hiện giờ thì vợ tôi đã lấy tiền ở nhà băng, đã bán sạch nhà cửa và đương trên đường đi theo tôi. Rồi giọng gã nói có vẻ mơn trớn, ân cần:

- Chỗ bạn giang hồ với nhau, tôi nói thật! Khi tôi còn làm đầu mục dưới trướng lão Phơ-linh, thì trong bọn với nhau cũng chẳng tốt lành gì. Bây giờ dưới trướng tôi, anh có thể vững bụng được.

Tên thủy thủ trẻ nói:

- Tôi cũng thú thật, trước khi gặp anh, tôi chẳng ưa gì việc này, nhưng bây giờ anh có thể tin ở tôi được.

- Anh rõ là một gã thông minh có tâm huyết. Trong bọn tôi ít có người như anh.

Xin-ve vừa nói vừa siết chặt tay tên kia làm rung chuyển cả thùng lê. Bây giờ tôi mới hiểu là hắn đương quyến rũ một người thủy thủ lương thiện. Hắn huýt khẽ một tiếng. Một người khác bước vào. Hắn lên tiếng:

- Đích khi nào cũng đúng hẹn. Lại thêm một tiếng nói nữa, tôi nghe rõ giọng lão Han:
- Anh Xin-ve, tôi chán ngấy cái lão thuyền trưởng rồi. Lão không cho tôi lấy một hớp rượu. Anh còn đợi đến bao giờ mới hành sự? Xin-ve đáp:
- Đừng nóng mắt! Cứ làm theo lời tôi dặn. Bao giờ được thì tôi bảo. Lão Han vừa khạc nhổ vừa càu nhàu:
- Bao giờ mới được chứ? Xin-ve nói to:
- Han! Cứ bao giờ, bao giờ mãi! Anh cũng thấy chứ? Lão quý tộc với lão thầy thuốc cất giấu giấy tờ kho vàng ở đâu, có ma nào biết! Còn thằng thuyền trưởng là tay đi biển thạo. Phải để cho bọn hắn lấy được của, tải hộ ta xuống tàu rồi mới khử chúng.
Đích hỏi:
- Dễ chừng chỉ có tên thuyền trưởng là đi biển thạo à? Xin-ve vội đáp:
- Ừ, các bố thạo cho tàu chạy, nhưng chạy về đường nào?
Trong bọn ta ai là người thuộc đường? Các bố chắc chịu? Nếu làm theo ý tôi thì đợi lúc quay về, có gió nồm thì ta mới hạ thủ lão ấy. Tôi biết các bố bây giờ chỉ háu ăn. Chính mắt tôi trông thấy nhiều tay cừ khôi mà chết uổng mạng chỉ vì nóng ăn đấy.
Đích hỏi:
- Anh định khử họ như thế nào? Lão Han buột mồm:
- Chỉ có hai lối: một là bỏ họ lên đảo, hai là chặt họ ra từng khúc. Tên bếp tàu nói:
- Tôi ấy à? Tôi chỉ muốn tóm lấy lão Chi, vặn trái cổ lão ấy ra sau. Rồi hắn quay sang chuyện khác:
- Đích! Đi lại lấy một quả lê ăn cho đỡ khát. Lúc ấy tôi chỉ muốn nhảy phóc một cái chạy nhoáng nhoàng ra ngoài, nhưng may sao lão Han đã gạt đi:
- Thôi! Ăn lê làm quái gì! Lấy cốc "rum" cho nó đỡ nhạt mồm. Tên Xin-ve bảo:
- Đích! Cái chìa khóa đây. Anh đến chỗ thùng rượu mà lấy.
Nhớ đừng quên khóa.
Tuy run sợ, nhưng tôi vẫn nhớ ngay đến viên thuyền phó. Ông ta đã bỏ mạng vì cái thìa khóa hầm rượu này. Khi tên Đích mang rượu đến thì một tia sáng rọi vào thùng chỗ tôi ngồi. Tôi ngẩng lên: trăng đã mọc lấp loáng trên đầu cột buồm sau và chiếu trắng cánh buồm. Ngay lúc ấy, người gác chòi kêu to:
- Đất liền kia rồi!

CHƯƠNG 11

HỘI ĐỒNG QUÂN SỰ

Mọi người rầm rập chạy lên boong. Tôi vội chui ra khỏi thùng lê, lẩn sau cột buồm rồi đi vòng lại. Một dải sương mù đã lên cao. Vừa lúc ấy vầng trăng cũng nhô lên. Xa xa về phía tây nam, hai cái gò thấp cách nhau chừng hai dặm; đằng sau một cái nữa cao hơn, đỉnh gò 53 54 còn khuất trong sương mù. Cả ba đều nhọn như hình chóp nón. Tôi nhìn cảnh ấy như trong một giấc chiêm bao. Tiếng ông thuyền trưởng hỏi:

- Có anh nào biết đảo này không? Gã Xin-ve lên tiếng ngay:
- Có, tôi đã đến đó khi tôi còn làm bếp cho một chiếc tàu buôn.
- Chỗ bỏ neo ở phía nam, sau cái đảo con phải không?
- Thưa ông phải. Người ta vẫn gọi đảo ấy là đảo Hình Người.

Cái gò phía bắc gọi là gò Cột Cái. Còn cái gò lớn có mây phủ kia là gò Vọng Viễn. Người ta gọi thế, vì ở trên ấy có thể trông xa trong khi thả neo để rửa tàu.

- Có bản đồ đây, anh xem thử có đúng không?

Khi cầm bản đồ, mắt Xin-ve long lanh, nhưng kịp trông màu giấy còn mới, gã phải thất vọng vì đó chỉ là bản sao lại. Tuy thất vọng, nhưng gã tinh khôn, không để lộ ra mặt. Gã bảo:

- Thưa ông! Chính phải! Vẽ khéo lắm!

Tôi rất lấy làm lạ về cử chỉ bình tĩnh của gã khi gã nhận có biết khu đảo. Thú thật lúc thấy gã lại gần tôi, tôi hơi rợn. Dĩ nhiên là gã không biết tôi ngồi nấp trong thùng lê, nhưng tôi ghê sợ cái tính ác độc và cái sức mạnh đen tối của gã. Vì thế khi gã chạm đến tay tôi, tôi rùng mình như chạm phải miệng rắn độc. Gã nói với tôi:

- Chà! Cái đảo này tuyệt đẹp! Trẻ tuổi như cậu mà lên chơi đó thì thật sướng. Tha hồ mà trèo nhảy, thung thăng như con thỏ rừng. Tôi được đến những chỗ này cũng thấy mình như trẻ ra. Khi nào có lên chơi thì bảo tôi, tôi có ít đồ ăn lót dạ cho cậu dùng. Nói xong, hắn vỗ vai tôi rồi chống nạng đi xuống.

Tôi thấy ông thuyền trưởng đứng nói chuyện với bác sĩ và ông Chi ở đằng lái. Tôi không dám cắt đứt câu chuyện của ba ông. May sao bác sĩ vừa thấy tôi đã vẫy lại, bảo tôi đi lấy cái tẩu thuốc. Đến gần, tôi nói ngay:

- Tôi có nhiều chuyện cấp bách muốn báo với ba ông.

Nét mặt bác sĩ hơi khác, sau trở lại như thường. Ông nói to lên một cách tự nhiên:

- Cám ơn cậu Dim! Chỉ có thế! Xong ông quay lại, chuyện trò với hai ông kia. Một chốc sau thuyền trưởng cho thổi còi tập hợp. Ông nói:

- Hỡi các bạn, chúng ta đã tới đích. Tất cả anh em đều làm tròn việc. Ông Chi có lòng tốt đem rượu cho anh em uống để mừng. Chúng tôi cũng sắp xuống phòng dưới uống với nhau vài cốc. Nếu các anh đồng ý, chúng ta nên hoan hô cảm ơn ông Chi. Mọi người đều hò reo vui vẻ. Ba ông xuống phòng. Lúc tôi bước vào thì ba người đương ngồi quanh bàn, trên có chai rượu và vài chùm nho. Trông thấy tôi, ông Chi bảo ngay:
- Cậu Dim muốn nói gì, nói đi!
Tôi vội vàng thuật lại những lời của Xin-ve. Trong khi tôi nói, mọi người ngồi im phăng phắc, mắt dán vào tôi. Tôi nói xong, bác sĩ rót cho tôi một cốc rượu và giúi vào tay tôi rất nhiều nho. Cả ba cùng nâng cốc uống mừng về sự quả cảm và nhanh trí của tôi. Uống xong, ông Chi nói trước:
- Ông thuyền trưởng, trước nay tôi đối với ông rất không
phải. Bây giờ tôi mới biết tôi lầm. Tôi quả là đồ ngốc.
- Tôi đây mới ngốc chứ! Cả một vụ âm mưu cướp tàu ở ngay dưới mắt tôi mà tôi không hề biết! Bây giờ thì tôi có mấy ý kiến xin phép tỏ bày...
- Vâng, ông cứ nói.
- Điều thứ nhất là chúng ta phải tiếp tục đi, vì nếu quay về là lập tức chúng sẽ khởi loạn! Điều thứ hai là từ nay cho đến khi tìm thấy của, ta còn có thời giờ chuẩn bị. Điều thứ ba là ta còn có những người trung thành. Bây giờ ta sẽ đợi cơ hội bất ngờ là hành động. Nếu ông thuận, tôi cứ việc cho tàu chạy nhưng sẽ bố trí đề phòng!
Bác sĩ Ly nói:
- Cậu Dim có thể giúp ta được nhiều việc. Chúng không nghi cậu mà cậu lại có óc nhận xét. Từ nay trở đi cậu nhớ luôn luôn theo sát lão Xin-ve.
Ông Chi nói thêm:
- Cậu Dim, cậu là một cậu bé rất gan dạ, chúng tôi hy vọng ở
cậu nhiều.
Tôi nghe nói thế cũng thấy tự hào. Tôi mong có cơ hội là cố gắng làm theo lời dặn của bác sĩ Ly. Nhưng tự xét tôi cũng chẳng tài cán gì, mà hiện nay, trong số bảy người của chúng tôi thì tôi lại là một đứa trẻ! Như thế là chỉ có sáu người mà phải chống chọi với mười chín tên lực lưỡng trong bọn chúng.

CHƯƠNG 12

BƯỚC CHÂN LÊN ĐẢO

Sáng hôm sau, đứng trên boong nhìn ra, tôi thấy cảnh tượng khu đảo khác hẳn. Những dãy núi phơn phớt màu xám chiếm gần hết khu đảo. Lác đác có những dải cát vàng và những khóm thông cao. Tất cả một màu ảm đạm. Núi gò nhô hẳn lên phơi những tảng đá trơ trụi. Cái nào cũng hình thù cổ quái. Gò Vọng Viễn là gò cao nhất trong đảo. Hình dáng nó cũng kỳ khôi, bốn bề dốc ngược, trên đỉnh như bị tiện ngang, trông giống cái đế một pho tượng. Tàu phải đi ngoắt ngoéo men theo đảo để đến cái lạch sau đảo Hình Người. Neo vừa bỏ, một đàn chim đã bay vù lên, rồi cảnh vật trở lại yên tĩnh. Chung quanh, rừng cây mọc um tùm. Bờ biển thấp, những gò cao đằng xa trông từng bậc như bậc thang. Hai con sông vẩn bùn chảy vào vũng ấy. Không một rẻo gió. Ngoài tiếng sóng vỗ bờ cách xa nửa dặm, chẳng nghe tiếng gì khác nữa. Mùi thân cây ruỗng thối và lá cây mục xông lên nồng nặc. Tôi thấy bác sĩ Ly cứ khìn khịt mũi như người ngửi phải trứng thối... Lúc ấy mặt trời nóng bức. Không khí trên tàu cũng bừng bừng. Trong đám thủy thủ đã có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại. Họ túm tụm với nhau từng đám, thầm thì to nhỏ. Mắt họ gườm gườm, mặt họ đầy sát khí. Việc nổi loạn đã rõ rệt. Nó bao phủ chúng tôi như cơn dông sắp đến. Tên Xin-ve có lẽ cũng nhận thấy thế nên hắn chạy lăng xăng cố lấy lời phải chăng khuyên nhủ mọi người. Lệnh vừa truyền, hắn đã xung phong làm trước. Có lúc hắn cố hát to và bông đùa để làm khuây lãng nỗi uất ức của đồng bọn. Ông thuyền trưởng gặp riêng chúng tôi và bảo:

- Chúng ta bây giờ như ở vào cái thế của người cưỡi hổ. Nếu tôi bắt họ tuân lệnh thì họ nổi xung ngay. Nếu im lặng, thì Xin-ve tất sinh nghi. Bây giờ tôi định cho họ lên bờ nghỉ. Nếu họ đi, ta giữ lấy tàu. Nhược bằng không đi, ta giữ lấy mấy gian phòng mà chống cự. Nhưng muốn cho công việc được ổn thỏa, ta có thể trông cậy vào một người. Ông Chi hỏi ngay:

- Ai? Thuyền trưởng đáp:

- Thưa ông, Xin-ve! Chính hắn cũng muốn êm chuyện. Như lời cậu Dim, hắn muốn đợi khi ta tìm xong của mới ra tay, nên hắn có thể dàn xếp yên được. Thế là kế hoạch bắt đầu được thực hiện. Những súng lục nạp đạn đều phân phối trong bọn chúng tôi. Những người thân tín như Hun-tơ, Do-sơ, lão Ri đều được biết chuyện. Họ chẳng hề ngạc nhiên hay sợ sệt. Trái lại, họ tỏ ra rất bình tĩnh và gan dạ. Thật là một sự khích lệ. Ông thuyền trưởng lên boong tuyên bố cho phép thủy thủ lên bộ chơi. Trước khi mặt trời lặn sẽ bắn đại bác báo hiệu về. Nói xong, ông bỏ đi xuống để cho Xin-ve tự nhiên trở thành người đứng ra chỉ huy công việc. Kết quả là có người ở lại và mười

sáu người xuống thuyền đi chơi, trong đó có Xin-ve. Nhớ lời bác sĩ Ly căn dặn là luôn luôn phải theo sát Xin-ve, tôi bỗng nảy ra ý định xuống thuyền đi theo dõi Xin-ve. Tôi nghĩ rằng Xin-ve chỉ để lại sáu người thì không thể chiếm tàu mà đi được. Tôi ở lại tàu cũng bằng thừa. Cứ đi theo chúng xem sao. Thế là trong nháy mắt tôi lần xuống thuyền, ngồi thụp xuống. Kịp khi Xin-ve biết thì thuyền tôi đi trước đã cập bờ. Tôi nhảy tót lên lẩn vào bụi rậm, còn nghe tiếng Xin-ve gọi với đằng sau:
"Dim, Dim!"
Lánh được Xin-ve, tôi khoan khoái lạ lùng. Cảnh lạ làm tôi vui mắt. Rừng ở đây liễu mọc chen chúc, lau sậy um tùm. Có những cây sên lùn tịt thấp lè tè như bụi rậm, cành xoắn lại, lá rậm sin sít như mạ xanh. Rắn bò lúc nhúc. Lần đầu trong đời, tôi được nếm cái thú vị của người thám hiểm khi đặt bước lên miếng đất hoang vu chưa có dấu chân người. Thốt nhiên, có tiếng động trong khóm lau. Một con le, rồi cả đàn le bỗng bay vù lên, tiếng kêu inh ỏi. Tiếp đó, tôi nghe rõ tiếng người. Tiếng ấy làm tôi hoảng sợ vì tôi biết ngay là tiếng nói của gã Xin-ve. Tôi đã định bỏ chạy, nhưng sau tôi nghĩ lại. Mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Đã có gan đi theo chúng, sao lại không có gan lại gần chúng để xem chúng làm gì? Thế là tôi bò lại chỗ có tiếng người, bò thật cẩn thận. Tôi thấy rõ Xin-ve và một người nữa trong bọn đang ngồi đối diện trên bãi cỏ xanh. ánh nắng chiếu thẳng vào mặt hai người. Tiếng Xinve đương nói:
- Có tin cậy anh lắm thì tôi mới cất công đến đây bảo với anh. Giá phải người khác... anh thử nghĩ đối với họ tôi sẽ xử trí như thế nào?
Người kia đáp lại, mặt đỏ gay, giọng khàn khàn, run run:
- Anh Xin-ve! Tôi không ngờ anh lại đi theo bọn khốn nạn
kia! Chẳng thà tôi chịu chặt tay còn hơn phải làm chuyện ấy.
Xin-ve bỗng chống nạng vụt đứng lên, đôi mắt ti hí sáng chói
như mắt rắn độc rình mồi, hỏi gặng:
- Thế là anh nhất quyết không nhập bọn với tôi phải không? Người kia bỗng tức giận quát to:
- Xin-ve! Khi xưa anh là bạn của tôi. Từ nay tôi xin từ mặt
anh ra. Nếu có giỏi, anh cứ giết tôi. Tôi thách anh đấy!
Nói xong, người kia bỏ đi. Xin-ve hét to một tiếng, nhấc cái nạng ở nách, nhặt một cành cây lao theo. Đầu cành cây trúng ngay giữa lưng người kia. Ông ta giơ hai tay lên, lảo đảo rồi ngã gục. Người đó chưa kịp nhỏm lên thì Xin-ve đã chạy lại, cưỡi lên, rút dao hạ thủ. Xong, con quỷ dữ ấy lại bình tĩnh đội mũ lên, chống nạng đi lững thững. Cảnh tượng xung quanh vẫn không thay đổi. Mặt trời vẫn thản nhiên chiếu xuống mặt hồ đương bốc hơi. Nhìn phong cảnh ấy, khó lòng mà tin rằng có một việc giết người rất tàn ác vừa xảy ra. Tôi đưa tay xoa mắt, bàng hoàng cả người. Tôi bỗng muốn rời ngay, rời tức khắc cái nơi giết người gớm ghiếc này. Tôi bò nhanh ra rừng

rồi cắm đầu cắm cổ chạy.

CHƯƠNG 13

NGƯỜI TRONG ĐẢO

Đến gần một cái đầm, tôi đứng dừng lại. Tôi bỗng thoáng thấy sau một gốc thông, có một vật gì nhảy nhanh lạ thường. Tôi chỉ biết hình thù nó đen và lông lá. Sợ quá, tôi quay gót lui về phía tàu đỗ. Thoáng cái, cái bóng lúc nãy lại hiện ra, nó đi một vòng dài rồi đến chặn ngang trước mặt tôi. Con quái vật ấy nhảy từ gốc cây nọ qua gốc kia như một con nai. Hắn chạy hai chân như người. Mà quả là người thật. Tôi chợt nhớ có lần tôi đã nghe nói đến giống người ăn thịt người. Tôi định kêu cứu. Nhưng đã là người, thì chắc cũng không đến nỗi như tên Xin-ve gớm ghiếc kia. Nghĩ thế tôi trở lại bình tĩnh. Vụt nhớ đến khẩu súng lục trong mình, tôi đâm vững dạ. Tôi quay về hắn, mạnh bạo tiến lại. Hắn cũng nhô ra, bước lại phía tôi. Nhưng hắn hơi ngần ngại, lùi lại một lúc mới tiến lên. Rồi hắn bỗng quỳ xuống, giơ hai tay ra như van xin, làm tôi vừa lạ lùng vừa bối rối. Tôi hỏi:

- Anh là ai?

- Tôi là Ben-gun. Tôi là kẻ khốn nạn đã ba năm nay chưa được gặp một người.

Tiếng hắn rè đặc như tiếng khóa gỉ. Mặt hắn trông cũng dễ coi. Da hắn phơi nắng nên chỗ nào cũng cháy sém. Đôi mắt xanh trên khuôn mặt đen mò. Hắn ăn mặc rách rưới lổ đổ như tổ ong. Hắn đính vào người đủ các thứ mảnh buồm cũ, vải sơn, khuy đồng, dây rợ. Hắn đeo quanh mình một chiếc thắt lưng bằng da đã cũ. Xem ra, trong bộ quần áo của hắn, thứ này còn lành lặn hơn cả. Tôi hỏi hắn:

- Anh ở đây đã ba năm rồi ư? Anh bị đắm tàu giạt vào đây phỏng?

- Không! Tôi bị đày. Người ta đày đọa tôi ở đây, tôi phải săn dê, tìm quả, mò ốc hến để ăn. Này ông bạn ơi! Ông có miếng phómát nào đấy không? Chắc không rồi! Lâu nay tôi chỉ mơ tưởng được ăn miếng phó-mát. À quên! Tên anh là gì nhỉ?

- Dim!

- Dim, Dim! Hắn nhắc lại, ra vẻ bằng lòng lắm.

- Anh Dim ạ! Nói ra thật xấu hổ. Anh trông tôi thế này, tất không đoán được tôi còn có mẹ già. Mẹ tôi là người ngoan đạo. Mà trước kia tôi cũng là đứa trẻ rất ngoan đạo. Tôi đọc kinh làu làu. Vậy mà bây giờ ra thế này. Thôi! Chính Chúa Trời đã phạt tôi ở đây. Ở trên hoang đảo này, tôi có thì giờ nghĩ kỹ rồi. Tôi sẽ tu tỉnh làm ăn...

Bỗng mặt hắn sa sầm, rồi hắn chỉ vào tôi và hỏi:

- Anh phải nói thật cho tôi biết, anh có phải là người của

Phơ-linh không?
Tôi bỗng nảy ra một ý hay. Tôi chắc hắn có thể là một tay cộng tác tốt với chúng tôi. Tôi đáp:
- Tôi nói thật cho anh rõ: Phơ-linh chết rồi. Hiện chỉ còn mấy tên thủ hạ khốn nạn của lão ấy trên tàu chúng tôi thôi. Hắn ấp úng hỏi:
- Thế có đứa nào cụt chân không? Tôi bảo:
- Xin-ve phải không? Hắn nói như đuối hơi:
- Nếu Xin-ve sai anh lại đây thì tôi nguy mất. Tôi thuật lại tất cả chuyện của chúng tôi cho hắn nghe. Mặt hắn tươi dần, rồi sau cùng hắn niềm nở vỗ vào vai tôi:
- Các anh đừng sợ. Xin các anh cứ tin cậy ở Ben này. Ben này có thể giúp các anh gỡ chỗ bí. Nhưng không biết cái ông quý tộc nhà anh có rộng lượng với kẻ này không?
Tôi bảo ông Chi là người rất hào hiệp và tôi cam đoan đảm bảo cho hắn. Hắn lại hỏi một cách láu lỉnh:
- Thế còn chuyến về? Tôi đáp:
- Anh nên nhớ ông ta là người lớn. Vả lại nếu trừ xong bọn kia, chúng tôi cũng phải cần đến anh để cho tàu vào bến.
- À ra thế! Nói xong, hắn có vẻ yên tâm hơn trước. Câu chuyện giữa Ben và tôi dần dà làm tôi vỡ lẽ vì sao Ben lại sống ngoài đảo hoang vu này. Chuyện đó như sau: Xưa kia Ben làm việc dưới tàu của lão Phơ-linh. Một hôm Phơ-linh cho tàu chạy đến đảo này. Khi cập bến, lão bắt sáu tên thủ hạ đi chôn kho vàng của lão. Khi chôn xong lão sợ bị tiết lộ, bèn giết hết sáu tên thủ hạ đó. Lúc đó Ben ở dưới tàu với Piu và Xin-ve. Piu lúc đó làm phó thuyền và Xin-ve làm đội trưởng. Ba năm sau, nhớ đến kho vàng, Ben cùng một số thủ hạ thuê tàu vượt đến đảo này. Họ mưu cùng nhau tìm kho vàng của lão Phơ-linh để về làm giàu, nhưng tìm không ra. Bọn thủ hạ tức giận bỏ Ben lại đảo với một khẩu súng tay và một cái thuổng. Ben nói:
- Anh cứ nói với nhà quý tộc rằng ba năm tôi ở đảo... cũng làm... ra trò đấy.
Nói đến đây, hắn béo tôi một cái ra ý thân mật. Tôi sốt ruột bảo:
- Bây giờ làm thế nào anh giúp tôi xuống được tàu đây! Hắn nói:
- Kể cũng khó! À, tôi có một chiếc xuồng do tay tôi đóng lấy. Tôi giấu nó dưới hốc đá trắng đầu kia... Kìa! Cái gì thế?
Thốt nhiên hắn kêu to lên, vì lúc ấy mặt trời còn cao mà tiếng đại bác dưới tàu đã nổ vang làm rung động cả khu đảo.
- Đánh nhau rồi! Tôi cũng kêu to lên, rồi hấp tấp chạy về phía tàu đỗ. Bên cạnh tôi, Ben-gun khoác áo da dê bước nhanh thoăn thoắt. Một tiếng đại bác nữa. Một lúc lâu, có tiếng súng tay nổ liên hồi. Trước mặt tôi, lá quốc kỳ phất phới trên một khu rừng. Ben-gun bỗng ngồi thụp xuống:

- Kìa! Bọn anh đã thắng rồi. Họ đã lên bờ chiếm cái khu đồn cũ của lão Phơ-linh kìa! Tôi bảo:
- Thế thì phải đến ngay đấy mới được! Hắn nói:
- Không! Anh Dim ạ, anh tốt bụng nhưng anh còn ít tuổi. Trước khi chưa gặp nhà quý tộc, tôi chưa đi với anh đến đó đâu. Anh về nhớ nói cho người đến, mà phải mang theo cái gì làm tin. Tôi hỏi:
- Nhưng gặp anh ở chỗ nào và vào lúc nào mới được chứ? Hắn đáp:
- Cứ đến chỗ cũ anh vừa gặp tôi, từ lúc mặt trời đứng bóng cho đến khi lặn, mà nhớ phải có cái gì làm tin đấy. Hắn lại tiếp:
- Nếu bọn chúng mà lên đóng trên đảo thì thế nào tôi cũng tìm cách giết một vài tên để giúp bọn các anh và để các anh biết lòng dạ ngay thật của tôi.

Hắn vừa nói đến đấy thì có một tiếng nổ dữ dội, rồi một viên đạn đại bác nổ oàng gần chỗ chúng tôi đứng. Hai chúng tôi mỗi người chạy một ngả.

CHƯƠNG 14

CỐ THỦ TRÊN ĐẢO

Kể từ lúc tôi đặt chân lên đảo, ở dưới tàu đã xảy ra nhiều chuyện. Sau đây là lời bác sĩ Ly thuật lại cho tôi nghe... Được tin tôi đi lên đảo, bác sĩ Ly và đồng đội rất lo ngại cho số phận của tôi. Bác sĩ liền rủ Hun-tơ xuống một chiếc xuồng rồi vào bờ để dò la tình hình bọn cướp. Trong bờ có một dãy thuyền đỗ; có hai đứa ngồi trên hai chiếc thuyền hình như để canh giữ. Khi vào bờ, bác sĩ chạy rón rén lại gần chỗ chúng buộc thuyền. Vừa đi chưa được trăm mét đã gặp ngay chiếc lô cốt sừng sững trên một đỉnh gò. Một dòng suối trong xanh chảy từ trên đỉnh xuống. Chiếc lô cốt này làm bằng gỗ rất kiên cố, có thể chứa được bốn mươi người. Bốn mặt đều có nhiều lỗ châu mai. Chung quanh lô cốt đã phát quang một khu rộng. Ngoài ra lại có một hàng rào cao ngót hai mét. Nếu đóng cố thủ trong lô cốt thì rất yên trí: có thể bắn tỉa vào kẻ địch đến vây hãm như bắn gà rừng. Bác sĩ rất chú ý đến con suối, vì ở trên tàu nước ngọt cũng đang thiếu. Thế là chỉ cần có đủ lương thực, khí giới là có thể cố thủ ở đây lâu được. Nghĩ thế, bác sĩ lập tức trở về tàu. Ông Chi đương ngồi ủ rũ trong phòng, tự trách vì sự sơ suất của bản thân mà để cả bọn phải gặp bước nguy nan. Nhưng sau khi nghe bác sĩ trình bày kế hoạch, ông phấn chấn hẳn lên. Theo nhận định của bác sĩ thì cần lên lô-cốt để cố thủ vì ở dưới tàu cũng đã hết nước uống. Nếu ở dưới tàu mà ta ra mặt chống lại thì thật không lợi vì bọn chúng có đặt hai tên canh giữ trên bờ. Chúng có thể ra hiệu tập hợp nhanh chóng để bắn xuống tàu. Hơn nữa nếu chiếc tàu này bị bọn giặc chiếm thì trong một thời gian nữa sẽ có một chiếc tàu khác đến đón về theo như kế hoạch đã dự định. Kế hoạch này bác sĩ đã giao cho một người thân tín ở nhà. Trước khi ra đi, bác sĩ bảo lão Ri nấp trong đường hầm đằng mũi, cấp cho lão ba bốn khẩu súng để đứng trấn thủ. Hun-tơ thì kéo chiếc xuồng con đến dưới cửa sổ tàu. Còn Do-sơ và bác sĩ thì khuân đạn, súng, mấy túi bánh quy, dăm thùng thịt lợn ướp, một thùng rượu và hòm thuốc quý của bác sĩ xuống thuyền. Thuyền trưởng và ông Chi trấn trên boong tàu. Thuyền trưởng gọi lão Han, tên cầm đầu sáu đứa còn lại, bảo:

- Này anh Han! Hai chúng tôi đây đều có súng nạp sẵn đạn.

Nếu trong bọn anh, người nào xông lại đây, lập tức tôi bắn vỡ óc.

Cả bọn có vẻ hoang mang, một đứa trong bọn có vẻ ủ dột hẳn. Cuối cùng bọn chúng bàn bạc rồi nhảy lên sàn tàu, định bọc lối sau đánh úp lại. Nhưng khi thấy lão Ri đứng trấn ở đường hầm, chúng vội vã rút lui. Trong lúc ấy, khuân xong mọi vật xuống thuyền, bác sĩ cùng Do-sơ chui qua cửa sổ trèo xuống. Lần đi này làm cho hai tên giặc canh trên bờ chú ý. Một đứa nhảy lên

và biến mất. Tải xong các thứ vào lô-cốt, bác sĩ để Do-sơ ở lại canh giữ. Trước khi đi về tải chuyến cuối cùng, bác sĩ để thêm Hun-tơ ở lại giữ lô-cốt. Bác sĩ vẫn đi bừa vì nghĩ rằng bọn chúng tuy đông nhưng ở trên tàu không một đứa nào có súng trường cả. Trước khi chúng tiến đến gần để dùng súng lục, thì người của ông có thể đã bắn chết hàng tá. Trước khi xuống thuyền để đi chuyến cuối cùng, mỗi người chỉ giữ một khẩu súng trường và một con dao. Còn lại khí giới và thuốc súng đều ném cả xuống biển. Trong lúc ở trên tàu, ông thuyền trưởng đã thấy rõ một đứa trong bọn hình như còn bỡ ngỡ và miễn cưỡng đi theo chúng. Khi sắp xuống thuyền, thuyền trưởng gọi to:
- Anh Grây, tôi bỏ tàu đây, tôi ra lệnh cho anh phải theo tôi ngay. Tôi biết anh vốn là người lương thiện. Đừng để lỡ cơ hội, tôi hạn cho anh trong nửa phút nữa. Bên kia vẫn im lặng. Nhưng lời kêu gọi cuối cùng ấy đã có kết quả. Vì bên kia bỗng có tiếng đấm đá, rồi Grây chạy ra, về với bọn ông Ly. Nhưng chuyến đi cuối cùng này thật gian truân. Đồ nhiều, người đông mà xuồng thì nhỏ. Về phía lái, mép thuyền đã mấp mé mặt nước. Nước thủy triều lại đang dâng lên. Dòng nước chảy rất mạnh cứ kéo phăng con thuyền ra khỏi con đường đã định và trôi về phía dãy thuyền đỗ trên bờ của bọn giặc. Thuyền trưởng bảo cứ cho xuôi theo dòng rồi đi ngược lại. Thốt nhiên thuyền trưởng kêu lên:
- Khẩu đại bác!
Lúc này mấy ông mới chợt nhớ đã quên khuấy khẩu đại bác đặt bên hông chiếc tàu. Khi nhìn lại sau thì thấy năm thằng giặc kia đang xúm xít quanh khẩu súng lớn. Chúng đã cởi áo súng ra. Grây bảo, giọng lo ngại:
- Thằng Han trước kia là tay bắn đại bác cho Phơ-linh.
Lúc này thuyền đã đi ngược men bờ nên quay mình về phía sau và trở thành một tấm bia rất tốt cho bọn chúng. Thằng Han đứng lắp đạn. Thuyền trưởng hỏi:
- Đây ai bắn giỏi? Bác sĩ đáp:
- Ông Chi đây chứ còn ai. Thuyền trưởng bảo:
- Ông Chi! Ông hạ cho một đứa. Nếu hạ được thằng Han thì tốt nhất. Nhưng bắn cho khéo, kẻo thuyền tròng trành, đắm bây giờ. Ai nấy ngồi cho cân đi.
Ông Chi lạnh lùng nhìn cái bùi nhùi rồi giương súng bắn. Nhưng thật không may. Khi ông Chi bắn thằng Han vừa cúi xuống. Viên đạn bay qua đầu hắn, trúng vào một đứa đứng sau. Một tiếng kêu rống lên rồi tiếp theo trên bờ cũng có nhiều tiếng kêu khác. Nhìn về phía bờ, bác sĩ thấy bọn giặc đã nhảy cả từ trong bụi ra. Trong khi ấy thuyền đã gần đến doi cát dài trên bờ. Nhưng đại bác của chúng lại sắp bắn. Thuyền trưởng chỉ kịp ra lệnh: "Ngồi cho vững!" là tiếng súng nổ. Đó là tiếng đại bác tôi nghe nổ lần đầu khi tôi ở trên đảo. Quả đại bác không trúng thuyền, nhưng hơi gió tạt đã làm thuyền chìm xuống. Thuyền đắm đằng lái nhưng may chỗ này ở gần bờ nên nước đã cạn.

Mọi người không ai can gì. Chỉ tai hại là lương thực chìm cả với ba khẩu súng bị ướt. Chỉ còn hai khẩu súng của bác sĩ và của thuyền trưởng là còn dùng được. Cả bọn lóp ngóp lội vào bờ, bỏ lại chiếc thuyền cùng với một nửa số lương thực và thuốc súng. Đi được một lúc, đã nghe rõ tiếng nói của bọn giặc và tiếng chân chúng giẫm gãy cành khô khi chúng lách qua bụi rậm. Bác sĩ liền nghĩ đến chuyện sắp phải đánh nhau nên vội bảo ông thuyền trưởng:

- Trong bọn ta, ông Chi bắn cừ nhất. Ông đưa súng của ông cho ông ấy. Súng ông ấy không dùng được nữa rồi.

Hai người trao súng cho nhau. Từ lúc bắt đầu giao chiến, ông Chi vẫn lạnh lùng như băng. Thấy Grây tay không, bác sĩ liền rút dao đưa cho hắn. Hắn nhổ nước bọt vào tay, cau mày, múa con dao vù vù làm mọi người thêm yên bụng. Đi thêm vài chục bước, đã thấy khu vực lô-cốt ở ngay trước mặt. Tốp của bác sĩ vừa đến hàng rào thì đã thấy bảy tên giặc, đi đầu là An-đe-sơn, hò reo ầm ầm, kéo lại. Không ai bảo ai, súng ở ngoài và súng ở trong lô-cốt cùng một lúc nổ vào bọn giặc. Tuy bốn phát súng bắn rời rạc nhưng cũng có một phát trúng, làm một tên giặc ngã quay lơ. Số còn lại quay đầu chạy lẩn vào bụi. Cả tốp đi vòng hàng rào, đến xem tên giặc bị ngã. Hắn đã chết thẳng cẳng, viên đạn trúng ngay vào tim. Đương vui mừng thắng lợi, thì bỗng nghe tiếng đạn súng lục nổ trong lùm cây. Viên đạn bay vèo qua tai bác sĩ rồi thấy lão Ri lảo đảo ngã xoài trên đất. Ông Chi và bác sĩ nhanh nhẹn bắn trả ngay nhưng bọn chúng đã chạy mất. Bác sĩ đi lại nhìn vết thương thì biết ngay là khó lòng cứu chữa. Khi khiêng được lão Ri vào lô-cốt thì lão đã tắt thở. Từ lúc xảy ra chuyện biến trên tàu cho đến khi chết, lão vẫn tỏ ra điềm tĩnh, gan lì. Lão đã đứng trấn ở đường hầm trên tàu, hăng hái và dũng cảm như một người lính cảm tử. Lão đã lặng lẽ tuân lệnh một cách trung thành, không do dự. Trong bọn, lão là người lớn tuổi nhất và cũng lại là người hy sinh trước nhất. Ông Chi quỳ ôm xác lão, khóc nức nở như một đứa trẻ. Trong khi ấy, ông thuyền trưởng người cứ dày cộm lên, đương lôi trong ngực và túi ra những đồ vật lủng củng: một lá quốc kỳ, một quyển kinh thánh, một cuộn thừng, một cái bút lông, một lọ mực, một quyển sổ và mấy gói thuốc lá. Ông đã tìm thấy ở quanh lô-cốt một cây thông dài bị trốc gốc. Ông cùng Hun-tơ dựng gốc thông trụi ấy lên ở góc lô-cốt để làm thang. Ông trèo lên cắm cao lá cờ tổ quốc trên nóc lô-cốt. Hình như làm xong việc ấy, ông thấy trong người thoải mái và yên tâm hơn; ông bước vào nhà, bình tĩnh soát lại lương thực. Ông bảo:

- Đây là mối lo nhất của chúng ta. Chúng ta mất mọi thứ trong chuyến sau, thật đáng tiếc! Khí giới, vật dụng thì đủ. Nhưng lương thực thì ít ỏi quá!

Giữa lúc ấy, một viên đạn đại bác bay vù qua nóc lô-cốt rồi nổ ở trong rừng. Phát sau, chúng chỉnh lại trúng vào khu vực lôcốt, làm cát bụi bay mù, nhưng không thiệt hại gì cả. Ông Chi nói:

- Ông thuyền trưởng! Dưới tàu, chúng không thể thấy nóc lô
cốt này. Có lẽ chỉ vì lá cờ đấy! Vậy ta nên hạ lá cờ đi thì hơn. Ông thuyền trưởng kêu to:
- Hạ lá cờ đi à? Không! Thưa ông, không thể được! Ông thuyền trưởng nói xong, mọi người xem ra đều đồng ý.
Vì lá cờ ấy không chỉ tiêu biểu cho chính nghĩa mà còn tỏ rõ cho bọn cướp biết thái độ cương quyết của những người cố thủ trong lôcốt là xem thường những phát đại bác của chúng... Cả buổi chiều, chúng cứ bắn đì đụp vào khu vực lô-cốt nhưng không đâu vào đâu cả. Thuyền trưởng bảo Grây và Hun-tơ đi lấy lương thực ở trên chiếc thuyền chìm, vì lúc bấy giờ nước triều đã xuống từ lâu. Nhưng vô ích. Bọn giặc liều lĩnh đã xuống lấy trước. Tên Xin-ve đương đứng sau chỉ bảo, mỗi đứa có một súng trường. Chắc hẳn bọn chúng đã cất giấu đâu từ trước. Ông thuyền trưởng thì đương ngồi ghi vào một quyển sổ. Bác sĩ Ly nhìn vào, thấy ở trang đầu mấy dòng chữ sau đây: "Tôi, thuyền trưởng; Ly-vơ-xây, thầy thuốc trên tàu; Grây, lính thủy đóng đồ mộc trên tàu, Chi-lô-nây, chủ tàu; Hun-tơ và Do-sơ, thủ hạ thân tín của chủ tàu... Những người này đều đã tận tâm giữ tàu; lương thực chỉ còn dè xẻn được mười ngày; đã cắm quốc kỳ trên nóc lô-cốt; Ri-đrus, người ở của ông chủ tàu, không phải thủy thủ, đã bị giặc giết; Dim, cậu bé thủy thủ tập sự..." Đọc đến đây, bác sĩ sực nhớ đến tôi, và nỗi lo âu lại kéo đến. Thốt nhiên có tiếng người gọi trong rừng. Hun-tơ đang đứng cạnh nói:
- Có người gọi kìa! Cả bọn ùa ra, nhìn thấy tôi đang leo qua
rào. Mọi người đều đứng im cảm động không nói nên lời.

CHƯƠNG 15

TRONG LÔ-CỐT

Không nói thì chắc các bạn cũng biết nỗi vui sướng của tôi khi gặp lại bác sĩ Ly và đồng đội. Tôi thuật lại những việc đã xảy ra cho tôi rồi nhìn quanh nhà. Chiếc lô-cốt này làm toàn bằng thân cây thông ngòng ngoèo; cả mái nhà và tường vách đều bằng thân cây cả. Lối đi vào có một cái cổng; dưới cổng, một dòng suối con chảy vào một cái bể, trông cũng hơi lạ mắt. Ngoài cái sườn nhà ra chẳng còn một thứ gì khác. Ở một góc nhà còn một tảng đá dùng làm bếp và một cái rổ sắt đã han gỉ để đựng than hồng. Hai bên sườn đồi và phía trong đồn, người ta đã phát quang các cây cối để lấy gỗ làm nhà. Cứ nhìn những gốc cây bị chặt còn lại cũng đủ biết những thân cây ấy to lớn dường nào. Mưa gió đã cạo sạch lớp đất trên. Chỉ chỗ dòng suối là còn thấy rêu và những bụi cây cằn cỗi mọc. Gió đêm thổi qua các khe vách và phả bụi cát rắc đầy cả sàn nhà. Cát bay vào mắt mũi, mồm miệng và thức ăn. Một cái lỗ vuông khoét trên mái nhà là cái ống thông khói duy nhất của chúng tôi. Chỉ có một ít khói thoát ra lối ấy. Còn phần lớn khói bay cuộn trong nhà làm người nào cũng ho sù sụ và mắt mũi cay sè. Đã thế lại thêm anh chàng Grây mặt mũi quấn băng vì bị thương trong lúc giao chiến; lại xác lão Ri vẫn chưa chôn còn nằm bên góc tường. Nếu cứ ngồi khoanh tay thì có lẽ chúng tôi sinh quẩn mất. Nhưng ông thuyền trưởng là người giàu kinh nghiệm. Ông gọi mọi người đến trước mặt, rồi ông phân đôi ra để canh gác. Bác sĩ, Grây và tôi vào một tốp; ông Chi, Hun-tơ và Do-sơ vào một tốp khác. Tuy mọi người mệt lử nhưng chúng tôi phải chia nhau kẻ đi kiếm củi, người đi đào hố chôn lão Ri. Bác sĩ được phân công nấu bếp. Còn tôi thì đứng canh ở cửa. Riêng ông thuyền trưởng là đi xem xét đó đây, động viên tinh thần mọi người. Thỉnh thoảng ông làm giúp cho chúng tôi nữa. Tôi thấy bác sĩ chốc chốc lại chạy ra ngoài cửa hít ít khí trời và cho mắt mũi đỡ khói hun. Mỗi bận ra đứng nghỉ, ông lại chuyện trò với tôi dăm ba câu. Ông nói:

- Thuyền trưởng quả là một tay có tài. Khi tôi nói như thế không phải chỉ là một câu khen suông đâu, cậu Dim ạ! Một lần khác, ông ra đứng tựa cửa, không nói gì, như mải suy nghĩ. Một chốc ông nghiêng đầu nhìn tôi như đắn đo rồi hỏi:

- Cậu Dim, thằng Ben-gun ấy là người thế nào?

- Thưa ông, tôi không rõ, nhưng trông nó cũng không được bình thường lắm. Bác sĩ đáp:

- Điều ấy thì chẳng cần phải nói. Cậu tính ba năm ở trên đảo này, tất không loạn óc cũng đâm ra ngớ ngẩn. Cậu bảo nó thèm ăn phó-mát phải không?

- Vâng. Nó bảo nó chỉ thèm có phó-mát. Bác sĩ lại nói:
- Chắc cậu đã trông thấy cái túi đựng thuốc lá của tôi. Lâu nay tôi không ăn thuốc chỉ vì trong túi, tôi có để một miếng phó mát làm tại ý, ăn rất bổ. Tôi để dành cho Ben-gun đấy!

Trước lúc ăn cơm tối, chúng tôi đi chôn cất lão Ri. Khi hạ huyệt, chúng tôi đứng đầu trần trước gió, quanh thi hài của lão để vĩnh biệt. Chúng tôi đem được nhiều củi về nhưng ông thuyền trưởng lắc đầu, vẫn chưa cho là đủ. Ông bảo ngày mai phải làm một chuyến cật lực hơn nữa. Khi chúng tôi ăn xong và mỗi người đã uống một cốc lớn rượu mạnh pha loãng, ba vị chỉ huy ngồi vào một góc, thảo luận kế hoạch sắp đến. Cuộc thảo luận hình như đi đến chỗ bế tắc. Lương thực ít ỏi quá, nếu cầm cự lâu thì có lẽ phải đầu hàng. Nhưng chúng tôi quyết tâm tiêu diệt cho kỳ hết bọn chúng, làm cho chúng phải hạ gối quy hàng, hoặc chúng phải rút chạy xuống dưới tàu. Trước kia tất cả chúng nó là mười chín tên, nhưng bây giờ chúng chỉ còn mười lăm thôi. Hai đứa bị thương. Thằng đứng gần khẩu đại bác đã bị ông Chi bắn, nếu nó không chết tất bị thương nặng... Bây giờ chỉ cần lợi dụng mọi cơ hội thuận tiện để tiêu hao dần chúng và bảo vệ mình. Chúng tôi lại được hai bạn đồng minh quý viện trợ. Một là rượu "rum", hai là khí hậu. Về rượu "rum" thì tuy chúng tôi ở xa chỗ giặc đóng non nửa dặm, ban đêm chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng chúng say lè nhè, gào thét hát hỏng đến khuya. Còn về khí hậu thì bác sĩ Ly cam đoan rằng ở vào chỗ bùn lầy ấy, thiếu thuốc men, chỉ trong vòng một tuần là phần nửa bọn chúng sẽ ốm bẹp. Tôi bị mệt lả nhưng vơ vẩn mãi vẫn chưa ngủ được. Đến lúc ngủ thì ngủ say như chết. Sáng ra khi nghe thấy tiếng nhộn nhịp ồn ào, tôi mới bừng tỉnh dậy. Lúc ấy mọi người đều đã ăn sáng cả rồi và đã vác được đến nửa đống củi. Tôi nghe có tiếng người nói to:
- Kìa, lá cờ trắng! Rồi tiếp theo là những tiếng ngạc nhiên:
- Lạ kìa! Chính Xin-ve đích thân đến! Nghe câu này, tôi nhảy choàng xuống đất, giụi mắt và chạy lại dòm vào lỗ châu mai.

CHƯƠNG 16

XIN-VE ĐI THƯƠNG LƯỢNG

Nhìn ra, tôi thấy quả có hai người đứng sau phía hàng rào. Một người đương phất miếng vải trắng, còn một người chính là Xin-ve, đứng im như phỗng. Trời còn sớm lắm. Hôm ấy lại là cái hôm lạnh nhất từ lúc tôi bước chân lên đảo. Rét buốt thấu xương. Trời trong suốt, không gợn một tí mây. ánh nắng chiếu hồng trên các ngọn cây. Tuy vậy, chỗ Xin-ve đứng với tên đồng đảng vẫn còn trong bóng tối. Lớp sương ở đầm bốc lên ban đêm còn chưa tan, vẫn là là trên mặt đất và che lấp chân hai tên giặc đến đầu gối. Cứ xem khí lạnh và sương mù này cũng biết đây là nơi rừng thiêng nước độc. Ông thuyền trưởng bảo:

- Tất cả cứ ở lại trông. Để xem chúng giở trò gì. Rồi ông gọi hai tên giặc:

- Ai đi đó? Đứng lại, không tôi bắn! Xin-ve nói to:

- Tôi đến thương lượng đây... Ông thuyền trưởng nép mình cẩn thận vào cửa, hạ lệnh:

- Tổ bác sĩ Ly đứng vào vị trí. Bác sĩ phía bắc, cậu Dim phía đông, còn Grây phía tây. Tổ canh nạp đạn chu. Thỉnh thoảngrn bị. Nhanh lên và chú ý!

Xong ông quay lại bọn giặc:

- Các anh đến đây thương lượng điều gì? Lần này, tên cùng đi với Xin-ve lên tiếng:

- Thuyền trưởng Xin-ve muốn đến thương thuyết.

- Thuyền trưởng Xin-ve hả? Đây không biết người ấy... Chúng tôi nghe thuyền trưởng nói thêm:

- Thuyền trưởng, thật lạ lùng! Ai thăng chức cho mà nhanh thế? Xin-ve đáp:

- Thưa ông, chúng tôi đó! Anh em đã bầu tôi làm thuyền trưởng sau khi ông đào ngũ. (Hắn nhấn mạnh chữ đào ngũ). Tất cả bọn tôi sẵn sàng phục tùng các ông nếu chúng ta đi đến một thỏa thuận. Ông thuyền trưởng, trước hết xin ông nhận lời là sẽ để cho tôi ra khỏi đồn này được bình yên vô sự sau khi nói chuyện...

Ông thuyền trưởng nói:

- Này anh kia! Tôi chẳng muốn thương lượng với anh chút nào! Nhưng nếu anh muốn nói gì, cứ đến mà nói, có thế thôi. Còn nuốt lời hứa thì chỉ có bọn anh mới có thủ đoạn đê hèn ấy!

Xin-ve reo to, hớn hở:

- Thế là đủ rồi! Một lời ông nói ra là đủ. Tôi tin ông là người đứng đắn.

Chúng tôi thấy tên cầm cờ trắng cố giữ Xin-ve lại. Nhưng Xin-ve có vẻ chế

giễu hắn. Xin-ve đến bên rào ném chiếc nạng vào trong trước rồi nhanh nhẹn leo qua. Lúc này, thú thật, mải nhìn quá nên tôi bỏ việc canh phòng. Tôi mò lại đứng sau lưng ông thuyền trưởng. Ông ngồi trên bực cửa, tay chống cằm, mắt nhìn chăm chú vào dòng suối, miệng huýt sáo khe khẽ. Xin-ve trèo lên đồi một cách khó nhọc. Đồi dốc, cây cối nằm ngổn ngang, đất cát mềm lún, hắn chống nạng đi cứ lảo đảo. Nhưng hắn cố mãi rồi cũng đến được. Hắn ăn mặc rất chỉnh tề: áo lam dài khuy đồng, mũ đẹp có đính lon. Hắn nhã nhặn chào thuyền trưởng. Thuyền trưởng ngẩng lên:
- Ngồi xuống đây! Hắn ra ý kêu ca:
- Ai lại để tôi ngồi đây? Sáng sớm thế này mà ngồi trên đất
cát thì lạnh chết! Thuyền trưởng đáp:
- Anh nói nghe mới chướng tai! Nếu anh lương thiện thì anh
đã ngồi chễm chệ trong chỗ làm bếp của anh rồi, có đâu phải ngồi đây. Còn nếu anh lại muốn làm thuyền trưởng, làm một tên cướp thì có ngày người ta treo cổ anh.
- Thôi được, được! Xin-ve trả lời và ngồi bệt xuống.
- Các ông ở chỗ này vừa tiện vừa đẹp. Kìa cậu Dim! Kìa bác
sĩ, xin có lời kính chào ngài. Các ông được sum họp đông đủ nơi đây như một gia đình có hạnh phúc. Thuyền trưởng ngắt lời:
- Nói gì cứ nói mau đi, mất thì giờ vô ích. Xin-ve đáp:
- Ông nói phải. Vậy ông hãy nghe tôi nói. Đêm qua các ông
giỏi đấy. Bọn ông đã dùng gậy đập chết một người trong chúng tôi.
Bọn tôi nhiều người hoang mang; ngay cả tôi cũng phải rung động, điều ấy tôi không chối. Có lẽ vì thế mà tôi đến đây thương lượng với ông cũng nên. Nhưng ông nên nhớ, việc ấy chỉ làm được một lần. Chúng tôi sẽ biết canh phòng, chúng tôi sẽ biết đề phòng rượu "rum". Ông thuyền trưởng thản nhiên hỏi:
- Thế là sao?
Đối với thuyền trưởng, những điều trên hoàn toàn là bí ẩn. Nhưng về phần tôi, tôi đã hiểu. Tôi sực nhớ đến những lời sau cùng của Ben-gun là hắn sẽ tìm cách giết bọn thủ hạ của Xin-ve để giúp chúng tôi. Chắc hắn có mò đến chỗ bọn giặc ngủ say? Nghĩ đến đây, tôi thấy trong bụng nở nang vì như thế bọn giặc chỉ còn mười bốn đứa.
Xin-ve nói:
- Tôi xin nói thẳng. Bọn tôi muốn lấy kho của. Còn các ông chắc cũng muốn tính mạng vẹn toàn. Các ông có cái bản đồ phải không? Thôi tôi biết rồi, giấu cũng vô ích thôi! Bọn tôi muốn có cái bản đồ ấy.
Ông thuyền trưởng quát:
- Đừng đùa. Bọn anh muốn làm gì thì làm. Rồi tôi sẽ treo cổ
bọn anh lên!
Tôi thấy Xin-ve hình như nhụt đi. Còn ông thuyền trưởng thì

lặng lẽ cho thuốc vào tẩu. Chốc sau Xin-ve bảo:
- Ông hút thuốc, ông cho phép tôi cùng hút một thể cho vui. Nói thế rồi hắn châm lửa hút thuốc. Hai người cứ thế ngồi
đối mặt nhau, lặng lẽ hút thuốc. Cảnh tượng ấy trông thật ngộ
nghĩnh. Xin-ve lại nói:
- Thôi, ông biết điều nên giao cái bản đồ ấy cho tôi. Các ông
đừng động đến bọn tôi, rồi tôi sẽ cho ông một trong hai điều kiện này. Một là, các ông cùng đi lấy của rồi xuống tàu với chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa về tử tế. Hai là, nếu không có nghi ngại gì thì chúng ta sẽ chia lương thực ra, các ông cứ ở lại đây. Tôi hứa nếu gặp chiếc tàu nào, tôi sẽ bảo lại đây đón các ông. Như vậy chắc các ông bằng lòng chứ? (Đến đây hắn dằn giọng) Tôi mong rằng tôi nói điều này không phải chỉ riêng với ông mà với tất cả mọi người có mặt ở đây. Bọn ông nên cân nhắc kỹ.
Thuyền trưởng đứng lên, xoa tàn thuốc lá dính tay rồi hỏi:
- Nói hết chưa? Xin-ve đáp:
- Hết rồi! Nếu các ông không nhận lời thì các ông chỉ nhận được những phát súng. Ông thuyền trưởng nói:
- Được lắm! Bây giờ đến lượt tôi nói cho anh nghe. Nếu bọn
anh biết điều đến đây từng người một bỏ khí giới quy hàng, khi về tôi đảm bảo với các anh, các anh chỉ bị phạt tù. Nhược bằng các anh còn ngoan cố, tôi thề sẽ làm cho các anh bị treo cổ tất. Các anh đừng hòng tìm của cải. Các anh đừng hòng cho tàu chạy được. Không có mặt nào trong bọn anh cầm lái nổi! Các anh đã bị hãm rồi. Tôi chỉ cần nói với anh từng ấy là đủ, mà đây là lần cuối cùng. Bận sau còn trông thấy mặt anh, tôi sẽ cho anh một phát súng vào xương sống. Thôi đứng dậy cút đi!
Xin-ve giận đến xanh sạm cả mặt. Hắn rống lên:
- Lại đây cho tôi vịn để đứng dậy đi về. Chẳng ai nhúc nhích. Hắn lẩm bẩm chửi rủa rồi cố lết ra
cổng, đánh đu vào cái cột, đứng lên. Hắn tức tối nhổ toẹt một bãi
nước bọt vào dòng suối rồi đe dọa:
- Trước lúc một giờ, tôi sẽ làm cỏ cả cái lều này. Cười đi! Cứ
cười đi! Trước lúc một giờ, các anh sẽ xuống chơi dưới âm phủ.
Hắn rủa một câu rất độc rồi chống nạng đi ra, cút thẳng.

CHƯƠNG 17

TRẬN ĐÁNH KHU VỰC LÔ-CỐT

Khi Xin-ve đi khuất, thuyền trưởng mới quay vào trong nhà. Ông thấy chỉ có Grây là còn đứng canh tại chỗ. Lần này là lần đầu, chúng tôi thấy ông nổi giận lôi đình. Ông hét lớn:

- Mọi người đứng vào vị trí! Khi ai nấy đã chạy về vị trí, ông mới nghiêm khắc lên tiếng:

- Grây, tôi sẽ ghi công anh vào sổ, anh thật là một người thủy thủ chân chính, biết làm trọn nhiệm vụ. Ông Chi! ông làm tôi đến ngạc nhiên. Bác sĩ Ly! Tôi cứ ngỡ ông trước cũng là quân nhân... Nếu thế này, ông ở nhà còn hơn! Mọi người vội vã tuân lệnh, im lặng nạp đạn, nhưng mặt mũi người nào cũng bẽn lẽn đỏ gay. Ông thuyền trưởng đứng nhìn một lúc rồi nói:

- Các anh! Tôi đã nói khích cố ý để làm cho thằng Xin-ve nổi tức. Thế là ta đã dử hắn đến đây, ta có thì giờ bố trí trước để đối phó. Chúng ta ít hơn bọn chúng, nhưng chúng ta ở trong lô-cốt, được lợi thế hơn. Nếu mọi người có kỷ luật, biết tuân lệnh, tôi dám chắc chúng ta sẽ nện cho chúng một trận thất điên bát đảo. Nói xong, ông đi xem xét xung quanh, quan sát lại vị trí và kiểm tra từng người. Hai sườn lô-cốt, ở phía đông và phía tây chỉ có hai lỗ châu mai; phía nam là phía cổng 89 90 có hai lỗ và phía bắc có năm lỗ. Chúng tôi bảy người nhưng có đến hai mươi khẩu súng. Chúng tôi xếp củi lại thành bốn đống, làm thành bốn cái bàn, mỗi cái ở ngay giữa mỗi phía. Trên mỗi bàn có để sẵn thuốc đạn và bốn khẩu súng trường, nếu cần, những người chiến đấu có thể với tay lấy được. Ở giữa lô-cốt để một dãy dao găm. Ông thuyền trưởng bảo:

- Tắt lửa đi! Trời cũng chả rét nữa. Đừng để khói xông vào mắt. Còn Dim, cậu chưa ăn sáng, đi lấy khẩu phần đi rồi đứng tại vị trí mà ăn. Trong khi mọi người răm rắp tuân lệnh, ông sắp đặt lại một lần nữa:

- Bác sĩ Ly hãy ra giữ cửa! Phải nhìn cho kỹ, đừng thò mình ra ngoài. Phải đứng trong mà bắn qua cổng... Hun-tơ ra đứng phía đông. Do-sơ đứng phía tây. Đó... đứng đó được rồi! ông Chi, ông bắn giỏi thì ra trấn góc bắc với Grây. Ở góc ấy có đến năm lỗ châu mai và là nơi hiểm yếu nhất. Nếu bọn chúng chiếm được góc ấy, chĩa súng qua bắn vào thì hỏng bét... Còn tôi với cậu Dim bắn tỏi, thì chúng ta đứng nạp đạn cho họ và họ cần việc gì thì giúp... Quả nhiên như lời thuyền trưởng, chúng tôi thấy hết rét. Mặt trời nhô lên khỏi rặng cây, chiếu sáng chói chang trên bãi đất trống và làm tan đám sương mù trong nháy mắt. Chẳng mấy chốc, đất cát khô bỏng, nhựa trong các thân cây trong lô-cốt chảy ra nham nháp. Mọi người phải bỏ áo khoác,

cởi cúc cổ áo sơ- mi và xắn tay áo lên. Một giờ qua. Phút chờ đợi vừa bực bội vừa căng thẳng. Mọi người đều "mở mắt mở tai", tay lăm lăm khẩu súng. Thuyền trưởng đứng giữa nhà, môi mím chặt, trán hằn lên những vết nhăn. Thốt nhiên, Do-sơ giương súng bắn. Tiếng súng đầu tiên vừa nổ thì chung quanh lô-cốt hàng loạt súng bắn vào dồn dập. Nhưng không có viên đạn nào lọt vào trong. Sau lúc khói tan, nhìn lại, các vách gỗ trong lô-cốt vẫn lành lặn y nguyên như cũ. Thuyền trưởng hỏi Do-sơ:
- Anh có bắn trúng tên giặc không? Do-sơ đáp:
- Thưa ông, chắc trúng! Thuyền trưởng truyền lệnh:
- Dim! Nạp đạn cho anh ấy. Còn bác sĩ, ở phía ông, ông ước chừng có mấy đứa? Bác sĩ đáp:
- Tôi biết chắc chắn là có ba phát súng bắn ở rừng vào. Tôi trông rõ ba tia lửa. Thuyền trưởng nhắc lại:
- Ba... Còn ở phía ông Chi, ông thấy mấy? Ở phía này không biết rõ được như ở các phía kia. Nhưng
phía này nhiều giặc hơn cả. Ông Chi thì nói độ bảy tên, còn Grây thì bảo tám, chín đứa. Rõ ràng là lực lượng chính chúng dồn về phía này cả. Còn mấy phía kia chúng chỉ cốt làm phân tán, giữ chân chúng tôi thôi. Biết thế nhưng thuyền trưởng vẫn không thay đổi cách bố trí. Vì ông cho rằng nếu bọn địch vượt qua được hàng rào, chúng sẽ đến chiếm ngay những vị trí nào bỏ ngỏ và sẽ chĩa súng bắn vào người trong lô-cốt như bắn chuột. Nhưng lúc ấy, không ai còn kịp suy nghĩ. Thốt nhiên chúng tôi nghe cả loạt tiếng hò reo, rồi thấy một toán giặc chạy xổ trong rừng ra, ồ ạt tiến về phía lô-cốt. Ngay lúc ấy có hàng loạt đạn từ rừng bắn ra. Một phát bắn trúng vào khẩu súng của bác sĩ làm gãy tan từng mảnh. Bọn giặc leo lên hàng rào nhanh nhẹn như đàn khỉ. Ông Chi và Grây bắn luôn tay, không ngớt. Ba đứa trong bọn chúng bị ngã: một đứa ngã lộn vào trong, hai đứa bật ra ngoài. Nhưng một đứa xem chừng sợ nên co giò chạy biến vào rừng... Còn bốn đứa leo qua được. Chúng chạy thẳng lại lô-cốt, hò hét vang ầm. Còn bảy tám đứa khác, có lẽ có nhiều súng dài nên đứng ngoài bắn yểm hộ và hò reo trợ lực. Ở trong lô-cốt có bắn ra nhưng vì bắn vội nên không trúng. Trong chớp mắt, bốn đứa đã leo lên đỉnh đồi và nhảy xổ lại lô-cốt. Qua lỗ châu mai, thấy rõ thằng An-đe-sơn đương gào lớn:
- Tiến vào! Tất cả tiến vào!
Giữa lúc ấy một tên giặc giật được súng của Hun-tơ, chĩa qua lỗ châu mai bắn một phát làm Hun-tơ ngã vật ra. Một tên nữa chạy khom khom đến ngay cửa, múa dao xông vào chém bác sĩ. Trong lô-cốt đầy khói, nhờ thế chúng tôi chống đỡ có lợi hơn. Tiếng thuyền trưởng oang oang:
- Ra ngoài, anh em! Dùng dao mà đánh! Tôi vớ một con dao trên đống củi. Một tên cướp cũng giật lấy một con dao và chém một nhát vào tay tôi. Tôi chỉ thấy tê tê ở tay rồi tôi vội nhảy ra ngoài. Trước mặt tôi, bác sĩ Ly đuổi

theo một tên giặc và chém một nhát mạnh vào mặt hắn, làm hắn ngã vật xuống. Tiếng thuyền trưởng lại vang lên:
- Anh em ơi! Vòng quanh lô-cốt! Vòng quanh lô-cốt!
Nhưng tiếng ông nghe đã khang khác. Như cái máy, tôi theo lệnh chạy qua góc nhà. Được mấy bước, tôi gặp An-đe-sơn. Hắn giơ dao chém bổ xuống tôi. Tôi vội tránh nhưng trượt chân ngã lăn xuống dốc. Khi tôi ra khỏi lô-cốt là lúc tôi thấy một thằng đội mũ đỏ, miệng ngậm dao đương chân trong chân ngoài trên bờ rào. Nhưng trận đánh như đã kết thúc. Grây đã giết chết tên An-đesơn khi hắn giơ dao chém hụt tôi. Một tên nữa bị giết ở trước lỗ châu mai khi hắn đang chĩa súng vào lô-cốt. Còn một tên bị bác sĩ Ly chém chết. Số còn lại ném dao chạy vào rừng. Cả bọn rút chạy, bỏ lại năm xác chết. Lúc này chúng tôi mới kiểm điểm lại phía mình. Hun-tơ nằm thoi thóp. Do-sơ bị một phát súng vào đầu đã tắt thở. Còn thuyền trưởng thì bị thương. Thuyền trưởng hỏi:
- Chúng chạy cả rồi hả? Bác sĩ đáp:
- Thằng nào chạy được mới chạy. Còn năm đứa chết lăn kềnh
ngoài kia. Thuyền trưởng kêu to:
- Năm đứa! Khá lắm! Bọn hắn mất năm, ta mất ba. Thế là chúng ta còn lại bốn chọi chín - như vậy chúng ta vẫn có cơ thắng được. Nhưng thực ra, bọn giặc chỉ còn tám tên, vì tên bị ông Chi bắn trên tàu chiều hôm ấy đã tắt thở. Việc ấy mãi về sau này chúng tôi mới biết.

CHƯƠNG 18

LÊNH ĐÊNH TRÊN BIỂN

Từ phút ấy không thấy bóng một tên giặc nào lai vãng và cũng không thấy một phát đạn nào trong rừng bắn ra. Khu lô-cốt bây giờ thuộc về chúng tôi, chúng tôi yên trí săn sóc những người bị thương và nấu cơm sáng. Hun-tơ sau đấy đã tắt thở. Còn vết thương của thuyền trưởng tuy nặng nhưng không đến nỗi nguy hiểm đến tính mạng. Phát súng của tên An-đe-sơn làm gãy xương ngực nhưng không chạm đến phổi. Phát thứ hai chỉ xé thịt ở bắp chân. Theo lời bác sĩ thì ông thuyền trưởng sẽ khỏi, nhưng cần phải tĩnh dưỡng và tránh cử động trong dăm tuần lễ. Còn vết thương của tôi chỉ như muỗi đốt. Bác sĩ chỉ dán vào đấy một lá thuốc cao rồi béo tai tôi một cái. Cơm sáng xong xuôi, ông Chi và bác sĩ ngồi bên cạnh thuyền trưởng bàn bạc. Các ông thảo luận xong thì đã quá trưa. Bác sĩ Ly đội mũ, cầm súng, giắt dao, bỏ bức bản đồ vào túi rồi rảo bước đi ra khỏi đồn. Grây đang hút thuốc, thốt nhiên bỏ tẩu xuống, sững sờ nhìn theo bác sĩ.

Hắn nói:

- Lạ kia! Bác sĩ điên rồi chắc? Tôi đáp:

- Điên à? Đời nào. Bác sĩ là người còn bình tĩnh và sáng suốt nhất trong bọn ta. Grây lại nói:

- Nếu ông ấy không điên, thì chính tôi điên mất. Tôi bảo:

- Tôi chắc bác sĩ có ý định gì đây. Chưa chừng bác sĩ đến gặp Ben-gun đấy.

Về sau này, tôi mới biết dự đoán của tôi là đúng. Lúc này trong lô-cốt nóng như thiêu như đốt... Bãi cát trên đồi bị nóng bỏng hắt hơi nồng vào mặt mọi người. Tôi lo quét dọn trong ngoài rồi đi rửa bát đĩa. Mồ hôi ướt đẫm, người như chín dừ. Nhìn thi thể của Hun-tơ và Do-sơ nằm ở góc nhà, tôi thấy bụng nóng ran lên. Tôi muốn làm một việc gì dù nguy hiểm đến đâu cũng không từ nan để giết hết bọn giặc và gỡ cho bọn tôi ra khỏi cảnh này. Khốn nỗi, tôi chỉ là đứa bé, đánh nhau cũng chẳng hơn ai. Tôi tự xét ở đây cũng không giúp ích được gì lắm. Một ý định táo tợn bỗng thoáng qua đầu, tôi hăm hở đứng lên. Dự định của tôi là sẽ xuống dưới bãi cát ở mé đông, tìm tảng đá trắng mà Ben-gun đã nói để xem hắn có giấu chiếc thuyền của hắn ở đó không. Có thuyền rồi, tôi sẽ làm cho bọn giặc một mẻ kinh hồn. Lừa lúc không ai để ý, nhân tiện lại đứng gần bị bánh quy, tôi liền thò tay vào bị, lấy bánh quy nhét đầy túi áo. Nếu gặp trở ngại gì, tôi sẽ không phải lo chết đói. Số bánh này có thể ăn hai hôm cũng chưa hết. Tôi mang theo hai khẩu súng lục; trong lưng tôi đã có bao thuốc súng và đạn rồi, như vậy là đủ khí giới để tự vệ. Nhưng làm sao để ra đi? Tôi chắc, nếu nói ra thì chẳng một ai cho tôi

đi cả. Tôi đành phải dùng lối "đánh lén", thừa lúc mọi người vô ý tôi sẽ chuồn đi một mạch. Cái lối chuồn ấy thật là vô kỷ luật. Nhưng tôi chỉ là một đứa trẻ, hễ thích là làm, chẳng cần phải suy tính thiệt hơn gì cho lắm. Thế là thừa cơ hội lúc ông Chi và Grây đương lúi húi thay băng cho thuyền trưởng, tôi nhảy phóc ra ngoài. Tôi chạy một mạch thẳng vào lùm cây. Lúc này, ông Chi có biết cũng không gọi kịp. Tôi đi thẳng đến bờ biển phía đông. Tôi định men theo bãi cát ven biển để bọn chúng ở trên tàu khỏi trông thấy. Trời đã về chiều. Nhưng mặt trời còn nóng gay gắt. Tôi đi len lỏi trong rừng; xa xa nghe tiếng sóng vỗ bờ, tiếng lá cây xao động và tiếng cành cây răng rắc. Những tiếng ấy cho tôi biết gió biển hôm nay thổi mạnh hơn mọi ngày. Chốc sau, những luồng gió lạnh thổi tới. Đi dăm bước nữa, tôi đã đến ven rừng. Trước mặt tôi là chân trời vời vợi, một dải biển xanh mênh mông, lấp lánh dưới nắng trời. Ở ven bờ, sóng đánh sủi bọt trắng xóa. Tôi đi dọc theo bờ biển, lòng thấy vui vui. Tôi vui chân đi quá về phía nam, núp vào các bụi rậm, rồi bò thật cẩn thận đến dải đất cát. Trước mặt tôi là nơi tàu đỗ, sau lưng tôi là biển. Gió biển đã lắng xuống. Một làn gió nhẹ tiếp theo từ phía nam và phía đông nam thổi lại mang theo những dải sương mù. Chỗ tàu đậu, nhờ có hòn đảo Hình Người che kín, vẫn yên lặng và âm thầm như hôm chúng tôi mới đến. Mặt biển như tấm gương trong; chiếc tàu in bóng rõ rệt từ lườn tàu đến đầu cột buồm, có mang lá cờ đen của giặc. Trên một chiếc thuyền đỗ gần tàu, tôi nhận ra ngay Xin-ve ngồi ở phía sau, đang trò chuyện với hai tên khác lưng tựa vào mép tàu. Một tên là thằng đội mũ đỏ, cách đây vài giờ đã ngồi chân trong chân ngoài trên bờ rào lô-cốt. Hình như chúng đương nói cười hỉ hả. Thốt nhiên có mấy tiếng kêu khác thường và ghê rợn. Nhưng tôi đã nhận ra ngay là tiếng con vẹt Phơ-linh của Xin-ve. Nhờ có bộ lông bóng lộn của nó, tôi thấy nó đang đậu trên cổ tay chủ nó. Một lát sau chiếc thuyền kia đi thẳng vào bờ. Tên giặc mũ đỏ cùng tên bạn nó ở trên tàu cũng đã chui vào đằng lái. Mặt trời đã lặn sau gò Vọng Viễn. Sương mù chả mấy chốc đã dày đặc, bóng tối phủ dần. Tôi biết nếu muốn tìm được chiếc thuyền của Ben-gun thì không thể trì hoãn một phút. Tảng đá trắng lồ lộ sau bụi cây còn cách tôi đến hai trăm mét. Tôi phải mất một thời gian khá lâu mới bò được đến đấy. Khi tay tôi sờ được vào mép đá gồ ghề thì trời đã tối mịt. Ngay phía trước, có một cái hồ nhỏ, cỏ phủ đầy chung quanh, đất mấp mô và những lùm cây rậm che kín. Giữa hồ có dựng một cái lều con bằng da dê như lều của những kẻ giang hồ. Tôi nhảy xuống hồ, vén lều lên, thấy ngay chiếc thuyền của Ben-gun. Thuyền là khúc gỗ đục nham nhở, trông rất thô kệch; trên thuyền trải một tấm da dê. Thuyền bé quá, ngay đối với tôi mà nó cũng còn bé, huống chi đối với thân hình một người lớn. Trong lòng thuyền, có kê một cái ghế dài rất thấp, ở đằng mũi có hai mái chèo. Đây là một chiếc thuyền rất thô sơ, nhưng được cái rất nhẹ, mang đi đâu cũng tiện. Bây giờ có thuyền rồi, tôi mới nghĩ đến việc thực hiện kế hoạch của tôi. Tôi định nhân

đêm tối, bơi thuyền ra tàu để dò xét. Tôi chắc rằng, sau trận thua liểng xiểng hôm nay, bọn giặc sẽ rút xuống tàu, giong ra biển. Tôi ngồi đợi cho trời tối hẳn. Tôi thọc tay vào túi, lấy bánh ăn ngon lành. Đêm tối như thế này, rất lợi cho tôi hành sự. Sương mù che kín bầu trời. Những tia sáng cuối cùng của ban ngày còn sót lại đã tắt hẳn. Cả hòn đảo chìm trong bóng tối mịt mù. Khi tôi vác thuyền lên vai, mò mẫm bước ra ngoài, tôi thấy ở nơi tàu đỗ chỉ còn hai chấm ánh sáng. Một chấm là đống lửa cạnh đầm ở trên bờ, nơi bọn giặc đương vây quanh chè chén. Chấm kia là nơi tàu đậu. Lúc này, theo chiều nước thủy triều, tàu đã quay lại, mũi tàu ngoảnh về phía tôi. Trên tàu, chỉ trong phòng là có ánh sáng. Cái điểm sáng tôi thấy chỉ là do ánh sáng lọt qua chiếc cửa sổ đằng lái, lờ mờ lên lớp sương mù đặc. Nước thủy triều đã xuống từ lâu. Trước khi tới bờ biển, tôi phải lội qua một dải cát dài ướt nhão nhớt, chân thụt đến mắt cá. Phải vất vả và khéo léo lắm, tôi mới đặt được thuyền lên mặt nước.

CHƯƠNG 19

KHI NƯỚC TRIỀU XUỐNG

Đối với một người tầm vóc như tôi, chiếc thuyền độc mộc của Ben-gun thật là vừa vặn. Nó vừa chắc chắn lại vừa nhẹ, có thể đi trên mặt biển được. Chỉ tội là rất khó chèo. Muốn làm thế nào thì làm, nó cũng cứ lệch đường và quay tít như chong chóng. Chính Ben-gun cũng đã nói thuyền này rất khó sử dụng nếu không biết được những cái tật của nó. Thật vậy, rõ ràng là tôi chưa biết gì về chiếc thuyền này. Nó quay tứ phía, nhưng cái phía tôi muốn đi nó lại không quay cho! Phần nhiều nó hay trôi ngang; tôi dám chắc nếu không gặp dòng nước cuốn không bao giờ tôi đi đến gần tàu được. May sao chiếc tàu nằm đúng ngay giữa dòng. Cho nên dù muốn chèo thế nào thì chèo, dòng nước vẫn cứ đưa chiếc thuyền của tôi về hướng ấy. Chiếc tàu bỗng hiện ra lù lù trước mặt như một đám đen trong đêm tối. Dần dần, tôi trông rõ thân tàu và các cột buồm. Càng đến gần, dòng nước càng chảy xiết. Chỉ thoáng cái, tôi đã đến nơi và tiện tay, tôi vớ phải cái dây neo. Dây neo căng thẳng như dây cung. Tôi chợt nghĩ ra nên cắt phăng cái dây neo để mặc chiếc tàu của chúng trôi lênh đênh ngoài biển nước đang chảy cuồn cuộn reo vang như con suối đổ. Chỉ cần một nhát dao là con tàu trôi băng theo dòng nước. Mọi việc tưởng dễ như trở bàn tay, nhưng tôi sực nghĩ ra: một dây neo căng thẳng thế này mà thốt nhiên bị đứt thì nguy hiểm chẳng khác gì vó ngựa đá lồng. Nếu tôi cố liều lĩnh cắt phăng dây neo, chắc thế nào cũng bị hất văng xuống biển. Nghĩ thế, tôi chùn tay lại. May sao trời cũng chiều người. Ngọn gió trước kia hiu hiu thổi từ phía nam và phía đông nam lại, đến đêm lại thổi về phía đông nam. Ngọn gió đổi chiều bỗng đẩy lùi con tàu vào hẳn giữa dòng. Tôi như mở cờ trong bụng khi thấy sợi dây neo trong tay tôi bỗng chùng hẳn lại, bàn tay tôi nhúng xuống nước một hồi lâu. Thế là tôi quyết định hẳn. Tôi rút dao ra, dùng răng mở dao rồi từ từ cắt hết sợi nọ đến sợi kia. Khi dây neo chỉ còn hai sợi nữa, tôi dừng lại đợi con gió khác đến sẽ làm chùng lại. Lúc ấy tôi mới tiện phăng đi. Suốt từ lúc đến gần tàu, tôi vẫn nghe tiếng quát ầm ầm trong buồng tàu. Nhưng lúc đó tôi đang mải nghĩ đến chuyện khác nên không để ý mấy. Bây giờ ngồi rỗi, tôi mới bắt đầu lắng tai chăm chú nghe. Tôi nhận được tiếng lão Han, tên lính pháo thủ đại bác của Phơ-linh. Còn tên kia chắc là tên giặc mũ đỏ. Hai đứa đều có vẻ say bí tỉ. Tuy vậy chúng vẫn chén chú chén anh. Một đứa mở cửa sổ đằng sau tàu và ném vật gì xuống biển; tôi đoán là cái chai không. Nhưng không phải chúng chỉ có say mà thôi, chúng còn đang cãi vã nhau kịch liệt. Tiếng chửi rủa luôn mồm; thỉnh thoảng cơn giận dữ của chúng bốc lên làm tôi tưởng chừng đến phải đấm đá nhau. Nhưng về sau tiếng cãi cọ lắng xuống. Chỉ còn nghe thầm thì to nhỏ,

rồi bỗng chốc, tiếng xô xát lại bốc cao lên và cứ thế diễn đi diễn lại mãi không thôi. Trên bờ đảo, lửa đốt sáng rực qua chòm lá cây. Văng vẳng đưa lại tiếng hát của một đứa trong bọn chúng đang hát một bài hát cổ của dân biển. Giọng hát buồn, ảo não, cứ đến cuối câu lại hạ xuống một giọng trầm não nùng, rồi kéo dài lê thê như không bao giờ dứt. Giọng hát chán nản buồn nhức xương này, tôi cho rất hợp tình hợp cảnh với bọn giặc vừa bị thất bại chua cay. Gió lại bắt đầu thổi. Chiếc tàu từ từ lùi lại. Sợi dây neo cứ chùng dần, chùng dần. Tôi cố sức giáng một nhát dao cuối cùng, tiện phăng sợi dây neo làm hai đoạn. Con tàu từ từ quay hết đầu nọ đến đầu kia trên dòng nước. Chiếc thuyền của tôi nhè nhẹ xô vào đầu mũi con tàu. Tôi cố quờ quạng chung quanh vì lúc nào chiếc thuyền độc mộc của tôi cũng như sắp chìm xuống đáy biển. Tôi không thể nào giữ cho thuyền khỏi sát vào thân tàu, nên tôi cứ đẩy nó đi lùi dần về đằng lái. Cuối cùng tôi đẩy được thuyền ra xa tàu. Khi đẩy ra, tay tôi sờ phải một cái dây lòng thòng đằng sau lái. Tôi bám lấy sợi dây. Đến bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao lúc ấy tôi lại vớ lấy đầu dây này. Có lẽ đó cũng là vì tình cờ mà thôi. Nhưng sau tôi thấy một đầu dây cột chặt vào tàu nên tôi nảy ra một ý khác. Tính tò mò thúc giục làm tôi muốn thử ghé mắt nhòm qua cửa sổ xem trong ấy ra sao. Tôi níu tay lần sợi dây, đưa thuyền đến sát bên tàu; tôi liền đánh đu rướn thẳng người lên; như vậy tôi có thể nhìn thấy nóc tàu và một phần gian phòng. Trong khi ấy con tàu cùng chiếc thuyền độc mộc của tôi cặp kè trôi phăng phăng theo dòng nước đến tận ngang chỗ đống lửa của bọn giặc trên bờ. Sóng vỗ vào mạn tàu dào dạt. Thế mà sao bọn canh trên tàu vẫn lặng lẽ thản nhiên. Thật là một điều lạ. Nhưng khi nhòm qua cửa sổ thì tôi đã vỡ lẽ. Tôi thấy lão Han và thằng mũ đỏ đã ôm nhau đấm đá chí tử, thằng nọ đương bóp cổ thằng kia. Nhìn xong tôi ngồi thụp xuống. Nhưng trong óc tôi vẫn ghi rõ hai bộ mặt hung ác, đỏ như gấc, lửa giận bốc phừng phừng, đương hầm hè ôm vật nhau dưới ngọn đèn dầu bốc khói. Tôi nhắm mắt lại để bớt quáng và cho quen với bóng tối. Tôi đương suy nghĩ, thốt nhiên chiếc thuyền của tôi bị chao hẳn đi. Ngay lúc ấy nó trôi hẳn về phía khác như muốn đổi hướng. Bây giờ nó trôi nhanh gấp mấy lúc trước. Tôi mở choàng mắt ra... Chung quanh tôi biển cả ầm ĩ, trập trùng muôn ngàn lượn sóng lấp lánh lân tinh. Cách chỗ tôi vài sải, con tàu cũng đương có vẻ ngần ngừ, chao đảo. Nhìn kỹ lại, tôi thấy chiếc tàu cũng trôi về phía nam. Ngoảnh lại đằng sau, trống ngực tôi đánh thình thịch. Chính sau tôi là đống lửa của bọn giặc trên bờ. Dòng nước chảy theo hình thước thợ, kéo con tàu lẫn chiếc thuyền con của tôi lềnh bềnh ào ạt đi ra biển cả. Thốt nhiên, chiếc tàu trước mặt tôi chao nghiêng hẳn đi rồi quật sang hướng khác. Lúc ấy tôi mới nghe thấy tiếng kêu ầm ĩ trên tàu. Nghe thấy tiếng giày nện thình thịch trên chiếc thang đằng lái, tôi đoán hai thằng giặc đã thôi đánh nhau vì chúng đã nhận thấy sự nguy hiểm. Tôi nằm rạp xuống lòng thuyền, phó thác tấm thân cho sự rủi may. Tôi chắc rằng chỉ đi xa một

chút nữa, những lượn sóng cả bạc đầu sẽ nuốt trửng lấy chiếc thuyền con và chôn vùi tôi xuống đáy biển. Nghĩ đến chết, tôi không sợ lắm, nhưng sao trong người tôi cứ xao xuyến. Tôi nằm như vậy lâu lắm, mặc thuyền lênh đênh trên ngọn sóng. Sương mù và nước biển làm áo quần tôi ướt đầm. Nhưng lúc ấy tôi chỉ nghĩ đến chết; tôi chỉ đợi một đợt sóng sắp đến đưa tôi về gặp cha tôi. Dần dần tôi mệt lả người. Sự lo sợ làm tâm hồn tôi mê mẩn. Về sau tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Tôi mơ tưởng đến quê nhà, đến những người thân, đến cái quán cơm hẻo lánh trên cửa biển. Tôi thấy bác sĩ Ly, ông Chi đương nhìn tôi vui vẻ. Tôi thấy tiền bạc để đầy nhà và từng đoàn người nghèo khổ đang kéo đến. Họ đông, đông vô kể. Đầu họ nhấp nhô, trập trùng, cuồn cuộn như sóng.

CHƯƠNG 20

CHIẾC THUYỀN ĐỘC MỘC LÊNH ĐÊNH

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng bạch. Tôi thấy mình đương trôi lênh đênh ở phía nam hòn đảo. Mặt trời đã mọc nhưng còn khuất sau gò Vọng Viễn; gò ở sát biển và dốc gò dựng đứng. Ngọn núi Cột Cái đằng mũi bến tàu ở ngay gần tôi. Bờ biển chỗ ấy cao đến mười lăm, mười sáu mét, lởm chởm những tảng đá lớn. Tôi chỉ còn cách bờ một phần tư dặm. Mới đầu tôi định bụng chèo thuyền đổ bộ lên đấy. Nhưng chẳng mấy chốc tôi phải gạt bỏ cái ý định này đi. Ở chỗ ấy, ven biển nhấp nhô những mô đá nhọn hoắt. Từng đợt sóng lớn đổ vào ầm ầm, bọt tung trắng xóa. Nếu tôi mạo hiểm cho thuyền cập vào, tất không tránh khỏi bị tan xác. Mà dù có vào được bờ thì cũng chẳng thể leo lên được cái sườn núi đá dốc đứng ấy. Lại thêm hàng chục con quái vật lổm nhổm bò hàng đàn trên những tảng đá thấp, mình trụi nhớp nháp, to tướng dị thường, vừa bò vừa sủa vang cả hốc đá. Về sau này tôi mới biết những con vật ấy là giống "sư tử biển" rất hiền lành, chẳng cắn mổ gì ai cả. Nhưng cứ trông cái hình thù cổ quái gớm ghiếc ấy cũng đủ làm cho người ta phải thất đảm. Vì thế tôi nghĩ thà lênh đênh chết đói trên mặt biển còn hơn phải bước chân vào đấy. Nhưng may mắn làm sao! Tôi trông thấy ở phía bắc cái doi đất có một bãi đất rộng. Nước thủy triều rút xuống để lộ một dải cát vàng. Quá về phía bắc một tí, lại có một doi đất khác, thông mọc um tùm nhô ra tận mặt nước. Thế là tôi cố sức men theo dòng nước đáp vào chỗ doi cát này. Mặt biển êm ả gợn sóng. Gió nam thổi nhẹ xuôi theo dòng nước. Nhờ sóng êm biển lặng, chiếc thuyền con của tôi lặng lẽ xuôi dòng. Tôi nằm trong lòng thuyền, liếc mắt nhìn ra ngoài. Thỉnh thoảng lại thấy một ngọn sóng biếc nhô lên quá đầu. Nhưng chiếc thuyền chỉ dồi lên một tí như có lò xo, rồi lại êm ả lướt qua, nhẹ như cánh chim. Một lúc sau, tôi đánh bạo nhổm dậy, cố chèo. Nhưng chỉ hơi nhích mình là chiếc thuyền tròng trành, muốn lật úp. Nó chúi mũi xuống dưới chân sóng, làm tôi đến choáng váng cả người. Bọt sóng đánh tung cả vào người, làm tôi vừa bị ướt vừa khiếp đảm. Tôi vội nằm xuống như cũ. Thuyền lại đi êm, dồi tôi từ ngọn sóng này qua ngọn sóng khác. Như thế đủ biết không thể bắt nó làm theo ý mình. Nhưng nếu không bơi được thì biết bao giờ mới cập bờ được? Lúc này tuy tôi rất lo sợ nhưng vẫn bình tĩnh, không hề rối trí. Trước hết tôi lấy chiếc mũ thủy thủ đội trên đầu ra. Tôi tát cạn nước trong thuyền. Rồi tôi lại liếc mắt ra ngoài xem xét tại sao chiếc thuyền lại có thể lướt sóng một cách bình yên như vậy... Tôi nhận thấy rằng mỗi ngọn sóng khi đứng trên bờ hay trên tàu nhìn xuống thì trông chẳng khác gì một khối nước trơn tuột. Đến khi nằm dưới chiếc thuyền con này nhìn lên thì nó lại giống như một rặng núi lởm chởm. Chiếc thuyền

độc mộc của tôi cứ tự ý ngả nghiêng rồi lại lách vào những chỗ trũng thấp, tránh những chỗ ngọn cao và cứ thế len lỏi tìm đường vượt qua các làn sóng lớn. Tôi tự nhủ: "Được lắm! Cứ nằm yên cho khỏi tròng trành, rồi thỉnh thoảng, lợi dụng chỗ sóng êm, thò tay qua mép thuyền, chèo vài ba cái để mau đến bến". Nghĩ xong tôi làm ngay. Thật là vừa nhọc vừa sốt ruột! Tuy vậy nhờ thế tôi tiến rất mau đến doi đất. Nhưng chẳng bao lâu thuyền đã trôi qua doi, đi về phía đông cách bờ đến vài trăm mét. Có lúc thuyền trôi gần bờ. Tôi đã trông thấy được những ngọn cây xanh lung lay trước gió và tôi cầm chắc thế nào cũng giạt được vào bờ ở doi đất thứ hai. Nhưng cơn khát đến bất ngờ như cào như xé! Phần nắng ở trên giội xuống, phần nắng dưới mặt biển hắt lên, lại thêm áo quần thấm ướt rồi lại ráo, môi khô mặn chát cả muối biển. Tất cả các thứ ấy làm tôi thấy khát bỏng trong cổ họng và choáng váng cả đầu óc. Nhìn thấy các ngọn cây trên bờ, lòng tôi càng nôn nóng. Nhưng dòng nước biển cứ kéo tôi ra xa mãi và giờ đây, trước mặt tôi là biển cả mênh mông. Nhưng một cảnh tượng mới vừa hiện ra, làm tôi vội vàng có ngay chủ định. Ngay trước mặt tôi, cách non nửa dặm, con tàu đứng lù lù, buồm giong tứ phía. Tôi nghĩ phen này chắc sẽ bị bọn giặc tóm mất. Nhưng vì cơn khát đương cháy cổ họng, nên tôi cũng không biết lúc ấy nên vui mừng hay nên lo ngại? Còn đương suy nghĩ miên man, thì một hiện tượng bất ngờ làm tôi kinh ngạc, trố mắt ra nhìn... Con tàu đang giong tất cả buồm lớn buồm nhỏ. Tấm vải trắng lấp lánh sáng ngời dưới ánh nắng. Tàu đang đi về phía tây bắc. Tôi đoán có lẽ giặc giong tàu chạy vòng quanh đảo để về đỗ lại chỗ cũ. Nhưng một lúc sau, tàu quay dần dần về phía tây: tôi chắc bọn giặc đã trông thấy tôi nên chúng định đuổi theo. Rồi về sau, tôi thấy tàu đi vào giữa dòng nước, rồi lại hình như lững lờ không biết đi ngả nào, cánh buồm ngả nghiêng rủ xuống. Tôi tự bảo: "Rõ đồ ăn hại! Chắc bọn chúng bây giờ đang say như chết. Ta có thể lợi dụng cơ hội tốt để dò xét tình hình". Trong khi ấy, chiếc tàu cứ tự ý trôi, một mình, khi trôi theo luồng gió này, lúc lại trôi theo luồng gió khác. Sau cùng, tôi đoán là con tàu không ai cầm lái. Nhưng nếu vậy thì người trên tàu đâu cả? Có lẽ bọn chúng đương say như chết, hoặc giả chúng nó bỏ tàu, kéo đi nơi khác chăng? Tôi nghĩ nếu leo lên được tàu, tôi có thể lái tàu về cho ông thuyền trưởng. Lúc này dòng nước đưa con tàu và chiếc thuyền của tôi cùng về phía nam, theo một tốc độ ngang nhau. Nhưng con tàu đi lúc thế này, lúc thế khác, thỉnh thoảng lại dừng lại nên tôi chắc nó không đi nhanh bằng chiếc thuyền con của tôi. Nếu tôi có thể ngồi lên, chèo thêm một tí là có thể đuổi kịp con tàu. Cái ý định có tính chất mạo hiểm ấy làm tôi thích thú. Nghĩ đến thùng nước ngọt để ở sau lái con tàu, tôi lại càng phấn chấn bội phần. Tôi nhỏm dậy, liền bị ngay một làn nước tạt bắn vào người. Nhưng lần này cẩn thận và khôn khéo hơn, tôi đã chèo được. Có lúc, nước hắt vào thuyền nhiều quá, tôi phải dừng tay chèo để tát nước ra. Những lúc ấy trái tim tôi bồi hồi bồi hồi như con chim non.

Nhưng dần dần, có kinh nghiệm, tôi lái được chiếc thuyền con theo ý mình. Nhưng đôi lúc, con sóng lớn lại xô vào mũi thuyền, nước bắn tung tóe vào mắt mũi. Cuối cùng, thuyền tôi đuổi theo kịp con tàu. Lúc ấy tôi đã trông thấy rõ được cái ánh đồng trên bánh lái không người điều khiển, bóng loáng dưới ánh mặt trời. Trên boong tàu vắng ngắt không thấy một bóng người. Tôi cầm chắc rằng chúng đã bỏ tàu để chuồn đi nơi khác. Nếu không thì chúng cũng say mèm, nằm chết gí ở dưới hầm tàu. Như vậy tôi có thể nhốt chúng lại và sẽ làm chủ chiếc tàu. Nhưng mỗi bận con tàu dừng lại thì thật là tai hại. Vì mỗi lần như vậy, tất cả các cánh buồm đều bọc gió, rồi kéo tàu trôi phăng phăng. Nhưng lần này trời cũng lại chiều người. Gió bỗng ngớt trong vài giây. Tàu từ từ quay theo dòng nước, đưa đằng lái về phía tôi. Tôi thấy cửa sổ vẫn còn mở toang, trên tàu ngọn đèn vẫn còn thắp đỏ giữa ban ngày. Cánh buồm to lủng lẳng như lá cờ rủ. Lúc ấy tàu đứng im, mặc dầu dòng nước vẫn chảy. Con tàu chỉ còn cách tôi độ một trăm sải thì gió lại bắt đầu thổi. Các lá buồm bên trái căng phồng lên, con tàu lồng lên, sà hẳn xuống một bên, rồi quay là là trên ngọn sóng như cánh chim én. Thoạt tiên trông thấy thế, tôi đã thất vọng, nhưng sau đấy tôi tươi tỉnh hẳn lên: con tàu trước mặt tôi đang quay hẳn lại, rồi quay một vòng, rồi lại quay lùi một vòng nữa. Cứ thế, con tàu nhích gần lại phía tôi... Tôi đã có thể trông rõ sóng đánh sủi bọt trắng xóa ở mũi tàu. Đưa mắt nhìn lên, tôi bỗng thấy thân tàu to lớn mênh mông. Trong giây phút ngắn ngủi này, tôi chợt hiểu rõ tất cả tình thế nguy nan: tính mệnh tôi như trứng treo đầu đẳng. Số là con tàu vừa nhào xuống theo một lượn sóng thì chiếc thuyền con của tôi ở đầu một ngọn khác cũng đương vùn vụt lao lại. Trong nháy mắt tôi đã liếc thấy cái xà buộc buồm nằm ngang đằng mũi tàu ở ngay trên đầu tôi. Tôi vụt đứng ngay dậy, chân dận mạnh vào thuyền, rún mình nhảy lên. Tay tôi vừa vặn bám vào cái xà ngang buộc cánh buồm tam giác, còn chân thì lơ lửng giữa miếng ván và cái trụ. Trong lúc đang hổn ha hổn hển treo lủng lẳng trên cánh buồm thì tôi nghe ở dưới có tiếng va đánh sầm, tôi biết là chiếc thuyền con của tôi đã đâm vào con tàu và tan ra từng mảnh. Thế là tôi đành phải ở lại trên tàu, không còn con đường nào tháo lui được nữa.

CHƯƠNG 21

TÔI HẠ LÁ CỜ ĐEN CỦA GIẶC XUỐNG

Tôi vừa bám được vào cái đòn buồm đằng mũi thì cánh buồm vụt quay theo luồng gió khác, đập đùng đùng như tiếng đạn nổ. Con tàu bị rung chuyển đến tận đáy. Một lát sau, cánh buồm quật lên một lần cuối cùng rồi buông rủ xuống. Cánh buồm quay ngang làm tôi xuýt rơi xuống biển. Tôi vội vàng bò men theo cái đòn ngang, rồi buông mình để rơi xuống boong tàu. Tôi ở trên sàn tàu đằng mũi, đứng đầu hướng gió. Cánh buồm to trước mặt vẫn căng thẳng che lấp, không cho tôi trông thấy một phần boong sau. Đằng mũi chẳng thấy bóng một người nào. Sàn tàu không ai cọ rửa từ khi bọn chúng nổi loạn. Trên sàn gỗ thấy đầy vết chân; một cái chai không đã gãy cổ, lăn lông lốc từ góc này đến góc nọ. Thốt nhiên tàu đi thẳng vào luồng gió mạnh. Sau lưng tôi, những cánh buồm đằng mũi chuyển động ầm ầm, tay lái kêu răng rắc, con tàu chồm lên dữ dội. Cùng lúc ấy, cánh buồm lớn trên cột cái quay về sau, ròng rọc kêu rít lên, để lộ rõ cả khoảng boong sau lái. Hai tên canh tàu đều ở đấy cả. Tên giặc đội mũ đỏ nằm ngửa, cứng đờ như khúc gỗ, hai tay dang thẳng thành hình thập ác, mồm há hốc, trông thấy cả răng. Còn lão Han thì ngồi tựa vào bao lơn, đầu rũ xuống ngực, tay chống xuống sàn tàu, mặt mũi bơ phờ tái nhợt. Mỗi lượt tàu nghiêng ngả, tên giặc mũ đỏ bị xô từ góc này đến góc kia; nhưng có một điều khủng khiếp, là dù cho tàu có xô mạnh đến đâu, hắn vẫn nằm sải tay như cũ, hai hàm răng vẫn nhe ra. Tôi thấy trên sàn tàu chung quanh bọn chúng những vệt máu thẫm. Tôi biết ngay chúng đã thịt lẫn nhau giữa cơn say điên loạn. Tôi đương mở to mắt ngạc nhiên nhìn cảnh tượng ấy thì trời bỗng im gió, con tàu lại đứng yên một chỗ. Lão Han vừa rên vừa cố quay người lại nhưng không gượng nổi, lão lại gục xuống. Những tiếng rền rĩ của hắn, cái mồm há hốc, quai hàm trễ xuống, tỏ ra hắn đau đớn đến cùng độ và đã kiệt sức. Trong một phút, tôi bỗng động lòng thương. Nhưng nhớ ngay lại những lời lão thốt ra mà tôi đã nghe được khi nấp trong thùng lê, tôi chẳng còn thương xót một tí nào nữa. Tôi bước xuống đằng lái, đến ngay trước mặt lão, gọi giọng chế giễu:

- Ông Han! Dậy đi! Hắn lờ đờ nhìn tôi, nhưng vì mệt quá nên cũng không thổ lộ được vẻ ngạc nhiên. Hắn chỉ rền rĩ được một tiếng: "Rượu!". Tôi nhìn hắn và biết hắn không còn sức lực để cử động nữa. Tôi không muốn để mất thì giờ trong lúc này, nên rảo bước ra sau cái cột cái, tránh cánh buồm đương phơ phất trên mặt boong tàu. Tôi lần xuống cầu thang và bước vào buồng tàu. Cả một cảnh tượng hết sức hỗn độn bày ra trước mắt. Những tủ khóa đều bị chúng nạy tung để tìm tấm bản đồ giấu của. Sàn tàu giây đầy vết bùn. Chắc hẳn bọn giặc đã đi sục trong các vũng lầy chung quanh khu trại trên bờ

của chúng, rồi xuống tụ tập ở đây để uống rượu và bàn bạc. Tôi đi vào trong buồng chứa rượu, thấy đã mất nhiều thùng. Chúng đã phá ra gần hết. Chai không bỏ ngổn ngang chất đống. Chắc hẳn từ lúc nổi loạn đến giờ, không một đứa nào trong bọn chúng thoát được con bệnh ma men. Lục mãi, tôi mới tìm được cho lão Han một chai rượu đã uống dở; còn về phần tôi, tôi tìm được bánh quy, ít mứt, một chùm nho lớn và một mẩu phó mát. Tôi lại trèo lên boong, mang theo các thức ấy lên và đặt vào đằng sau lái, cách xa chỗ lão Han ngồi. Xong tôi đến thùng nước ngọt, vục đầu vào uống từng ngụm ngon lành. Khi uống đủ rồi, tôi mới đi lại đưa rượu cho lão Han. Lão nốc một hơi dài, đặt chai xuống rồi nói:

- Ối chà! Phải có rượu mới được! Tôi ngồi vào một chỗ, bắt đầu ăn. Tôi hỏi lão:

- Bị thương có nặng lắm không? Lão làu bàu trong cổ họng:

- Nếu có cái anh bác sĩ ấy... Ở đây thì tôi đã khỏi hẳn rồi. Nhưng... thật không may! Còn tên kia... Lão vừa nói vừa chỉ tên mũ đỏ:

- Nó đã chết hẳn... à, còn cậu... cậu ở đâu mà đến được đây? Tôi đáp:

- Tôi đến đây để chiếm lấy chiếc tàu này. Ông Han, ông phải coi tôi như thuyền trưởng cho đến khi có lệnh mới.

Hắn nhìn tôi có vẻ cay độc nhưng vẫn im như hến. Mặt hắn đã có sắc hồng tuy hắn còn yếu sức lắm. Mỗi lúc tàu nghiêng, hắn lại ngã giúi giụi. Tôi lại bảo:

- Này ông Han, tôi không muốn thấy lá cờ kia ở trên tàu. Tôi xin phép hạ nó xuống. Thà không có gì hết vẫn còn hơn!

Tôi tránh cái cột ngang lủng lẳng ở cột buồm cái, rồi chạy ra chỗ treo cờ, hạ phăng cờ xuống, quẳng luôn xuống biển. Tôi kêu to lên, tay phất mũ:

- Thôi thế là hết đời thằng thuyền trưởng Xin-ve!

Lão Han vẫn quắc mắt, chăm chú nhìn tôi, nét mặt lầm lì.

Lúc sau, lão lên tiếng:

- Ông thuyền trưởng Dim! Tôi chắc bây giờ ông cũng muốn vào bờ. Vậy ta thử nói chuyện với nhau xem!

- Được lắm! Nào ông cứ thử nói đi! Nói xong, tôi lại tiếp tục ăn rất ngon miệng. Lão chỉ cái xác tên giặc rồi nói:

- Tên kia... hắn kéo buồm với tôi... định cho tàu quay về chỗ cũ. Thế mà bây giờ... hắn đã chết thẳng cẳng! Vậy bây giờ... ai lái tàu về bến được? Còn... Ông, tôi đã rõ. Nếu tôi không chỉ vẽ, thì ông không thể làm được! Vậy ông hãy nghe lời tôi... Ông cho tôi ăn uống và cho tôi một mảnh vải cũ, hay chiếc khăn mùi soa, để tôi băng bó vết thương. Tôi sẽ bảo cho ông cách lái... Tôi nghĩ, nói với nhau như vậy... là thực tình.

Tôi nói:

- Tôi muốn nói rõ với ông điều này... Tôi không muốn quay về chỗ tàu đỗ

trước đây. Tôi muốn cho tàu vào đỗ ở bến tàu phía bắc, ông nghe rõ chưa?
Lão kêu to:
- Cái ấy đã hẳn... Tôi không đến nỗi ngốc đâu! Tôi đánh lừa một tí tẹo... nhưng ông đã khôn hơn tôi! Bây giờ... có phải ông muốn tàu vào bến bắc không? Được, tôi xin nghe theo ông... Tôi sẽ giúp ông đưa tàu đến đấy... để rồi tôi bị treo cổ... Nhưng ông cứ tin ở lời tôi hứa. Tôi lại điều đình với lão lần nữa. Ba phút sau, con tàu theo gió đã lướt men theo đảo. Chúng tôi có hy vọng vượt qua doi đất ở phía bắc trước lúc đứng trưa và sẽ tới bến phía bắc khi nước còn ròng. Như vậy, có thể yên tâm cập bến, không sợ nguy hiểm. Tôi buộc tay lái lại rồi xuống phòng tàu mở lấy chiếc khăn lụa của mẹ tôi cho. Tôi giúp lão Han buộc lại vết dao trên đùi đương há hốc miệng. Khi đã ăn ít bánh và tợp vài hớp rượu lão đã khác hẳn, lão trở lại tỉnh táo, ngồi thẳng lên và ăn nói đã dõng dạc hơn. Gió thổi hiu hiu. Chúng tôi thuận buồm xuôi gió. Con tàu lướt phăng phăng trên sóng. Chẳng mấy chốc, tàu đã đi qua chỗ bờ biển cao, đến chỗ doi đất có thông mọc um tùm. Rồi thoáng một cái, tàu lại lướt qua góc đồi lởm chởm đá ở khu đảo phía bắc. Tôi được chỉ huy chiếc tàu, lại được ngắm cảnh trời quang mây tạnh. Bao nhiêu điều ấy làm tôi đến sướng mê. Bây giờ tôi lại có đủ thức ăn thức uống, không phải lo đói khát. Lúc bỏ lô-cốt ra đi tôi vẫn rất ân hận, bây giờ đã đoạt lại được chiếc tàu, tôi t. ă thấy thật yên tâm. Có lẽ tôi sẽ được mãn nguyện say sưa đến tột cùng, nếu không có cặp mắt của lão Han cứ nhìn vào tôi chòng chọc. Lão nhìn tôi một cách chế giễu, thỉnh thoảng lão trề môi ra cười. Cái cười của lão cũng quái gở. Nó lộ vẻ vừa nhọc mệt, đau đớn, nhưng cũng vừa giảo quyệt, gian hùng. Cặp mắt lão cứ hau háu rình tôi trong tng cử động.

CHƯƠNG 22

LÃO HAN

Thuận gió nên tàu chúng tôi đi nhanh về phía bắc. Chúng tôi có thể cho tàu thẳng đến bến tàu phía bắc, nhưng vì không nghĩ được cách làm thế nào bỏ neo và cho tàu đỗ trước lúc nước ròng, nên chúng tôi phải dừng lại đợi. Lão Han bày cho tôi cách làm cho tàu đứng lại. Tôi làm mãi mới được. Xong, tôi với lão ngồi đối mặt nhau ăn bánh, không ai nói với ai một lời. Sau cùng lão nói, trên môi vẫn giữ cái lối cười đáng ngờ ấy:

- Thưa thuyền trưởng, tôi muốn ông vứt giùm cái xác của tên kia xuống biển. Để thế, trông nó không tiện! Tôi bảo:

- Sức tôi không làm được việc ấy. Cứ để hắn nằm đấy cũng được, chẳng can hệ gì. Lão Han vừa nháy mắt vừa nói:

- Chiếc tàu này là một tai họa. Cậu Dim này! Từ lúc tôi với cậu bước xuống chiếc tàu này ở bến Brít-tôn, kể ra đã có bao người toi mạng! Tôi chưa bao giờ thấy cảnh bi đát như thế. Còn cái tên kia, nó chết thẳng cẳng rồi! Tôi thì không được học hành thông thái như cậu. Vậy cậu cho biết một người đã chết là chết hẳn, hay nó còn sống lại ở một nơi khác?

Tôi đáp bâng quơ:

- Biết đâu đấy! Biết đâu cái hồn của tên kia nó chẳng đương nhìn ông đấy! Lão nói:

- Chao ôi! Nếu vậy thì giết người chỉ thêm nhọc xác, vì hồn nó vẫn sống mà! Nhưng tôi cho cái hồn cũng không đáng sợ... Tuy vậy, cậu nói rất phải. Bây giờ tôi nhờ cậu giúp cho một việc. Tôi nhờ cậu xuống dưới phòng, lấy cho tôi một thứ... một thứ... Chà! Rõ bực mình! Định nhờ một việc lại nhớ ra một việc khác. Cậu làm ơn lấy cho tôi ít rượu vang, chứ cái thứ rượu mạnh này đã làm tôi váng óc lên rồi! Lão nói ấp úng, không được tự nhiên lắm. Lão bảo lão thích rượu vang hơn rượu mạnh, lại càng không thể tin được. Chẳng qua lão chỉ kiếm cớ thôi! Rõ ràng lão muốn cho tôi đi nơi khác, đừng ở trên boong tàu. Nhưng để làm gì? Tôi cố đoán nhưng vẫn chưa hiểu được... Cặp mắt lão cứ tránh mắt tôi. Lúc nào lão cũng nhìn quanh nhìn quẩn, hết chỗ nọ đến chỗ kia. Khi thì lão nhìn lên trời, lúc lão lại nhìn xuống xác tên đồng bọn. Lúc nào lão cũng cố gượng cười như muốn che giấu một điều gì bối rối trong lòng. Dù cho là một đứa trẻ con khờ khạo đến đâu, tôi cũng biết được lão đương tính toán ngầm, tìm mưu kế để hại tôi. Tuy vậy, tôi vẫn cứ tảng lờ như không biết. Vì tôi ở vào cái thế mạnh của tôi lúc bấy giờ. Vả lại, với một kẻ ngờ nghệch như lão, tôi có thể che giấu dễ dàng không cho lão biết là tôi ngờ vực. Với thái độ thản nhiên, tôi hỏi lão ta:

- Rượu vang à? Cũng tốt đấy. Rượu trắng hay rượu đỏ? Thích

thứ nào? Lão đáp:
- Thứ nào cũng được! Đỏ hay trắng, với tôi cũng chỉ là một. Miễn sao cứ cho thứ ngon và nhiều vào... Tôi nói:
- Thôi được, tôi sẽ mang lên cho ông một chai. Nhưng phải
lâu lâu tí đấy. Tôi còn phải tìm.
Nói xong tôi bước xuống cầu thang, nện mạnh gót giày thật ầm ĩ, rồi tôi cởi giày, cứ chân không chạy vào đường hầm, trèo lên cầu thang đằng mũi, rồi thò đầu lên chỗ lái. Tôi biết lão ta không ngờ tôi rình lão ở chỗ đó, nhưng tôi cũng hết sức thận trọng. Và rõ ràng những điều ngờ vực của tôi lúc nãy đối với lão thật quả là đúng... Tôi thấy lão gắng gượng bò bê, cố cắn răng nhịn đau. Cứ mỗi một cử động là mặt lão nhăn như bị. Nhưng lão vẫn cứ cố bò nhanh qua boong tàu. Chưa đầy một phút lão đã bò đến gần những lỗ thông nước trên sàn. Lão thò tay vào một cuộn dây, móc ra một con dao nhọn, máu dính bê bết tận chuôi. Lão ngắm con dao một lúc, nghiến răng mím lợi, gại mũi dao vào tay xem có còn sắc nhọn không, rồi vội vàng thủ vào trong áo; xong lão vội bò về ngồi chỗ cũ. Như vậy là lão Han đã có thể bò đi nơi này nơi nọ; bây giờ lão lại có khí giới trong tay. Lão phải bỏ công lừa tôi đi khỏi để lão làm việc này. Không nói thì cũng biết lão âm mưu định khử tôi. Nhưng giết tôi xong thì lão sẽ làm những gì? Lão có ý định cố bò lê từ bến phía bắc qua cả vũng lầy để về chỗ trại của bọn chúng không? Hay là lão sẽ bắn đại bác để báo tin cho đồng bọn đến cứu? Dù có đoán giỏi đến đâu cũng đành chịu. Tuy vậy, tôi có thể còn tin cậy ở lão được một điểm, vì điểm này có lợi chung cho cả hai người: ấy là phải bẻ lái cho tàu chạy. Lão và tôi đều muốn cho tàu đỗ vào một nơi kín gió và chắc chắn, để rồi khi cần, có thể đưa tàu ra cho chạy mà không phải khó khăn nguy hiểm. Từ đây cho đến lúc ấy, tính mạng tôi còn có thể an toàn được. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ. Tôi chạy về phòng, đi giày vào, sờ vào chỗ để rượu, vớ đại lấy một chai rượu vang. Xong đâu đấy tôi xách rượu lên boong. Tôi thấy lão Han vẫn ngồi gục đầu như cũ, mắt nhắm nghiền, làm như lão yếu quá, không đủ sức chịu nổi ánh sáng mặt trời. Lão mở choàng mắt ra nhìn rồi rút cuộn thuốc lá trong túi ra, nhờ tôi cắt cho lão một mẩu. Lão bảo:
- Nhờ cậu làm ơn cắt hộ cho tôi một mẩu thuốc, tôi không có dao. Mà dù cho có dao, tôi cũng không còn đủ sức mà cắt... Chà! Cậu Dim ơi! Không khéo tôi sẽ không thấy lại được mặt biển đây! Cậu cắt hộ cho tôi mẩu thuốc. Không dám phiền cậu nhiều đâu. Chỉ một lần này nữa thôi. Rồi tôi sẽ về với ông bà ông vải tôi. Tôi đã thấy mình sắp gần đất xa trời rồi, không sai đâu!
Tôi bảo lão:
- Được! Để đấy tôi cắt cho. Nhưng nếu tôi mà như ông, nếu
đã thấy mình khó sống, thì tôi sẽ ăn năn sám hối. Lão hỏi:
- Tại sao thế? Cậu hãy bảo tôi xem tại sao đã nào! Tôi nói to:
- Tại sao à? Thì ông đã tự lừa dối lương tâm ông, ông đã gây

ra bao tội ác, ông đã bội phản, ông đã giết người. Ông còn hỏi tại sao nữa à? Ông hãy ăn năn sám hối đi để mà chuộc tội với Thượng đế. Tôi vừa nói với một giọng hào hứng đầy nhiệt tình, vừa nghĩ đến con dao vấy máu hắn đang giấu trong áo để định chọc tiết tôi. Còn lão, lão vẫn điềm nhiên tợp từng ngụm rượu, rồi nói với một vẻ trịnh trọng khác thường:
- Đời tôi đã trải qua nhiều năm trời lênh đênh trên mặt biển, tai đã từng nghe bao điều thiện, ác, hay, dở..., mắt đã từng trông thấy lúc trời quang mây tạnh, bão táp mưa sa... Vậy tôi xin nói thật với cậu: làm điều thiện chẳng được chút lợi lộc gì! Theo ý tôi, cứ nhanh tay giết trước chúng đi là tốt: những kẻ đã chết không làm hại ai được nữa!
Đến đây lão đổi giọng:
- Thôi! Đừng nói nhảm với nhau mãi nữa. Con nước đã lên kia. Vậy ông thuyền trưởng, ông hãy theo lệnh tôi đây. Chúng ta cứ cho tàu đi thẳng một mạch cho xong việc. Thực ra thì chỉ còn hai dặm nữa là đến bến. Nhưng quãng đường này rất khó đi. Đường vào bến vừa hẹp vừa cạn. Gió xoay đủ chiều. Phải khéo tay lái lắm mới vào được. Tôi dám nói tôi là một tay giúp việc đắc lực, và lão Han là một tay thủy thủ thạo nghề. Qua khỏi cửa sông là đất liền bọc ba bên bốn bề. Lão Han nhìn ra chung quanh, bảo:
- Nơi này xinh đẹp, lại vắng lặng, nên cho tàu vào. Tôi hỏi:
- Khi vào có thể bình yên, nhưng khi ra thì làm thế nào? Lão giảng giải:
- Cậu cứ mang dây cột vào gốc thông kia, một đầu dây khác
thì cho vào trục. Đợi nước lên, ta xô vào kéo, tàu sẽ từ từ lùi ra. Thôi! Bây giờ coi chừng đấy! Đã gần đến rồi! Đừng đi nhanh quá! Về bên phải một tí! Thế, được rồi! Về bên phải! Nhè nhẹ chứ! Bây giờ lượn về bên trái, khe khẽ chứ! Tôi đang chú ý lái tàu nên không lưu tâm đến lão Han như trước. Tôi sung sướng nhìn tàu rẽ nước tiến vào bến nên quên hẳn sự nguy hiểm đang rình ở bên mình. Có lẽ vì tôi nghe thấy tiếng động hay tôi thấy thấp thoáng bóng người; hay có lẽ vì bản năng tự vệ, tự nhiên tôi quay đầu lại: lão Han đang bò lại gần tôi, tay phải cầm lăm lăm con dao nhọn. Khi hai luồng mắt giao nhau, cả hai đều rú lên một tiếng. Tôi rú lên vì sợ hãi, còn lão rú lên vì sắp vồ được mồi. Tôi vội né sang một bên, tràn tới trước. Tôi bỏ tay lái ra, thanh gỗ bật mạnh lại, đánh vào giữa ngực lão làm lão dừng hẳn lại. Khi lão định trí lại thì tôi đã thoát ra khỏi chỗ lão dồn tôi. Và bây giờ, tôi có thể chạy khắp boong tàu để tránh lão. Tôi dừng lại ở trước cột cái, lấy khẩu súng lục trong túi ra. Tuy lão đương tiến lại gần, tôi vẫn bình tĩnh thong thả ngắm, rồi bóp cò. Cò mổ xuống nhưng không có tiếng nổ, nước biển đã làm ướt mất bùi nhùi! Tôi tự mắng tôi về sự cẩu thả ấy. Tại sao tôi không lo lắp đạn từ trước? Nếu tôi biết lo trước thì có đâu đến nỗi bây giờ phải để cho lão Han đuổi tôi như mèo đuổi chuột! Tuy đã bị thương nhưng lão còn nhanh nhẹn, tóc lão màu tro rơi lòa xòa trên mặt, mặt lão đỏ tía lên vì vội vì tức. Tôi không kịp thử khẩu súng thứ hai của tôi, nhưng biết trước là vô ích. Có một

điều là tôi không nên để cho lão đuổi mãi rồi bị dồn vào chỗ bí như lúc nãy. Đến lúc lão tóm được thì chỉ vài nhát dao là xong chuyện! Tôi chống tay vào cột cái, đứng chờ lão đến. Thấy tôi định lẩn trốn, lão dừng lại, đứng rình tôi một lúc. Còn tôi, tôi vẫn thập thò định chạy. Thật không khác gì cái trò hú tim tôi vẫn chơi khi xưa, có điều chưa bao giờ ngực tôi phập phồng đến thế! Nhưng lúc này quả là một trò chơi trẻ con mà tôi nắm chắc phần thắng, vì lão Han đã bị thương nặng. Giữa lúc tôi đang nghĩ như vậy thì con tàu đâm sầm vào bãi cát, lật về một bên, làm mặt boong nghiêng hẳn, nước ùa cả về bên cạnh bao lơn. Tôi và lão Han xô vào nhau và cùng ngã lăn chiêng xuống cạnh những lỗ tháo nước trên tàu. Xác tên giặc mũ đỏ cũng lăn tuột vào chỗ đó. Tôi ngã lăn vào lão Han, đầu đập mạnh vào chân lão. Tuy đau điếng người, nhưng tôi đã nhanh chân đứng dậy trước, vì lão còn vướng cái thây ma. Rồi phải tìm ngay ra cách khác để tháo thân. Nhanh như chớp, tôi bám vào dây buồm phía sau, leo thoăn thoắt lên không kịp thở. Khi đã ngồi đàng hoàng trên cột ngang rồi, tôi mới thở dốc. Nhờ nhanh chân nên tôi đã thoát chết. Khi lão Han vừa vung dao lên, tôi đã leo vọt lên cao rồi. Con dao cắm phập ngay sát dưới chân tôi. Lão ở dưới trông lên, mồm há hốc, mặt ngây đờ như một pho tượng gỗ. Bây giờ có thì giờ, tôi liền thay luôn đạn trong súng lục. Muốn chắc chắn hơn, tôi thay cả đạn cho khẩu kia. Thấy tôi làm như vậy, lão Han cuống cuồng lên. Lão biết sắp sửa thất thế đến nơi; lão chần chừ một chút rồi cố gắng bám vào dây buồm. Mồm lão ngậm ngang con dao, tay lão lần lên chậm chạp, coi bộ rất khó nhọc. Thỉnh thoảng, vết thương bị đau nhói làm lão bật lên một tiếng rên. Khi lão leo lên được một phần ba đường dây thì tôi đã nạp đạn xong vào hai khẩu súng. Tôi cầm mỗi tay một khẩu súng rồi bảo lão:

- Này ông Han! Nếu ông còn nhích lên một bước nữa, tôi sẽ cho ông một phát vỡ sọ! Rồi tôi nói thêm, vừa nói vừa cười gằn:

- Ông cũng biết đấy! Kẻ đã chết không làm hại được ai đâu!

Lão dừng lại, không dám leo nữa. Trông mặt lão cũng biết rằng lão đương suy nghĩ lung lắm. Nhưng lão nghĩ ngợi lâu quá, đến nỗi tôi phải bật cười. Cuối cùng, lão bỏ con dao ngậm trong mồm ra, nuốt nước bọt nhiều lần, rồi bắt đầu nói. Trong lúc nói, nét mặt lão vẫn có cái gì như lưỡng lự băn khoăn:

- Cậu Dim! Tôi nghĩ rằng tôi với cậu, hai người đều gặp sự chẳng may! Tốt hơn hết là nên làm lành với nhau. Nếu tàu không nghiêng, tôi đã tóm được cậu. Nhưng rủi cho tôi quá! Bây giờ tôi đành phải chịu thua cậu vậy! Nhưng cậu hiểu cho. Một tay lão luyện già đời như tôi mà phải thua một đứa bé miệng còn hơi sữa như cậu, kể cũng nhục nhã! Nghe lão nói, tôi thấy khoái cả người. Tôi đang dương dương tự đắc như con gà chọi thì thốt nhiên, tôi thấy lão đưa tay về sau. Một vật gì lao vút đến như mũi tên xé gió. Tôi thấy đau nhói ở vai mình. Trong lúc thất thần ấy, và không định tâm một chút nào, hai khẩu súng trong tay tôi bỗng nổ cùng một lúc và đều rơi xuống cả!

Không những chỉ có súng rơi mà tôi thấy cả lão Han cũng rú lên một tiếng, rồi buông tay, ngã lộn đầu xuống nước.

CHƯƠNG 23

ĐỒNG ĂN TÁM

Tàu đổ nghiêng, các cột buồm cũng đều ngã nghiêng trên mặt nước. Tôi vẫn đang ở chót vót trên trục buồm ngang, trông xuống thấy rõ mặt nước ở phía dưới con tàu. Lúc nãy, lão Han đứng thấp hơn nên đã ngã vào cái quãng giữa bao lơn tàu và tôi. Lão nhô lên mặt nước một lần nữa, người sủi đầy máu và bọt biển, rồi chìm nghỉm. Lúc sau, khi mặt nước đã yên tĩnh, tôi thấy lão nằm còng queo dưới bóng chiếc tàu nghiêng. Vài ba con cá lội tung tăng quanh mình lão. Đôi khi mặt nước chao động, tưởng như lão cựa quậy chực đứng lên. Thật ra lão đã chết hẳn, vừa bị đạn, vừa bị sặc nước. Trong lúc này, máu vẫn chảy ròng ròng trên lưng và trên ngực tôi. Con dao nhọn cắm vào thịt tôi rát bỏng như một miếng sắt nung đỏ. Tuy vậy nỗi đau đớn về thể xác không làm cho tôi kinh sợ bằng việc nếu phải rơi xuống mặt biển xanh lè ở cạnh cái xác lão Han ghê tởm! Ý nghĩ ấy làm tôi phải nhắm nghiền mắt lại. Nhưng sau đấy, tôi định thần lại, tim bớt đập và trở lại bình tĩnh như thường. ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải rút con dao ra. Chỉ nghĩ đến thế, tôi cũng đã rùng mình. Nhưng chính nhờ cái rùng mình ấy mà tôi được thoát nạn. Con dao thật ra chỉ dính vào tôi ở lớp da ngoài. Vì thế, tôi mới chỉ rùng mình, con dao đã bật ra khỏi người. Tuy máu có túa ra nhiều hơn, nhưng lưỡi dao chỉ còn găm mảnh áo của tôi vào cột buồm mà thôi! Tôi rứt mạnh ra và tụt xuống boong tàu... Đến nơi, tôi buộc lại vết thương. Tôi đưa mắt nhìn quanh. Bây giờ cả chiếc tàu đã về tay tôi. Tôi không muốn ở trên tàu với cái xác anh hành khách ăn vạ này nữa. Tôi nghĩ đến việc ném nốt tên mũ đỏ xuống biển. Xác hắn lăn ra tận bao lơn, nằm sóng soài ở đó. Nhờ thế mà lôi nó đi thì cũng dễ. Xác chết bây giờ đối với tôi quen rồi, cũng chẳng đáng sợ gì! Tôi kéo nó lên như kéo một bao cám, rồi lấy sức đẩy nó xuống biển. Hắn đâm sầm, rơi tõm xuống, cái mũ đỏ bật ra ngoài nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Một lát sau, mặt nước trở lại yên tĩnh, tôi thấy xác hắn và xác lão Han nằm cạnh nhau. Hắn tuy trẻ tuổi nhưng đầu đã hói. Hắn nằm đó, cái đầu hói gối lên đầu gối kẻ đã giết hắn, một đàn cá lượn nhanh thoăn thoắt quanh mình hai tên giặc biển. Lúc này, nước thủy triều đã xuống. Mặt trời sắp lặn. Bóng thông ngả dài trên mặt bến và in cả lên sàn tàu. Gió chiều đã nổi. Tuy đã có ngọn núi hai đỉnh che gió, nhưng gió vẫn còn lồng vào trong các cánh buồm và làm dây buồm kêu cót két. Nhận thấy rõ nguy cơ, tôi vội tháo các cánh buồm đầu mũi, kéo tuột xuống boong tàu. Nhưng còn cánh buồm to thì khó lòng mà tháo ra được! Khi tàu nghiêng, đầu cột buồm đã ngả ra xa và một phần nhỏ cánh buồm đã bị nhúng nước. Như thế lại càng nguy hiểm. Nhưng buồm đương căng, nên tôi không dám động đến. Sau cùng tôi dùng dao cắt các dây

néo... Đầu cột buồm ngả xuống, cánh buồm phập phồng trên mặt nước. Tôi cố kéo nhưng không chuyển. Mà sức tôi cũng chỉ đến đấy là cùng. Thôi cũng đành phó thác nó ở đấy rồi có ra sao thì ra. Lúc này, bóng đêm đã trùm cả vũng biển. Trời đã bắt đầu lạnh. Nước thủy triều xuống nhanh. Chiếc tàu mỗi lúc một nằm rạp xuống bờ biển. Tôi bò lên đằng trước tàu rồi dòm xuống. Hình như chỗ này nước cạn. Tôi tụt dần xuống. Nước chỉ ngập đến lưng, mặt cát dưới chân tôi rắn chắc và gợn sóng. Tôi vui mừng lội một mạch lên bờ. Ngay lúc ấy, mặt trời đã tắt. Gió thổi đìu hiu trong bóng tối, lướt qua những chòm cây thông nghiêng ngả trập trùng. Thế là sau khi một mình ra đi, tôi đã lại trở về, mà không phải về tay không. Chiếc tàu nằm đó, không còn một tên giặc nào ở trên, chỉ còn đợi chở chúng tôi ra biển. Bây giờ tôi chỉ mong chóng về đến lô-cốt để khoe công trạng của tôi cho mọi người biết. Có thể bị quở trách về việc b bọn giặc trốn đi, nhưng tôi đã đoạt lại được chiếc tàu trên tay giặc. Kể ra cũng có thể lấy công chuộc tội. Nghĩ vậy, tôi càng nôn nóng muốn về ngay để gặp mặt mọi người. Tôi nhớ lại rằng con sông con chảy xuống vũng biển tàu đỗ trước đây bắt nguồn từ trái núi hai ngọn, tôi vội chạy ngay về hướng ấy để lội qua sông ở nơi đầu nguồn cho được cạn. Rừng không rậm lắm, tôi đi men theo ven đồi; lúc sau tôi lội qua con sông nước ngập đến bắp chân. Thế là tôi đã đến gần chỗ gặp Ben-gun khi trước. Tôi đi cẩn thận hơn, dò từng bước. Bây giờ đêm đã tối mò. Ra khỏi chỗ đất trũng ở giữa hai ngọn núi, tôi thấy một tia sáng chiếu rọi lên trời. Tôi đoán Ben-gun đương thổi cơm tối trên một bếp củi lửa đỏ rực. Nhưng bụng tôi rất lấy làm lạ về sự bất cẩn của hắn. ánh sáng bừng lên như thế, lẽ nào bọn Xin-ve đóng ở bên kia lại không trông thấy được? Bóng đêm mỗi lúc mỗi dày đặc. Đường càng khó đi. Cảnh vật chung quanh bị nhòa trong bóng tối. Chỉ còn vài ngôi sao thưa thớt lấp lánh trên cao. Thốt nhiên, ánh sáng tràn đến quanh mình. Ngẩng lên, tôi thấy một vùng ánh sáng xanh lả lướt trên đỉnh gò Vọng Viễn, và lát sau, mặt trăng tròn vành vạnh đã nhô lên sau các thân cây. Hướng theo bóng trăng, tôi vội vã đi nốt quãng đường còn lại, khi đi, khi chạy. Gần đến nơi, tôi đi thật cẩn thận, vì biết đâu một người trong bọn tôi lại chẳng lầm cho tôi một phát súng đến đi đời! Mặt trăng lên cao dần. ánh trăng chiếu lốm đốm qua cây lá. Ngay trước mặt tôi, thấp thoáng có ánh lửa hồng trong lùm cây. Ngọn lửa có lúc đỏ rực, có lúc tối sầm lại, hình như lửa của một đống tro tàn chưa tắt hẳn. Đi đến chỗ trống, tôi nhìn kỹ. Đằng góc phía tây, ánh trăng chiếu sáng rực rỡ. Cả khu lô-cốt còn chìm trong bóng tối. Một vài vệt ánh trăng chiếu ngang qua lôcốt. Phía bên kia lô-cốt, một đống than hồng hiu hắt. Chung quanh im lặng như tờ. Chỉ nghe tiếng gió thổi trong lá cây. Tôi đứng lại, vừa ngạc nhiên vừa lo sợ. Xưa nay không bao giờ chúng tôi đốt lửa to. Lệnh ông thuyền trưởng là phải hết sức tiết kiệm củi. Tôi hồ nghi là có tai biến gì đã xảy ra trong lúc tôi đi vắng. Tôi đi vòng về mé đông, và dò theo chỗ tối, tôi leo qua bờ rào. Muốn

cho chắc dạ, tôi bò nhẹ nhàng đến góc lô-cốt. Nhưng tôi yên tâm ngay. Tôi khoan khoái lắng nghe tiếng ngáy đều đều của những người đồng đội đương ngủ yên lành. Giá vào lúc khác mà nghe thế, tôi đã phàn nàn về sự canh phòng không cẩn mật, nhưng lúc này tôi nghe tiếng ngáy đều đều ấy như nghe một điệu đàn du dương. Nhưng dù sao, canh gác như vậy thì cũng quá cẩu thả. Nếu bọn giặc đến thì không một người sống sót! Tôi tự nhủ: "Ông thuyền trưởng vừa bị thương nằm xuống là đã ra thế rồi!" Tôi lấy làm hối là đã để các bạn lại trong cơn ngặt nghèo ít người canh gác. Tôi bò vào cửa. Trong nhà tối như mực, chẳng trông rõ vật gì. Tôi quờ quạng hai tay đằng trước, mò vào. Tôi định bụng bò vào ngủ chỗ mọi khi, để sáng mai dậy, thấy mặt tôi, mọi người phải một mẻ ngạc nhiên. Tôi vấp phải cái chân của một người đang ngủ; người ấy trở mình càu nhàu mấy tiếng trong cơn mê rồi lại ngủ. Thốt nhiên, một tiếng nói the thé vang lên trong xó tối:

- Đồng ăn tám, đồng ăn tám, đồng ăn tám, đồng ăn tám!

Tiếng ấy cứ kêu mãi, đều đều như tiếng cối xay. Thôi, đúng con vẹt của Xin-ve đây rồi! Nó canh gác còn giỏi hơn người. Thấy tôi mò vào, nó đã kêu liến thoắng lên để báo động. Tôi còn đương bối rối chưa kịp định thần lại, thì mọi người trong nhà đã thức choàng dậy, đứng phắt lên. Tiếp theo là tiếng Xin-ve quát lớn:

- Ai? Ai?

Tôi vội chạy bổ ra ngoài, chẳng may va phải một người khác. Tôi lùi lại đằng sau thì lại rơi vào tay một kẻ khác, tên này đã ôm chặt lấy tôi. Khi đã bắt được tôi rồi, Xin-ve gọi to:

- Đích! Đem đuốc lại đây. Một người chạy vụt ra ngoài, rồi đem ngay một bó đuốc sáng rực vào.

CHƯƠNG 24

TRONG TRẠI QUÂN THÙ

Ánh đuốc sáng rực chiếu rõ căn nhà, làm tôi thoáng nhìn qua đã hoảng vía. Bọn giặc đã đánh chiếm được khu lô-cốt và cả lương thực. Thùng rượu, bánh, mỡ, thịt muối đều còn nguyên chỗ cũ. Điều làm tôi lo sợ nhất là không thấy tăm hơi một người nào bị bắt. Lúc bấy giờ tôi yên trí là tất cả bọn tôi đã bị giết rồi. Tôi hối hận vô cùng. Lương tâm tôi cắn rứt vì đã bỏ đồn, không ở lại để cùng anh em đồng sinh đồng tử. Trong lô-cốt, có tất cả sáu tên giặc; chắc chúng chỉ còn sống vẻn vẹn có thế. Năm đứa đứng sừng sững giữa nhà, có lẽ chúng đương say vùi, nhưng đột nhiên bị đánh thức nên trông mặt thằng nào cũng đỏ ngầu, xì xị. Còn một thằng thì nằm chống cùi. Thằng này mặt mũi nhợt nhạt như người chết, cái băng buộc trên đầu hắn còn mới tinh. Tôi chắc tên này là tên giặc bị thương chạy tuột vào rừng giữa hôm đánh nhau. Con vẹt đang đứng rỉa lông trên vai gã Xin-ve. Gã trông nhợt nhạt và nghiêm nghị hơn mọi lần. Gã vẫn mặc bộ quần áo dạ như hôm đến đồn thương lượng. Bộ quần áo bây giờ đã bẩn và bị gai móc rách nhiều chỗ. Gã nói:

- Kìa cậu Dim! Thật là trời run rủi! Tình cờ cậu đến thăm chúng tôi! Thật quý hóa! Nói thế rồi gã ngồi trên thùng rượu, cho thuốc lá vào tẩu xong, gã nói:

- Đích! Đưa mượn bó đuốc! Khi đã châm thuốc xong, gã lại
nói:

- Thôi được rồi! Cắm bó đuốc vào đống củi kia, rồi đi ngủ đi! ông Dim đây là chỗ thân tình. Ông cũng chẳng bắt lỗi bắt phạt gì các anh đâu mà sợ. Rồi gã quay lại bảo tôi, vừa nói vừa lấy tay ấn thuốc trong tẩu:

- Còn cậu Dim! Cậu đến đây làm tôi vừa lo vừa mừng. Từ lúc gặp cậu lần đầu, tôi vẫn biết cậu là người láu lỉnh. Nhưng đến việc này thì tôi không ngờ được... Tôi đứng im không đáp một câu nào. Chúng nó để tôi đứng tựa vào vách. Tôi nhìn thẳng vào gã Xin-ve, bề ngoài rất bạo dạn, nhưng trong ruột rối như tơ vò. Xin-ve ngồi yên lặng, thở ra vài làn khói thuốc, rồi nói tiếp:

- Cậu Dim, cậu đã đến đây, tôi xin nói thật cho cậu nghe. Tôi vẫn thú cậu ở chỗ cậu là một người dũng cảm giống in như tôi thời tôi còn niên thiếu. Tôi vẫn hằng ao ước được cậu nhập bọn với chúng tôi, đồng cam cộng khổ. Vậy đây là dịp tốt. Ông thuyền trưởng của cậu tuy là một tay thạo nghề nhưng quá nghiêm khắc. Còn ông bác sĩ thì cũng đã xỉ vả cậu hết lời. Ông ta bảo cậu là một thằng tồi, một thằng tệ bạc. Nói tóm lại, họ chán cậu rồi! N đi tìmru cậu không lập riêng một phe - mà người đâu mà lập - thì chi bằng cậu cứ nhập bọn quách với thằng Xin-ve này!

Tôi tự nhủ:
“Tốt lắm! Như vậy là cả bọn tôi còn sống..." Tuy tôi có tin một phần nào ở lời Xin-ve về việc bác sĩ oán giận tôi khi tôi bỏ trốn, nhưng tôi không lo, mà lại rất vững bụng. Xin-ve lại bảo:
- Không nói thì cậu cũng biết, cậu đương ở trong tay bọn tôi. Nhưng tôi thích làm cho cậu vỡ lẽ phải trái hơn là dọa nạt. Nếu cậu thuận thì ở, mà không thích ở thì đi, cậu cứ cho biết!
Trong khi nói một cách mỉa mai như thế, gã đã lộ ngầm cái ý
dọa giết tôi. Tôi hỏi gã, giọng run run:
- Tôi có phải trả lời ngay không? Gã bảo:
- Hãy khoan, hãy nghĩ cho kỹ đã... Không ai thúc giục cậu đâu! Dần dần tôi đâm ra bạo, tôi hỏi lại:
- Dù muốn theo ai đi nữa, thì các ông cũng phải cho tôi biết
sự thực: Tại sao các ông lại ở đây, và bọn tôi bây giờ ở đâu?
Một tên giặc buột mồm định nói xen vào, nhưng Xin-ve đã
quát im. Rồi gã dịu giọng nói:
- Sáng hôm qua, bác sĩ Ly cầm một lá cờ trắng đến chỗ chúng
tôi và nói:
“Thuyền trưởng Xin-ve, ông đã bị họ phản. Tàu đã mất rồi!". Chắc bọn chúng tôi mải mê rượu chè nên mới sơ ý. Đến khi nhìn lại thì ôi thôi, chiếc tàu đã biến đi đâu mất! Thật là xấu hổ và nhục nhã. Bác sĩ bảo:
“Thôi, chúng ta thương lượng với nhau đi!" Thế là chúng tôi thương lượng. Các ông ấy chịu nhường lại cho chúng tôi tất cả, cả đồn, cả củi, cả thức ăn. Còn các ông ấy, các ông ấy kéo đi đâu thì có trời biết!
Gã ngồi bình tĩnh hút thuốc lá rồi lại tiếp:
- Để cho cậu yên tâm, tôi cho cậu biết là cậu không dính
dáng gì vào việc này cả. Khi tôi hỏi: “Bên ông còn lại mấy người?" Bác sĩ đáp: “Còn bốn, một bị thương. Còn thằng bé con thì tôi không biết
nó ở đâu. Thôi ở đâu thì ở, mặc xác nó!" Đấy, bác sĩ đã nói với tôi
như vậy đấy!
- Thế là hết?
- Phải, thế là hết!
- Bây giờ tôi phải chọn... chứ gì?
- Cậu cứ chọn, không sợ gì nữa! Tôi bỗng đứng thẳng người lên, nói một mạch:
- Tôi không phải là thằng ngốc mà không hiểu được bọn ông
định làm gì tôi! Nhưng gì thì gì, tôi cóc cần! Tôi phải nói với các ông một vài điều. Trước hết là bọn các ông đương lâm vào thế nguy: tàu mất, của mất, người mất. Các ông hoàn toàn thất bại. Vậy ông có muốn biết ai gây ra những việc ấy không? Tôi, chính tôi. Chính tôi đã ngồi nấp trong thùng lê, đã nghe các ông bàn bạc và đã báo ngay cho bọn tôi. Chính tôi đã cắt dây

buộc tàu. Chính tôi đã giết chết hai thằng giữ tàu, và cũng chính tôi đã lái tàu giấu vào một nơi kín mà bọn ông không một ai có thể biết được! Chính tôi là người ở tay trên các ông, từ đầu đến cuối. Tôi coi các ông bất quá như ruồi muỗi mà thôi. Bây giờ, giết hay để là tùy ông! Nhưng có một điều tôi muốn cho ông biết, là nếu ông không giết tôi thì tôi sẽ quên tất cả việc đã qua. Khi ấy ra tòa, tôi sẽ hết sức cứu ông. Giết đi một cách vô ích hay để lại để sau này làm chứng cho khỏi bị treo cổ, cái ấy là tùy ở ông! Tôi dừng lại, vì tôi nói đã muốn hụt hơi. Tôi lấy làm lạ về việc trong bọn chúng không có một đứa nào nhúc nhích. Chúng đứng nhìn tôi như một đàn cừu. Khi ấy, tôi lại nói:

- Ông Xin-ve! Tôi coi ông là người khá nhất ở đây. Nếu tôi có việc gì, tôi nhờ ông nói hộ lại với bác sĩ Ly những việc tôi đã làm... Xin-ve đáp lại, giọng gã rất lạ, không hiểu ý gã muốn mỉa mai tôi hay gã cảm phục trước thái độ can đảm của tôi:

- Tôi sẽ nhớ lời cậu dặn.

Ngay khi ấy, tên thủy thủ già tên là Mo-gan mà tôi đã gặp một lần trước đây ở trong hàng cơm của Xin-ve tại bến Brít- tôn vội kêu to:

- Chính hắn! Chính hắn đã nhận ra thằng Hắc Cẩu... Một giọng khác kêu to:

- Lại cũng chính hắn đánh cắp cái bản đồ của thằng Bin! Quanh đi quẩn lại, chúng ta đều bị thằng nhãi con này đánh lừa!

- Đây... để tôi cho hắn nếm cái của này! Mo-gan vừa nói vừa càu nhàu chửi. Hắn nhảy xổ lại, rút soạt
dao ra, nhanh nhẹn như một thanh niên hai mươi tuổi. Xin-ve
quát to:

- Hãy khoan đã! Anh làm gì ở đây, Mo-gan? Bộ anh tưởng anh là thủ lĩnh ở đây hả! Anh cứ thử trái lệnh tôi, anh sẽ biết tay tôi. Ba mươi năm trời nay, kẻ nào đã trêu vào tay này thảy đều nát thây và đều làm mồi cho cá biển. Không thằng nào bướng với tôi mà toàn mạng được đâu! Mo-gan, anh có thể tin lời tôi nói...

Mo-gan chùn lại, nhưng những tên khác vẫn xì xào. Một tên
nói:

- Mo-gan làm đúng đấy! Một tên khác nói thêm vào:

- Tôi đã để người ta bắt nạt nhiều rồi! Thà tôi chịu chết treo
cổ còn hơn để cho họ bắt nạt tôi lần nữa.

Xin-ve ngồi ngả người trên thùng rượu, tay cầm tẩu thuốc lá.

Hắn gầm rít lên:

- Nào, còn ai muốn nói cái gì nữa nào? Nói gì, cứ nói cho hết đi! Các anh câm hả? Kẻ nào muốn gây chuyện với tôi, sẽ được biết ngay... Tôi đã sống từng này tuổi đầu rồi mà còn để cho một thằng say quèn làm nhục tôi à? Nào, tôi đợi đấy! Kẻ nào dám vác dao đến thì tôi tuy què quặt, nhưng cũng quyết moi gan hắn ra xem thử to hay nhỏ! Không một tên nào dám hó hé.

Xin-ve lại ngậm tẩu thuốc vào mồm rồi nói:
- Các anh chỉ là đồ tồi! Khi nói đến chuyện đánh nhau, các anh chỉ biết rụt cổ lại! Các anh đã bầu tôi làm thuyền trưởng, vì xét ra tôi hơn hẳn các anh, các anh phải tuân lệnh tôi chứ! Tôi bảo cho các anh biết, tôi rất mến thằng bé này. Thật là một đứa bé có một không hai. Nó còn hơn cả bất kỳ một kẻ hèn nhát nào trong bọn các anh: Kẻ nào động đến nó, coi chừng! Mọi người đều im thin thít. Tôi vẫn đứng tựa vào tường, lòng hồi hộp nhưng cũng lóe lên một tia hy vọng. Xin-ve tựa lưng vào tường, hai tay khoanh trước ngực, miệng ngậm tẩu thuốc, thái độ bình tĩnh một cách lạ lùng. Mắt hắn vẫn không rời bọn thủ hạ bướng bỉnh của hắn. Bọn kia lùi dần về đằng góc lô-cốt, tiếng bàn bạc rì rầm. Thỉnh thoảng có thằng ngóc đầu lên nhìn Xin-ve. ánh đuốc soi hồng nét mặt gân guốc của chúng. Xin-ve nhổ toẹt một bãi nước bọt ra xa rồi nói:
- Có điều gì nói thì cứ nói đi! Không nói thì ngồi im! Một tên đáp lại:
- Xin lỗi ông, tôi xin nói. Ông đã phá luật. Bọn tôi đương bất
bình đây. Bọn chúng tôi không muốn để ai bắt nạt. Chúng tôi có quyền của chúng tôi. Theo luật, chúng tôi có quyền bàn bạc với nhau. Xin lỗi ông, tôi vẫn nhận ông là thuyền trưởng của chúng tôi trong lúc này. Chúng tôi xin phép ra ngoài kia để họp một tí... Nói xong, hắn lễ phép giơ tay lên chào rồi bước ra. Những đứa khác đều làm theo hắn. Cuối cùng, bọn chúng ra hết, bỏ lại Xin-ve với ngọn đuốc bập bùng. Xin-ve bỏ tẩu thuốc lá xuống, hạ giọng, nói chỉ vừa đủ tôi nghe:
- Này cậu Dim! Cậu thấy không? Suýt nữa chúng thịt cậu đấy! Nhưng tệ hơn nữa là chúng sẽ tra tấn hành hạ cậu... Giờ đây chúng lại sắp hất cẳng tôi đấy! Nhưng cậu nhớ cho, tôi sẽ không bỏ cậu. Thú thật khi cậu chưa nói, tôi chưa định cứu cậu đâu! Nhưng nghe cậu nói rồi, tôi tự nghĩ: “Cậu Dim là người tin được! Bây giờ hãy cứu lấy Dim, sau này Dim sẽ cứu lại ta. Dim là chỗ dựa cuối cùng của ta mà ta cũng là chỗ dựa của Dim. Hãy cứu lấy người làm chứng cho ta, sau này nó sẽ cứu ta thoát chết".
Bắt đầu hiểu ra câu chuyện, tôi hỏi:
- Thế ông nghĩ thế nào?
- Tôi nghĩ, tôi đã thất bại hẳn rồi, tôi đã nản lắm rồi! Còn cái
bọn kia cũng không có gì đáng ngại... Tôi sẽ hết sức cứu cậu ra khỏi nanh vuốt của bọn chúng. Nhưng tôi cứu cậu, cậu phải cứu lại tôi. Cậu đừng để cho thằng Xin-ve này phải bị treo cổ.
Nghe hắn nói, tôi rất bối rối. Làm thế nào mà cứu được một
tên giặc già đầy tội ác như vậy khỏi chết được! Tôi đáp:
- Giúp được gì cho ông, tôi sẽ giúp...
- Đó là lời hứa danh dự của một người đứng đắn. Nói xong, hắn tập tễnh đi châm thuốc hút, rồi trở lại nói:
- Tôi nói thật với cậu. Bây giờ tôi đứng về phe ông Chi.

Những việc cậu làm, tôi không cần hỏi. Nhưng tôi tin ở cậu. Tôi tin ở sự nhận xét của tôi. Tôi biết người biết của. Chao ôi! Cậu còn trẻ lắm! Cậu và tôi, một già một trẻ, chúng ta còn làm được nhiều việc to tát!
Hắn lấy ít rượu trong thùng ra uống. Rồi hắn nói:
- À cậu Dim, tiện đây tôi muốn hỏi cậu, tại sao bác sĩ Ly lại giao cho tôi bức bản đồ chỉ chỗ giấu kho vàng? Thấy tôi ngạc nhiên, hắn nói lảng:
- Chắc có điều gì bí ẩn ở bên trong. Nhưng không biết điều lành hay điều dữ!
Nói xong hắn lại tợp một ngụm rượu. Rồi hắn lắc lư cái đầu tóc vàng bệch như đón đợi một điều gì không lành.

CHƯƠNG 25

LẠI CÁI VẾT ĐEN

Bọn giặc đứng họp ở ngoài. Thốt nhiên một đứa chạy vào mượn bó đuốc. Xin-ve đồng ý. Tên kia xách đuốc ra, để lại chúng tôi ngồi trong xó tối. Ngồi mãi tôi đi đến lỗ châu mai cạnh đấy, nhìn ra ngoài. Bọn chúng đứng họp ở góc đồi. Đống tro đã tàn. Một đứa đứng cầm bó đuốc vừa mang ra. Một đứa nữa quỳ ở giữa, tay cầm con dao lấp lánh. Những đứa khác đứng khom lưng nhìn vào tên cầm dao. Tôi chỉ có thể nhìn thấy tên này đương cầm một cuốn sách. Tôi đương tự hỏi, làm sao bọn chúng lại có cái của lạ ấy thì tên quỳ giữa đã vụt đứng lên, rồi cả bọn kéo nhau vào. Tôi nói:

- Chúng vào rồi kìa! Xin-ve bảo:

- Cho chúng vào! Cho chúng cứ nắm đằng lưỡi, tôi còn giữ cái chuôi đây!

Khi cánh cửa mở, cả bọn ùa vào; chúng đẩy một đứa lên trước. Tên này rụt rè tiến lên từng bước một, tay phải nắm chặt đưa ra đằng trước. Xin-ve quát to:

- Cứ lại đây! Không ai ăn thịt anh đâu mà sợ!

Tên giặc bạo dạn bước lại gần, giúi vội vào tay Xin-ve một vật gì rồi vội bước lui về. Xin-ve cúi xuống nhìn rồi bảo:

- Cái vết đen! Tôi đã biết mà! Các anh muốn báo hiệu trước để xử tội tôi. Các anh lấy giấy này ở đâu ra? Chết chửa! Các anh đã xé giấy ở một quyển kinh thánh để làm cái vết đen. Thật là điềm chẳng lành! Sao dại dột thế?

Mo-gan nói:

- Biết ngay mà! Tôi đã bảo mà! Xin-ve nói tiếp:

- Các anh đã làm thì các anh phải chịu lấy. Thằng ngốc nào lại đưa quyển kinh thánh ra thế này? Một tiếng đáp:

- Đích đấy! Xin-ve hỏi:

- Thật Đích không? Thế thì cầu nguyện đi! Nhưng đến đây, cái thằng mắt vàng tên là Giót đã đứng ra nói:

- Thôi đừng nói phiếm nữa! Chúng tôi đã họp và đã gửi cho ông cái vết đen. Ông cứ đọc đi rồi hãy nói chuyện. Xin-ve đáp:

- À, anh Giót. Tính anh bao giờ cũng thích nhanh nhảu. Chữ anh viết ở giấy đây phải không? Chữ tốt lắm! Chà! Bây giờ anh trở nên một tay lỗi lạc trong anh em rồi. Có lẽ anh sẽ lên làm thuyền trưởng! Này, nhờ anh đưa hộ bó đuốc. Cái tẩu thuốc lá này cứ tắt luôn!

Giót nói:

- Thôi ông đừng có đùa nữa! Không ai phục ông đâu! Xin-ve trả lời một cách

khinh bỉ:
- Anh nói như đứa con nít. Tôi bảo cho anh biết: bây giờ tôi
vẫn là chủ của anh. Cái vết đen của anh chỉ đáng giá nửa đồng xu.
Bao giờ các anh đưa lý lẽ ra rồi hẵng hay. Giót đáp:
- Lý lẽ đây: điều thứ nhất, ông đã làm cho việc tìm của này bị hỏng! Điều thứ hai, ông đã thả cho kẻ thù đi khỏi nơi này. Tại sao họ đi? Có giời mà biết! Điều thứ ba, ông ngăn cản không cho chúng tôi đuổi theo họ khi họ rút lui. Chao ôi! Chúng tôi đã rõ ông là người ăn ở hai lòng. Và sau cùng, điều thứ tư, là chuyện thằng nhãi con này...
Xin-ve hỏi một cách bình tĩnh:
- Có thế thôi, phải không? Giót đáp:
- Từng ấy cũng đủ quá rồi! Chúng tôi có bị treo cổ cũng chỉ vì
cái lối đòn xóc hai đầu của ông!
- Được! Bây giờ các anh hãy nghe tôi trả lời. Các anh bảo tôi làm hỏng việc. Tất cả các anh ở đây đều biết dự định của tôi. Nếu làm theo lời tôi nói thì bây giờ có phải mọi người đều không ai thiệt mạng mà giàu sang phú quý rồi không? Nhưng ai gây ra tai hại này? Ai bắt tôi phải bỏ dự định ấy? Ai nóng ăn làm hỏng việc? Ai? Ai tước quyền thuyền trưởng của tôi trao cho tôi cái vết đen giữa hôm lên bộ? Ai bắt tôi làm cái trò múa rối ấy? Chính An-đesơn, lão Han và Giót chứ còn ai? Bây giờ trong ba đứa, chỉ còn hắn sống sót mà hắn còn lếu láo, dám khua môi múa mép ư?
Xin-ve ngừng lại. Nhìn sắc mặt tên Giót và cả bọn chúng, tôi
biết lời nói của Xin-ve đã có hiệu quả. Mo-gan kêu lớn:
- Thế còn những điều khác, nói nốt đi! Xin-ve lau mồ hôi trán rồi nói tiếp:
- Còn cái điều về cậu bé này, tôi nói cho anh nghe... Cậu bé
chả là con tin đó sao? Các anh có biết việc của chúng ta hỏng đến mức nào không? Chỉ vì ba tên khốn nạn ấy mà chẳng mấy chốc chúng ta đều bị treo cổ lên cả! Nghĩ đến chuyện ấy, có lúc tôi cứ đờ đẫn cả người. Trong lúc thập tử nhất sinh như vậy, thì bắt được cậu bé này. Thực là phúc lớn. Cậu ấy là vật bảo mạng cho chúng ta. Thế mà các anh đòi giết nó đi. Không! Tôi không làm được việc ấy! À còn điều thứ ba. Này tôi hỏi thật! Anh Dôn, đầu anh chưa vỡ toạc đấy à? Cả anh Giót nữa! Cách đây sáu giờ, chả phải anh lên cơn sốt run bần bật, mặt bây giờ vẫn còn vàng nghệ đấy không? Có lẽ các anh không cần một ông thầy thuốc chính cống hằng ngày đến thăm bệnh và cho thuốc các anh phỏng? Còn cái điểm thứ hai vì sao tôi thỏa thuận điều đình với họ. Thế việc này chả phải chính các anh đến quỳ gối trước mặt tôi, van xin tôi làm việc ấy cho các anh, vì tinh thần các anh đã quá tan rã rồi không? Mà lúc ấy nếu tôi không làm, các anh đã chết đói tất! Nhưng những việc nhỏ mọn ấy cũng chẳng đáng kể đâu. Cái lý do chính là cái này đây! Hắn nói thế, rồi ném luôn xuống đất một mảnh giấy. Tôi nhận ra ngay đó là bức bản đồ màu giấy cũ đã ố vàng, trên có vạch ba chữ thập đỏ mà tôi đã lấy

ở dưới đáy hòm của tên Bin khi xưa. Tại sao bác sĩ Ly lại giao cho hắn bức địa đồ ấy? Đó là điều tôi không hiểu thấu... Bức bản đồ vừa đưa ra đã làm bọn giặc ngạc nhiên đến hoa mắt! Chúng nhảy xổ vào tấm bản đồ như một lũ mèo vồ một con chuột nhắt. Rồi cái bản đồ được chuyền từ tay nọ sang tay kia, hết thằng này giật đến thằng khác giật; được xem tận mắt rồi, chúng hò hét, chửi thề, rồi cười hí hửng với nhau như trẻ con, tưởng như bọn chúng đã sờ thấy được vàng trong tay rồi, và đã chắc chắn mang vàng lên tàu, ung dung đi ra khơi vậy... Một đứa nói:
- Đúng rồi! Chính bản đồ của Phơ-linh, chính chữ ký của
Phơ-linh đây! Giót nói:
- Tốt lắm! Vàng có đấy, nhưng tàu không có nữa thì lấy cái đếch gì mà mang đi? Xin-ve quay lại nhảy xổ lên, quát to:
- Câm cái mồm đi, không có tôi vặn cổ bây giờ! Làm thế nào
mang đi à? Cái đó, phải hỏi ở anh và cả bọn anh đã đánh mất chiếc tàu ấy! Nhưng anh cũng chỉ là một thằng vô dụng thôi. Trí óc anh cũng chả hơn gì trí óc một con gián. Anh đã để mất tàu, anh còn nỏ mồm hỏi một cách hỗn xược như thế hả? Thật quá lắm!
Mo-gan tỏ đồng tình:
- Xin-ve nói đúng đấy! Xin-ve bảo:
- Đúng đứt đi chứ lị! Bọn anh thì để mất tàu, còn tôi thì tìm
ra kho của. Như thế thì hỏi ai hơn ai? Thôi bây giờ tôi từ chức mẹ nó đi cho xong. Mặc các anh muốn bầu ai làm thuyền trưởng thì bầu! 155 156.
Tất cả đồng thanh kêu lớn:
- Xin-ve! Xin-ve vẫn làm thuyền trưởng! Xin-ve hỏi to:
- Thật thế chứ? Giót, thôi anh đợi lần khác vậy. Cũng may
cho anh là tính tôi không hay thù vặt. Các bạn! Còn cái vết đen này, bây giờ nó còn giá trị gì nữa không? Vô ích chứ! Chỉ có Đích đã làm hỏng quyển thánh kinh, nên nó sẽ tự mang lấy họa.
Đích lo lắng hỏi:
- Bây giờ phải làm thế nào? Nói xong hắn cứ bo xo bắn xắn trong người. Xin-ve ném cho tôi mảnh giấy cầm ở tay và bảo:
- Cậu Dim! Tôi cho cậu xem cái của lạ này! Đó là một mẩu giấy có một mặt trắng vì nó ăn vào trang
cuối; còn mặt kia có vài câu sách kinh thánh. Trên mặt chữ in bị than xóa lem nhem. Bên mặt giấy trắng có mấy chữ "Trao tận tay", cũng viết bằng than. Thế là câu chuyện đêm hôm ấy chấm dứt. Mọi người uống rượu rồi đi nằm. Tôi cứ nằm thao thức mãi không chợp mắt được. Còn Xin-ve thì vẫn bình tĩnh đánh một giấc ngon lành.

CHƯƠNG 26

GIỮ ĐÚNG LỜI HỨA

Tôi thức dậy lúc mọi người cũng vừa tỉnh giấc. Ngay tên canh gác đang mệt mỏi tựa lưng vào tường cũng vụt đứng thẳng lên vì có một tiếng gọi sang sảng từ trong rừng ra:

- Ê! Các người ở trong lô-cốt! Bác sĩ đã đến đây!

Mà quả đúng là tiếng bác sĩ. Nhận ra tiếng ông, tôi nửa mừng nửa lo. Nhớ đến hành động vô kỷ luật của mình đã tự dấn thân vào vòng nguy hiểm để đến nỗi giờ đây phải sa vào tay bọn giặc, tôi thấy hổ thẹn, không dám nhìn ra hướng bác sĩ. Có lẽ bác sĩ phải dậy từ khuya, vì lúc ông đến đây, trời mới hưng hửng sáng, sương mù trên đất còn che kín cả hai chân. Xin-ve cũng vừa tỉnh dậy. Gã tươi tỉnh nói to, dáng điệu từ tốn hiền hòa:

- Bác sĩ đấy à? Xin kính chào ngài! Ngài đến sớm quá. Nào,

Giót, dậy chạy ra đỡ bác sĩ qua rào một tí!

Xin-ve đứng trên đỉnh đồi, một tay chống nạng, một tay dựa
vào tường, điệu bộ hệt như khi hắn còn làm bếp tàu. Hắn lại nói:

- Chúng tôi có một việc này, chắc làm cho ngài phải ngạc nhiên. Chúng tôi mới có một người khách đến trọ, một cậu bé... hì, hì... cả đêm cậu ta ngủ khì bên cạnh tôi.

Lúc ấy bác sĩ đã vào trong và đang đứng gần Xin-ve. Tôi
nghe tiếng bác sĩ hỏi, giọng khác hẳn:

- Dim phải không?

- Chính cậu Dim! Bác sĩ dừng ngay lại, không nói một lời. Lát sau ông mới bảo:

- Được, được! Nhiệm vụ trước đã, rồi hãy trò chuyện sau.

Thôi, ta đi thăm người ốm đã.

Ông bước vào nhà và bắt đầu đi khám bệnh. Tuy ông biết đứng giữa bọn quỷ sống này, tính mạng của ông như nghìn cân treo đầu sợi tóc, nhưng hình như ông không hề sợ chút nào! ông nói chuyện với những tên giặc ốm chẳng khác gì đi thăm con bệnh ở nhà. Tôi cho là thái độ của ông đã làm bọn chúng phải phục. Vì tôi thấy bọn chúng đối với ông như không có chuyện gì đã xảy ra, hình như ông vẫn là vị thầy thuốc của chúng khi còn ở trên tàu. Ông bảo tên giặc trên đầu có buộc băng:

- Anh đã khá rồi! Từ xưa đến nay, với những người bị vết thương như anh, tôi thấy có lẽ chỉ có anh là thoát chết. Cái đầu anh có lẽ rắn hơn sắt. Thế nào Giót, khá chưa? Nước da anh còn xấu lắm! Anh đã uống thuốc chưa? Hắn đã uống chưa, các anh?

Mo-gan đáp:

- Thưa ông, hắn uống rồi ạ! Bác sĩ lại nói, giọng vừa hài hước vừa thân mật:
- Các anh xem, từ khi tôi chữa bệnh cho các anh, tôi vẫn cố gắng, không để cho Tổ quốc mất một người dân nào, hay nói đúng hơn, tôi không để cho cái giá treo cổ kia làm mất đi một tội nhân nào!

Bọn giặc liếc mắt nhìn nhau, không dám hé răng nói lại một lời. Một đứa trong bọn nói:

- Đích nó cũng đang thấy trong mình khó ở... Bác sĩ đáp:
- Thế à? Đích, lại gần đây! Thè lưỡi ra xem nào. Lưỡi thế này mà! Lại sốt rét rồi đấy! Mo-gan nói:
- Thôi phải rồi! Tại hắn xé sách kinh thánh đấy... Bác sĩ đáp:
- Tại, tại cái gì? Tại các anh đều là giống lừa! Các anh không biết thế nào là khí lành khí độc, thế nào là đất khô ráo với đất bùn thối rữa! Các anh còn khổ chán với cái bệnh sốt rừng này! Có ai đi chọn một vùng lầy mà ở không? Đến cả anh Xin-ve mà cũng khờ đến thế! Kể ra anh còn khá hơn bọn họ, nhưng tôi xem ra anh cũng chẳng biết một tí gì về phòng bệnh cả!

Khi bác sĩ chia thuốc uống cho mọi người, đứa nào cũng theo lời ông dặn một cách ngoan ngoãn và khúm núm đến buồn cười! Bác sĩ nói:

- Hôm nay thế là xong! Bây giờ tôi muốn nói với cậu bé này vài câu.

Tên Giót đứng ở ngoài đương khạc nhổ một thứ thuốc gì hình như đắng lắm. Nghe bác sĩ nói thế, hắn vội kêu to: “Không được!" Xin-ve vỗ tay xuống thùng rượu, quát lớn:

- Câm mồm ngay! Rồi hắn quay lại bác sĩ, giọng ôn tồn:
- Thưa bác sĩ, tôi cũng đã nghĩ đến điều ấy! Tôi biết bác sĩ rất mến cậu bé này. Còn chúng tôi thì rất đội ơn bác sĩ đã rộng lòng săn sóc chữa bệnh cho chúng tôi. Chúng tôi rất tin ở bác sĩ. Bác sĩ đưa thuốc gì, chúng tôi cũng uống cả. Còn cậu Dim... cậu có hứa với tôi một lời không? Tôi biết cậu tuy con nhà nghèo, nhưng khí khái như một người quân tử. Cậu có hứa với tôi là cậu không trốn không?

Tôi vội hứa ngay là tôi không trốn. Xin-ve lại nói:

- Thưa bác sĩ, xin mời ngài cứ đi ra ngoài kia. Tôi sẽ dắt cậu bé ra sau. Tôi nghĩ ngài có thể nói chuyện với cậu ấy qua bờ rào. Thôi, kính chào ngài và xin gửi lời kính chúc ông Chi và thuyền trưởng được mạnh. Khi bác sĩ vừa bước ra khỏi, tất cả bọn giặc đứng lên nhao nhao phản đối. Chúng buộc cho Xin-ve tội bắt cá hai tay. Việc ấy đã hiển nhiên quá! Nhưng Xin-ve quả là một tay gian hùng. Cuộc thắng hôm qua càng làm cho hắn vững dạ. Hắn chửi mắng bọn kia thậm tệ rồi ném bức bản đồ ra bảo:

- Ngốc ơi là ngốc! Của sắp đến tay rồi mà lại làm hỏng à? Lật lọng với họ bây giờ để rồi xôi hỏng bỏng không à? Tìm được của rồi thì lật họ cũng không muộn... Bây giờ lão lang ấy muốn nói chuyện với cậu Dim, chứ lão

muốn tôi hót cứt cho lão, tôi cũng hót! Nói xong, hắn ra lệnh nổi lửa nấu ăn, rồi vịn vào vai tôi chống nạng đi ra. Bọn chúng ngồi trơ lại đó, nửa tin nửa ngờ. Xinve bảo tôi:
- Đi thong thả, thong thả chứ! Nếu chúng thấy ta đi vội là chúng nhảy xổ lại ngay! Khi đến chỗ bác sĩ Ly, hắn đứng dừng lại, nói với bác sĩ:
- Thưa bác sĩ, cậu bé này sẽ nói lại với ngài việc tôi đã đưa tính mệnh tôi ra cứu cậu ta như thế nào. Thưa ngài, khi một kẻ phải cầm lái thuyền giữa cơn gió lớn như tôi, sống chết chỉ trong nháy mắt, tôi xin ngài hãy rủ lòng thương. Ngài nên nhớ rằng không phải chỉ có tính mệnh tôi mà còn cả tính mệnh cậu bé này nữa. Mong ngài cho tôi được hy vọng.
Xong hắn nói:
- Ngài là một người quân tử, chắc sau này ngài sẽ còn nhớ những điều gàn dở của tôi, nhưng ngài cũng đừng quên những điều hay tôi đã làm. Bây giờ, tôi xin để ngài nói chuyện, mong ngài nhớ cho! Nói xong hắn lùi xa ra phía sau, ngồi trên một khúc gỗ. Hắn vừa huýt sáo vừa liếc nhìn về phía tôi và phía bọn giặc trong đồn. Bác sĩ nói với tôi, giọng buồn rầu:
- Cậu Dim! Thế là tự cậu gây ra cả! Có trời biết cho, tôi không có lòng nào oán trách cậu đâu! Nhưng có một điều tôi phải nói. Giá ông thuyền trưởng khỏe mạnh, có lẽ cậu không dám trốn... nhưng thừa lúc ông ta đau yếu mà cậu đi như vậy, thật là hèn!
Thú thật nghe bác sĩ nói đến câu ấy, tôi bỗng khóc rưng rức:
- Bác sĩ Ly ơi! Ông đừng làm tôi khổ nữa! Tôi đã khổ tâm nhiều rồi! Nếu không có Xin-ve thì tôi cũng đã liều chết với bọn chúng. Tôi chết cũng đáng đời thôi! Nhưng nếu bọn chúng tra khảo tôi...
Bác sĩ ngắt lời, giọng đổi khác:
- Dim! Tôi không thể để cậu ở nơi này. Hãy nhảy ra đi, trốn
đi!
- Thưa bác sĩ, tôi đã hứa rồi. Bác sĩ nói to:
- Biết thế nhưng không có cách nào khác nữa. Dim! Tôi có
thể chịu tất cả nhục nhằn, khổ ải, nhưng tôi không thể để cậu ở
đây được. Nhảy ngay đi! Nhảy một cái ra ngoài là ta biến ngay mà! Tôi đáp:
- Không! Nếu ở địa vị tôi, chắc ông cũng không làm thế. Cả
ông Chi hay ông thuyền trưởng cũng vậy. Xin-ve đã tin ở tôi và tôi đã hứa với hắn. Tôi phải giữ lời hứa. Nhưng ông hãy để tôi nói hết đã. Tôi chỉ lo nếu chúng tra khảo tôi, có thể tôi làm lộ chỗ giấu tàu. Nhờ may mắn, tôi đã đoạt lại được chiếc tàu, và bây giờ, hiện nó nằm ở vùng bắc, bên bờ biển hướng nam. Đến khi nước ròng, chắc nó nằm trên cát...
Bác sĩ ngạc nhiên kêu lên:
“Chiếc tàu?" Tôi vội thuật lại, bác sĩ chăm chú nghe. Xong
ông bảo:
- Thế ra, cứ mỗi bước, cậu lại cứu sống chúng tôi? Cậu đã phát giác ra âm

mưu bọn giặc, cậu đã tìm ra Ben-gun. Ô, Ben-gun, thật là một việc vô cùng to lớn. Rồi cậu lại lấy được chiếc tàu. Bây giờ để mặc cậu nguy khốn ở đây, chả hóa ra lũ tôi tệ bạc lắm sao?
Nói đến đây, ông gọi to:
- Xin-ve! Xin-ve! Khi hắn đến gần, ông bảo:
- Tôi khuyên anh điều này: chớ vội đi tìm kho của! Xin-ve đáp:
- Vâng, tôi xin cố theo lời ngài. Nhưng chắc ngài đã biết, có tìm được của thì tôi và cả cậu bé này mới bảo toàn được tính mệnh. Bác sĩ đáp:
- Nếu thế, tôi sẽ cho anh biết thêm một điều: phải hết sức đề phòng khi đi tìm kho của.
- Thưa ngài, ngài còn giữ ý với tôi nhiều quá! Vì sao ngài bỏ cái đồn này? Vì sao ngài giao cho tôi bức bản đồ? Tôi thật mù tịt. Vậy mà tôi vẫn nhắm mắt đi theo ngài. Lần này thì tôi xin chịu. Nếu ngài không chịu nói rõ thêm, tôi xin bỏ cuộc.
Bác sĩ Ly có vẻ nghĩ ngợi, rồi nói:
- Không, tôi không thể và không có quyền nói rõ hơn. Anh hiểu cho. Nhưng tôi hứa với anh một điều này: nếu xong việc mà chúng ta được yên lành, tôi bảo đảm sẽ hết sức cứu anh...
Nét mặt Xin-ve tươi tỉnh hẳn lên. Bác sĩ lại nói:
- Đó là việc thứ nhất. Còn việc thứ hai là anh phải nhớ luôn luôn giữ cậu Dim bên cạnh mình, khi nào có gì nguy cấp, anh cứ gọi tôi, tôi sẽ đến cứu ngay. Tôi không nói hão đâu. Anh nhớ lấy! Thôi chào Dim!
Bác sĩ thò tay qua rào bắt tay tôi, nhìn Xin-ve gật đầu một cái rồi rảo bước vào rừng.

CHƯƠNG 27

ĐI TÌM NƠI GIẤU CỦA

Xin-ve bảo tôi:

- Nếu trước đây tôi đã cứu cậu thì vừa rồi cậu đã cứu lại tôi. Điều ấy tôi không bao giờ quên. Lúc nãy liếc mắt, tôi thấy bác sĩ bảo cậu trốn, và cậu đã lắc đầu không nghe. Cậu quả là người biết trọng danh dự. Từ khi tôi đánh đồn bị thất bại đến nay, cái cử chỉ khí khái của cậu thật là một tia sáng để tôi hy vọng. Cậu Dim! Bây giờ đây chúng ta phải đi tìm kho của. Việc này chẳng thích chút nào, vì lời bác sĩ dặn, tôi còn nhớ. Bây giờ tôi với cậu hai chúng ta phải sát cánh bên nhau để đề phòng mọi sự bất trắc nguy hiểm có thể xảy ra. Như thế chúng ta mới bảo toàn được tính mệnh.

Lúc ấy, một tên đứng gần đống lửa gọi chúng tôi về ăn sáng.

Chẳng mấy chốc, cả bọn đã ngồi trên bãi cát trước nhà. Chúng đốt một đống lửa to tướng, nóng đến nỗi không lại gần được. Chẳng những củi mà ngay đến thức ăn, chúng cũng phung phí bừa bãi. Tất cả bọn chỉ ăn hết một phần ba thức ăn. Một đứa ném đồ ăn thừa vào lửa, nhe răng cười một cách ngô nghê. Trong đời tôi, thật chưa bao giờ tôi thấy một bọn người vô hậu đến thế. Chúng chỉ biết được bữa nào xào bữa ấy, không hề nghĩ đến ngày mai... Qua cách sống bừa bãi của chúng, tôi đã nhận thấy tuy chúng có thừa can đảm đánh nhau trong một trận nhưng chúng không thể đánh nhau lâu dài được. Ngay Xin-ve cũng ngồi điềm nhiên ăn, không có một lời khiển trách bọn chúng. Hắn nói:

- Các anh được thằng này lo việc cho, các anh sướng như tiên con! Bọn họ chiếm lại được chiếc tàu. Nhưng ta, ta sẽ tìm thấy của. Hễ của đã nắm chắc trong tay rồi, ta sẽ tìm cho ra tàu. Lúc đó phần thắng sẽ về ta! Hắn vừa nói vừa nhai nhồm nhoàm, miệng dính đầy mỡ. Hắn cố làm cho bọn kia tin tưởng và cũng để động viên mình. Hắn lại tiếp:

- Còn thằng bé "con tin" này, có lẽ lần này là lần cuối cùng nó được gặp bạn hữu của nó. Chính nhờ thế mà vừa rồi tôi đã biết được những điều tôi muốn biết. Thế là đủ rồi. Tôi sẽ dắt nó theo trong lúc đi tìm kho của. Vì chúng ta phải giữ nó để phòng lúc gặp nguy nan. Một khi vàng đã tải lên tàu rồi thì lúc ấy ta sẽ có cách nói chuyện với cu cậu! Bây giờ bọn giặc trông vui vẻ hơn trước, điều ấy không lấy gì làm lạ. Nhưng về phần tôi, tôi rất nghi ngại. Đối với một tên như Xin-ve, gió chiều nào xoay chiều ấy, hễ thấy vàng thì tối mắt, thật cũng khó mà tin hắn. Còn nếu hắn có giữ lời hứa thì khi xảy ra việc gì, hắn là một thằng thọt, tôi là một thằng bé, liệu chống đỡ làm sao được với năm tên lực lưỡng thế kia! Lại còn bao nhiêu câu hỏi trong đầu óc về việc bọn tôi bỏ đồn, giao bức bản đồ... Ngay cái câu bác sĩ dặn Xin-ve

"phải đề phòng khi đi tìm của" cũng làm tôi nát óc! Cho nên bữa cơm ấy, tôi ăn không thấy ngon, và khi bọn giặc rủ nhau đi tìm kho của, bụng tôi càng lo ngay ngáy... Bọn chúng ra đi mang theo khí giới đầy đủ. Xin-ve đeo hai khẩu súng trường, lại thêm con dao cài ở thắt lưng và hai khẩu súng lục trong hai túi áo. Trên vai hắn, con vẹt vẫn lảm nhảm nói những câu quái gở. Chúng nó lấy thừng buộc ngang lưng tôi, rồi Xin-ve dắt tôi đi. Khi thì hắn cầm đầu thừng, khi thì hắn cắn chặt vào hai hàm răng. Tôi bị dắt hệt như một con gấu của phường hát. Những đứa khác thì đứa vác cuốc, đứa vác xẻng, những vật ấy chúng đã lấy từ trước ở trên tàu. Vài đứa nữa khiêng thịt, bánh và rượu để ăn trưa. Cả tên giặc bị vỡ đầu, đáng lý phải nằm ở nhà, cũng cố gượng đi theo nốt. Tất cả kéo ra bờ biển. Ở đấy đã có hai chiếc thuyền đợi sẵn. Cả bọn chia làm hai tốp, xuống thuyền. Trong khi đi thuyền, bọn chúng bàn tán với nhau về bức bản đồ. Cái gạch đỏ thì chỉ hướng không rõ. Còn những chữ ghi phía sau, không được rõ nghĩa cho lắm. Tôi nhớ những câu chữ ấy: “Cây to. Đồi con, gò Vọng Viễn, mũi đất về phía B.B.Đ. "Đảo Hình Người Đ.Đ.N. "Mười mét..." Cái dấu quan trọng nhất để nhận đường là cây to. Nhưng ngay sát bến, trước mặt chúng tôi là một khu đồi cao, bắc giáp gò Vọng Viễn, nam giáp gò Cột Cái. Trên đỉnh đồi, thông mọc chi chít; có cây thấp, cây cao. Còn cái "cây to" mà lão Phơ-linh đã chỉ, thì phải đến nơi, đem địa bàn ra ngắm đúng hướng mới có thể biết được. Ngồi dưới thuyền, bọn giặc chỉ trỏ lung tung. Xin-ve thì so vai lên và bảo:

- Cứ đợi đến nơi hẵng hay! Đi một lúc lâu, chúng cho đỗ thuyền vào cửa sông dưới gò Vọng Viễn. Chúng bắt đầu trèo lên đồi về mé tay trái. Mới đầu gặp đất bùn nhão nhoẹt, nên đi rất chậm. Nhưng càng lên cao, đất càng rắn lại, cây cối bớt rậm rạp hơn. Đây là khu đẹp nhất trong đảo. Những dây rau rừng bò lan bên cạnh những khóm cây rừng có hoa nở, thơm ngát. Giữa những chòm đậu khấu xanh um, nổi bật lên những thân cây thông đỏ sậm, bóng lá rườm rà. Không khí trong mát, ánh nắng chói chang, mùi hoa rừng dịu hắc. Cả bọn vui cười nhảy nhót chạy tỏa khắp nơi. Chỉ còn tôi và Xin-ve đi sau cùng. Tôi bị trói ngang lưng, còn Xin-ve thì cứ ngoáy mãi đầu nạng xuống đất sỏi và thở phì phò. Thỉnh thoảng tôi phải đưa tay ra đỡ hắn để hắn khỏi trượt chân, ngã lăn xuống hố. Chúng tôi đi mãi đến nửa dặm mới tới chân đồi. Thình lình một tên đi đầu rú lên mấy tiếng khủng khiếp. Cả bọn cùng chạy ồ lên. Mo-gan ở phía đằng kia vừa chạy lại, vừa bảo:

- Nó ở tít trên cao kia. Của chôn đâu trên ấy mà rối rít lên
thế!

Quả nhiên, khi chúng tôi đến nơi, thì một cảnh tượng kinh khủng bày ra trước mắt. Dưới gốc một cây thông, một bộ xương người nằm dài, một vài mảnh áo quần còn lại lả tả trên đất. Cả bọn đứng nhìn, rợn tóc gáy. Giót bạo dạn hơn, tiến đến gần xem mấy mảnh vải rồi bảo:

- Chính thứ áo dạ của bọn thủy thủ! Xin-ve nói như gắt:

- Cái ấy đã hẳn! Anh không thể mong thấy ở đây một ông cố
đạo được! Nhưng bộ xương nằm thế kia là nghĩa lý gì?
Nhìn gần lại, bộ xương nằm quả không tự nhiên một chút nào. Hình người nằm thật ngay ngắn: hai chân duỗi thẳng, hai tay giơ thẳng lên quá đầu, cùng chỉ vào một hướng. Xin-ve bảo:
- Ừ, có lẽ đấy! Kia là mũi đảo Hình Người, địa bàn đây, cứ nhìn theo hướng bộ xương thử nào... Mọi người nhìn vào địa bàn. Bộ xương chỉ thẳng hướng khu đảo, địa bàn chỉ đúng hướng đông đông nam.
Xin-ve kêu to:
- Thoạt trông, tôi đã ngờ bộ xương này lắm! Thôi, bộ xương này đúng là dấu chỉ hướng tìm của. Điều này làm tôi nghĩ tới Phơlinh mà lạnh toát cả người! Khi xưa, lão lên đây với sáu thằng. Lão đã giết sạch, rồi lão kéo xác một thằng lại đây để thay cho địa bàn. Bộ xương này dài thườn thượt. Thôi, chính là thằng An rồi! Mo-gan, anh có nhớ thằng An không?
Mo-gan đáp:
- Có chứ! Tôi nhớ hắn còn nợ tiền tôi. Ngay khi lên đảo, hắn
còn mượn tôi con dao. Một đứa khác nói:
- Anh thử tìm bên cạnh hắn xem có còn con dao của anh thì
lấy lại! Mo-gan tìm quanh đống xương, bảo:
- Chẳng còn vật gì cả! Ngay đến túi thuốc cũng chẳng còn.
Thế này thì lạ thật! Xin-ve cũng gật đầu:
- Ừ, lạ thật! Quả là một điều quái gở. Cái lão Phơ-linh kể cũng tai ác! Nếu lão còn sống thì... Mo-gan ngắt lời:
- Lão chết rồi! Một đứa khác bảo:
- Khi gần chết, lão vẫn còn gào rượu "rum". Có lúc lão hát: "Mười lăm thằng..." Đời lão chỉ biết có bài hát ấy! Tiếng hát của lão nghe đến lạnh xương sống! Xin-ve cắt đứt
câu chuyện:
- Thôi im đi! Nói mãi đến lão ta làm gì! Lão chết là hết. Người chết không hại được ai đâu! Các anh đừng sợ. Thôi, hãy đi đến đằng kia mà tìm của. Cả bọn lại đi lên. Tuy trời rất oi bức, nhưng cả bọn cứ xúm xít lại với nhau và thì thầm to nhỏ. Hình như chúng vẫn sợ cái hồn ma của tên chúa đng vẫn còn lẩn quất đâu đây.

CHƯƠNG 28

TIẾNG HÁT TRONG LÙM CÂY

Phần thì sợ, phần cũng muốn để cho Xin-ve và tên giặc ốm nghỉ ngơi, nên cả bọn cùng ngồi lại trên một mô đất cao. Trước mặt chúng tôi, thấp thoáng qua cây là doi biển, sóng vỗ quanh bờ. Đằng sau là bến tàu và đảo Hình Người. Ngay trên đầu chỗ chúng tôi ngồi là gò Vọng Viễn. Chỉ nghe tiếng sóng vỗ ghềnh đá và tiếng côn trùng rên rỉ trong bụi cây. Không một bóng người qua lại, không một cánh buồm thấp thoáng ngoài khơi. Chung quanh đìu hiu tịch mịch. Xin-ve ngồi xuống lật bản đồ ra xem rồi nói:

- Kìa, cái "đồi con của gò Vọng Viễn" chính là mũi đất dưới kia rồi. Cái kho của đã trước mắt chúng ta. Bây giờ hãy ăn cho đỡ đói đã!

Mo-gan càu nhàu:

- Tôi chẳng thấy đói! Chỉ nghĩ tới lão Phơ-linh là đã thấy mất
ngon rồi... Xin-ve đáp:

- Nhưng may cho anh, hắn đã chết ngoẻo rồi. Một tên khác run rẩy nói:

- Lão là con quỷ dữ! Lão chết thế nào được! Từ lúc chúng trông thấy bộ xương, đầu óc chúng lúc nào cũng
bị cái hồn ma của lão Phơ-linh ám ảnh. Không đứa nào dám nói to.
Chúng chỉ thì thầm với nhau, vẻ sợ sệt.

Thốt nhiên, đằng bụi cây trước mặt có một giọng hát the thé, run run vẳng lại, bài hát này, chúng đã thuộc nhão: Mười lăm thằng trên hòm người chết, ỳ a, ỳ a... Bọn giặc ba hồn bảy vía lên mây. Cả sáu đứa mặt mày bỗng tái nhợt, run lẩy bẩy. Thằng thì nhảy chồm lên cuống cuồng, thằng thì quờ quạng bám vào người bên cạnh. Mo-gan bò lăn trên đất, mồm lắp bắp:

- Phơ-linh! Đích thị lão Phơ-linh!

Thốt nhiên tiếng hát im bặt, tưởng như có người bỗng lấy tay bịt miệng kẻ hát. Giữa khoảng trời bao la, tôi nghe tiếng hát vọng lại nhịp nhàng thánh thót. Vì thế, trông cử chỉ của bọn chúng, tôi càng thấy lố bịch. Xin-ve môi nhợt nhạt, nói không ra hơi:

- Thôi đừng có hoảng hồn hoảng vía lên! Có chặt đầu tôi, tôi cũng bảo đó không phải lão Phơ-linh. Tôi chưa nhận ra được tiếng ai, nhưng nhất định đó là người, chứ chẳng phải ma quỷ gì đâu! Nói xong, hắn trở lại can đảm, sắc mặt hồng hào. Nhưng bọn kia vừa định thần thì cái tiếng lúc nãy lại vụt cất lên. Lần này không phải tiếng hát mà là một thứ tiếng rên rỉ nghẹn ngào từ hang núi sâu vọng lại:

- Đác Bi, Đác Bi, Đác Bi, Đác Bi! Rồi tiếp theo, một tiếng quát nhỏ:

- Mang rượu đây, Đác Bi! Bọn giặc bỗng đứng sững như trời trồng, mắt mở trừng

trừng, thao láo. Tiếng nói đã im từ lâu mà chúng vẫn còn đứng
sững sờ, ngơ ngác. Một đứa nói hổn hển:
- Thôi chạy đi! Mo-gan rền rĩ:
- Đúng là những lời cuối cùng của lão! Còn Đích thì móc quyển kinh thánh ra, hai tay nâng tới
trước. Chỉ có Xin-ve là chưa chịu tin hẳn. Tuy hắn cũng run,
nhưng hắn vẫn cố sức nói to:
- Chúng ta đến đây để tìm cho ra của. Dù là người hay ma quỷ cũng không thể làm bọn ta chùn bước! Khi lão Phơ-linh còn sống, tôi cũng không hề sợ lão. Huống gì bây giờ, lão đã chết mọt xương, thì còn sợ cái đếch gì! Nghe Xin-ve nói thế, bọn kia lại cho rằng Xin-ve đã buông lời xấc láo, phạm đến vong linh người chết. Giá chạy được thì chúng đã chạy rồi! Nhưng khốn nỗi, chúng sợ đến ríu chân. Đứa nào cũng co rúm lại và xúm xít quanh Xin-ve. Xin-ve nói to:
- Ma à? Tôi cũng tin là có! Nhưng ma thì vô hình vô ảnh. Tại sao ở đây tiếng ma lại có tiếng vọng? Tôi chắc không phải! Tên Giót hình như đã tỉnh ra, nối lời:
- Đúng thế! Xin-ve nói có lý. Tiếng ấy nếu là tiếng lão Phơ
linh thì sao lại nghe lanh lảnh? Hình như tiếng một kẻ nào ấy... Thốt nhiên Xin-ve nói to:
- Thôi phải rồi! Tiếng thằng Ben-gun! Mo-gan cũng vội kêu lên:
- Đích thị tiếng thằng Ben-gun! Giót nói:
- Ben-gun hay thằng nào đi nữa cũng đếch cần! Thế là chỉ trong phút chốc, cả bọn đều trở lại tươi tỉnh. Mặt
đứa nào đứa nấy trông hăm hở. Chúng lại vác thuổng cuốc lên vai, tiếp tục đi. Tên Giót đi trước, tay cầm địa bàn, nhằm đường đi thẳng tới đảo Hình Người, chỉ còn thằng Đích là vẫn cầm quyển kinh ngơ ngác nhìn quanh. Khi leo lên đến đỉnh, đã thấy dễ đi hơn trước. Những gốc thông lớn bé mọc lưa thưa. Mặt trời chói lọi trên những khoảng đất trống. Càng đi chúng tôi càng đến gần cái đồi con của gò Vọng Viễn. Chúng tôi đi đến một cây to, rồi một cây to nữa, nhưng nhìn kỹ, tôi biết ngay đây không phải là cái cây đã vẽ trong bản đồ. Nhưng đến cây thứ ba thì thấy cây này cao hơn hẳn. Bề cao của nó dễ cũng đến hai trăm mét. Thân cây màu hung hung đỏ, to ước bằng một cái nhà con; tán lá phủ che kín cả một quãng đất rộng mênh mông. Nhưng cái thân cây khổng lồ ấy không làm cho bọn giặc chú ý. Chúng chỉ lăm lăm nhìn vào cái kho của đương chôn ở một chỗ nào đó dưới gốc cây. Nghĩ đến tiền của, mặt đứa nào cũng hồng hào lên, chúng quên cả những điều sợ hãi ban nãy. Mắt chúng long lanh, chân chúng bước thoăn thoắt, nhẹ nhàng như bay trên mặt đất. Xin-ve vừa càu nhàu vừa phóng nạng đi nhanh như con choi choi. Hắn vừa thở phì phò vừa chửi vung lên như một thằng điên đương lên cơn. Thỉnh thoảng thấy tôi đi chậm, hắn giật mạnh cái dây

thừng buộc ngang người tôi, mắt hắn lườm tôi một cái đến rợn gáy. Bây giờ hắn đã để lộ chân tướng của hắn một cách trắng trợn. Thoáng nhìn, tôi đã thấy ngay. Gần đến hố vàng, bao nhiêu điều cam kết trước, hắn đều quên cả. Tôi dám quả quyết rằng hắn đương tính khi chiếm xong kho của, sẽ tìm cho ra chiếc tàu, và sau khi đã giết hết tất cả những người lương thiện trên đảo, hắn sẽ cho tàu rong khơi...

Bụng bồn chồn lo lắng nên tôi cứ vấp ngã luôn. Mỗi bận như thế, Xin-ve lại giật mạnh đầu dây là lườm tôi một cách hung ác. Khi gần đến nơi, Giót gọi to:

- Anh em ơi! Chạy mau lên thôi!

Mấy thằng đi đầu vội co giò chạy trước. Chạy được ngót mười thước, chúng dừng cả lại. Tôi nghe thấy tiếng bàn bạc lầm rầm. Xin-ve cố rảo bước, ngoáy mãi đầu nạng xuống đất như một kẻ điên rồ. Đi một lúc thì tôi với hắn đã đến nơi. Trước mặt chúng tôi có một cái hố to: vết đào đã lâu vì mép bờ bị nước mưa lở, và dưới đáy, cỏ mọc xanh rì. Trên mặt hố còn thấy một cán cuốc gãy đôi và những mảnh ván hòm rải rác. Sự thật đã quá rõ ràng: đống của đã bị kẻ khác đào lên và cuỗm mất từ lâu!

CHƯƠNG 29

MỘT TAY ĐẦU TÊU THẤT THẾ

Thật là cả một sự thay đổi đột ngột, cả bọn đứng ngây người như phỗng đá. Chỉ một mình Xin-ve là còn tự chủ. Trước đây mấy phút, hắn cũng chăm chăm nghĩ đến kho tiền; và bỗng chốc trước mắt hắn, tất cả hy vọng đều sụp đổ. Nhưng hắn không hề rối trí. Hắn bình tĩnh, đổi ngay kế hoạch đối phó, không đợi cho bọn kia kịp trở tay. Hắn bảo nhỏ tôi: “Dim, cầm lấy cái này mà phòng thân". Hắn đưa cho tôi một khẩu súng lục đã nạp sẵn đạn. Rồi hắn kéo tôi lùi về phía bên kia miệng hố. Xong, hắn gật đầu ra hiệu cho tôi sẵn sàng phòng bị. Cử chỉ hắn trở lại dịu dàng tử tế. Nghĩ đến sự tráo trở của hắn vừa rồi tôi tức giận đến lộn ruột. Không nhịn được, tôi bảo nhỏ hắn: “À, ra bây giờ ông lại muốn quay sang phía khác!" Hắn không kịp đáp lại. Bọn giặc đã quát tháo ầm ĩ rồi nhảy ùa xuống hố. Chúng lấy tay bới đất lung tung. Mo-gan tìm được một đồng tiền vàng. Đồng tiền vàng được chuyền từ tay kẻ này qua tay kẻ khác. Đến lượt tên Giót, hắn cầm đồng tiền lên, đưa về phía Xin-ve xỉa xói:

- Đây, kho tiền của bố mày đây, đồ chó đẻ! Xin-ve vẫn ngông nghênh đáp:
- Hãy cứ đào đi! Đào đi! Sẽ tìm được cái cóc khô đấy! Tên Giót gầm lên:
- Cái cóc khô hả! Anh em có nghe hắn nói gì không? Rõ ràng hắn là thằng phản bội! Xin-ve đáp:
- Giót ơi! Mày lại muốn lên mặt thuyền trưởng đấy hả? Nhưng lần này, đứa nào cũng về cánh với tên Giót. Bọn
chúng nhảy lên khỏi hố, mắt gườm gườm nhìn về phía chúng tôi.

Thế là đôi bên đều đứng ghìm nhau, không ai nói với ai một lời. Một bên hai người, một bên năm người, giữa là một cái hố sâu. Chẳng một ai dám gây sự trước. Xin-ve chống nạng đứng ngay người, đưa mắt nhìn sang bọn kia một cách hết sức bình tĩnh. Về sau, tên Giót lên tiếng trước, bảo bốn tên kia:

- Anh em ơi! Bên chúng chỉ có hai. Một thằng già què với một thằng trẻ ranh. Thằng què là đứa đã lừa phỉnh chúng ta, còn thằng nhãi xấc láo kia, tôi muốn vặn cổ nó đây! Anh em ta còn đợi gì mà không khử chúng đi? Vừa nói xong, hắn giương súng lên chực bắn. Nhưng ngay lúc ấy, ba phát đạn từ bụi rậm đã cùng bắn ra một lúc. Tên Giót ngã nhào xuống hố. Tên giặc có buộc băng ở đầu thì quay như gà ăn bọ xít, rồi ngã vật ra, quằn quại một lúc trên mặt đất. Còn ba tên kia thấy thế liền quay đầu chạy thẳng một mạch. Bác sĩ Ly, Grây và Ben-gun ở trong lùm cây bước ra, miệng súng trường hãy còn bốc khói. Vừa ra, bác sĩ đã hô to:
- Chạy mau! Chạy mau! Phải đến chiếm thuyền trước mới
được!

Tất cả chúng tôi đều chạy như bay như biến, chạy qua bụi bờ gai góc. Xin-ve cũng tức tốc bám sát theo sau. Hắn gắng gượng một cách phi thường, dẫu người khỏe cũng không sánh kịp. Hắn chống nạng nhảy cao vót, tưởng đến rách cả bắp thịt ở ngực. Tuy vậy, hắn vẫn tụt lại sau. Hắn sắp đứt hơi ngã quỵ thì vừa may chúng tôi đã dừng lại dưới chân đồi. Hắn gọi to:
- Bác sĩ Ly! Hãy trông kìa! Còn kịp chán...
Mà quả vậy, chúng tôi chẳng cần phải vội vội vàng vàng làm gì cho nhọc sức. Nhìn lại, chúng tôi thấy trên một quả đồi trụi, ba tên giặc sống sót đang chạy thẳng tới gò Cột Cái. Chúng tôi đã chặn ngang đường, không cho chúng nó xuống được bến thuyền. Cả bốn chúng tôi đều ngồi xuống thở. Xin-ve thong thả lại gần chúng tôi. Vừa lau mồ hôi, hắn vừa nói:
- Xin đa tạ bác sĩ đã vừa vặn cứu tôi và cậu Dim thoát chết!
A! Anh đấy hả, Ben-gun? Ben-gun vặn vẹo người như con lươn, bối rối đáp:
- Vâng, vâng, Ben đây! Cảm ơn ông hỏi tôi. Còn ông, ông
mạnh khỏe đấy chứ?
Xin-ve nói khẽ với Ben-gun:
- Ai ngờ chính anh lại đi hại tôi! Bác sĩ bảo Grây đi lấy một cái cuốc của bọn giặc bỏ lại trong
khi chạy trốn. Còn chúng tôi thì thong thả đi xuống bến. Vừa đi, bác sĩ vừa vắn tắt thuật qua câu chuyện xảy ra. Ai ngờ anh chàng Ben-gun ngớ ngẩn kia lại là vai chính trong câu chuyện... Số là trong lúc lang thang trên đảo, Ben-gun đã gặp bộ xương người. Chính hắn đã lấy tất cả đồ đạc của người chết. Chính hắn đã tìm ra kho của và đã tự đào lấy. Cái cán cuốc gẫy là của hắn vứt lại. Một mình hắn đã lịch kịch khuân vác lần hồi và chuyển được hết của cải dưới gốc thông to đem về hang của hắn ở trên núi hai ngọn. Hai tháng sau thì chiếc tàu của bác sĩ đến. Tất cả những điều này hắn đã nói với bác sĩ ngay buổi chiều hôm bác sĩ đến gặp hắn. Sáng hôm sau, khi thấy tàu đã mất, bác sĩ mới tìm đến Xin-ve, giao cho hắn bức địa đồ. Bác sĩ nhường cho hắn tất cả lương thực, vì trong hang của Ben-gun đã có trữ rất nhiều thịt dê ướp muối. Xin-ve xin gì bác sĩ cũng cho, cốt để rút ra được khỏi đồn một cách êm thấm. Nhóm của bác sĩ liền dời đến ở trên núi hai ngọn; như vậy vừa tránh được bệnh sốt rét, vừa giữ gìn được kho của... Còn về chuyện của tôi thì sáng nay, bác sĩ đã biết được bọn giặc mò đi tìm kho của. Bác sĩ liền tức tốc chạy về hang, bảo Ben-gun và Grây đi theo. Ông Chi thì ở nhà coi sóc thuyền trưởng. Bác sĩ đã đi đường tắt để đến trước tại gốc cây to. Nhưng ông nhận thấy bọn giặc đi mau hơn. Ông vội cho Ben-gun dùng tài đi nhanh, đến trước để tùy cơ ứng phó. Ben-gun đã nghĩ ra cách lợi dụng lòng mê tín của đồng bọn, làm cho chúng một phen mất hồn. Nhờ cái mưu kế thần tình ấy mà bác sĩ và Grây đã có đủ thì giờ đến kịp trước khi bọn giặc kéo đến.
Xin-ve bảo:
- Chao ôi! May phúc cho tôi là có cậu Dim bên cạnh. Nếu không, tôi có bị

băm thây đi nữa thì chắc bác sĩ cũng chẳng thèm đoái hoài đến...
Bác sĩ vui vẻ trả lời:
- Chẳng thèm đoái hoài đến thật! Lúc ấy chúng tôi vừa đến chỗ thuyền đỗ. Bác sĩ cầm cuốc phá
tan đi một chiếc. Chúng tôi xuống cả một chiếc và cho thuyền đi về phía bắc. Đường đi xa độ tám, chín hải lý. Tuy mệt nhoài, Xin-ve vẫn cầm lấy một mái chèo. Chẳng bao lâu chiếc thuyền vùn vụt lướt trên mặt biển phẳng lì. Chúng tôi đi qua trước mặt hòn núi hai ngọn. Trước cửa hang, chúng tôi đã thấy có một người đứng tựa vào khẩu súng trường. Đó là ông Chi. Chúng tôi lấy khăn tay ra vẫy và reo mừng ba tiếng thật to. Xin-ve cũng hớn hở reo theo, nhiệt tình không kém. Đi được ba hải lý, chúng tôi ngạc nhiên vì đã thấy chiếc tàu đương bập bềnh trên ngọn sóng. Ngọn thủy triều đã dâng tàu lên. Nếu ở đây có gió và dòng nước mạnh như ở phía nam, chưa chắc chúng tôi đã tìm thấy lại chiếc tàu. Chúng tôi xem xét lại tàu, thấy không hư hỏng mấy. Chỉ thiệt có cánh buồm to. Chúng tôi làm neo, buộc tàu lại rồi để Grây ở lại canh gác. Còn cả bọn tiếp tục đi về hang của Ben-gun. Ông Chi ra tận cửa hang đón chúng tôi. Đối với tôi, ông Chi tỏ ra rất thân yêu niềm nở. Ông không hề đả động đến chuyện tôi trốn đi. Thấy Xin-ve chào ông lễ phép, ông bực tức bảo tên bếp tàu:
- Xin-ve! Anh thật là một thằng đểu giả, đốn mạt! Người ta
đã khuyên tôi không nên trừng trị anh. Tôi đã đồng ý. Nhưng... Xin-ve lại cúi đầu chào ông Chi một lần nữa rất lễ phép:
- Tôi xin đội ơn ông nhiều... Ông Chi quát to:
- Tôi cấm anh không được cảm ơn tôi! Làm ơn với anh tức là
làm trái với nhiệm vụ và lương tâm của tôi. Thôi, anh cút đi cho
khỏi bẩn mắt tôi!
Ông Chi nói xong, quay gót cùng chúng tôi bước vào hang. Hang này rộng rãi và thoáng. Một con suối nhỏ chảy trên cát và một ao nước trong veo. Ông thuyền trưởng đương nằm gần bên đống lửa. Trong cùng, qua ánh lửa lung linh, tôi thấy chất một đống tiền kếch xù và từng chồng vàng nén đồ sộ. Đó là kho của gom góp trong suốt cuộc đời đầy tội ác của tên tướng giặc Phơ-linh. Thấy tôi, ông thuyền trưởng nói:
- Cậu Dim! Vào đây. Cậu thật là một thiếu niên dũng cảm.
Nhưng cũng khá vô kỷ luật! À! Xin-ve đấy à? Ai cho anh vào đây? Xin-ve đáp:
- Thưa ông thuyền trưởng, tôi trở về với nhiệm vụ. Thuyền trưởng chỉ "à" một tiếng rồi không nói gì nữa...
Chiều hôm ấy, tôi ăn một bữa cơm ngon miệng lạ thường. Có đủ
mặt những người thân yêu, có món thịt dê ướp muối của Ben-gun, lại có cả một chai rượu cũ, mới lấy ở tàu lên. Trong đời tôi, không bao giờ tôi quên được cái phút vui sướng này. Còn Xin-ve thì vẫn ngồi đó. Tuy ngồi riêng

một mình trong xó tối, nhưng hắn ăn uống xem ra cũng ngon lành như ai. Thấy chúng tôi vui, hắn cũng vui, thấy chúng tôi cười, hắn cũng cười theo. Nói tóm lại, hắn lại trở về với cái lốt của tên bếp tàu hiền lành, khúm núm khi xưa.

CHƯƠNG 30

ĐOẠN CUỐI

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy thật sớm, bắt tay vào việc chuyển tiền và vàng xuống tàu. Công việc cũng khá nặng nhọc vì từ hang đến chỗ tàu đậu cách xa hàng dặm. Đối với ba tên giặc sống sót, chúng tôi cũng không ngại lắm. Chỉ cần một người đứng canh trên đỉnh đồi để khi có biến, báo hiệu kịp, là đủ. Vả lại, tinh thần bọn chúng chắc cũng đã tan rã lắm rồi. Tất cả mọi người lớn đều chia nhau đi khuân tải và xếp vàng xuống tàu. Riêng tôi còn bé, nên ở nhà giữ việc xếp các thứ tiền vàng vào bao. Thật là đủ các loại các kiểu tiền hết sức lạ lùng, hiếm có. Nào tiền Anh, tiền Pháp, tiền Tây Ban Nha, tiền Bồ Đào Nha, tiền Ý, đúc đủ các hình vua chúa châu Âu trong thế kỷ trước. Lại có cả các loại tiền á Đông, chạm trổ li ti hết sức kỳ quặc. Đồng thì tròn, đồng thì vuông, có đồng đục lỗ ở giữa như để đeo cổ. Còn nói đến số tiền thì nhiều hơn lá rừng, không sao đếm xuể. Tôi cúi nhặt đến mỏi cứng cả lưng, đau điếng cả mấy đầu ngón tay. Công việc phải làm liên miên trong nhiều ngày mới xong... Tôi nhớ đâu như chiều hôm thứ ba, bác sĩ Ly và tôi đương dạo chơi lững thững trên dốc đồi, thốt nhiên chúng tôi nghe văng vẳng những tiếng hát, tiếng gào từ trong bóng tối âm u dưới đồi đưa lại.

Bác sĩ nói:

- Đúng là tiếng của mấy tên giặc sống sót! Xin-ve đi sau cũng nối lời:

- Thưa bác sĩ, chúng nó đều đang say mềm cả đấy. Từ hôm về ở với chúng tôi, Xin-ve vẫn cố tỏ ra hết sức mẫn cán, trung thành. Tuy bị khinh khi bạc đãi, hắn vẫn cố lăn mình vào chịu đựng. Hắn chịu nhẫn nhục đến mức làm tôi phải ngạc nhiên. Hắn cố xun xoe khúm núm, quỵ lụy mọi người để mọi người thương. Tuy vậy, tất cả mọi người đều coi hắn như con chó ghẻ. Chỉ có Ben-gun là còn có ý nể hắn. Vì thế, hôm ấy thấy hắn chõ vào câu chuyện, bác sĩ đã nói cộc lốc:

- Anh biết chúng say hay mê sảng nào?

Xin-ve đáp:

- Ngài nói chí lý! Say hay mê sảng thì cũng thế thôi! Bác sĩ cười khinh bỉ:

- Anh là giống người hay giống thú? Tôi nói cho anh biết, nếu tôi rõ chúng đang lên cơn sốt mê sảng, tôi sẽ không ngần ngại tìm đến để chữa chạy cho chúng! Nghe tôi nói thế, anh ngạc nhiên lắm phải không?

Xin-ve nhăn nhở nói:

- Thưa ngài, ngài cho phép tôi nói, nếu ngài làm vậy, tôi e hoài mất cái thân thể quý báu của ngài. Bọn ấy không thể giữ lời hứa được. Dù chúng có muốn giữ cũng không giữ được đâu!

Bác sĩ ngắt lời:
- Tôi biết, chỉ có anh là người biết giữ lời... Thế rồi một buổi sáng đẹp trời, chúng tôi kéo neo, cho tàu rời
bến. Trên tàu lại phấp phới lá cờ Tổ quốc, lá cờ trước đây ông thuyền trưởng đã hiên ngang dựng trên nóc đồn. Có lẽ ba tên giặc vẫn bám sát theo chúng tôi mà chúng tôi không hay. Khi tàu đi gần sát mũi đất phía nam, chúng tôi thấy cả ba đứa đang đuổi theo, mỗi đứa lăm le một khẩu súng trên tay. Thấy tàu chạy mỗi lúc một xa, một đứa trong bọn vụt quát to một tiếng và bắn theo một phát. Viên đạn hắn ngắm đã trúng ngay vào đầu Xin-ve. Chúng tôi vội vã ngồi thụp xuống đằng sau bao lơn. Về sau, dòm ra thì thấy chúng đã không còn ở trên bãi cát nữa... Khi chúng tôi trông lại thì Xin-ve đã nằm còng queo, chết hẳn. Thấy thế, Bengun và Grây thở ra một hơi dài khoan khoái như trút được một gánh nặng trên vai. Đó là sự việc cuối cùng đáng nói trước khi chúng tôi rời xa hẳn đảo. Bãi cát đằng sau chúng tôi dần dần biến mất. Đến trưa, ngọn 189 190 núi cao nhất trên đảo đã tụt xuống chân trời mênh mông xanh ngắt. Chung quanh tôi, biển rộng, trời cao. Tôi lâng lâng nhìn ra sóng biển nhấp nhô rồi lại nhìn vào đống vàng để trong tàu. Bên tai tôi lại văng vẳng tiếng ông Chi sang sảng nói với bác sĩ Ly khi lần đầu xem bức bản đồ:
- Một kho vàng phi nghĩa sắp trở thành một kho vàng có ý nghĩa. Một kho vàng nằm im vô dụng... giờ đây được đem lên, để làm tươi sáng bao khuôn mặt khổ nghèo.
(Theo bản tiếng Pháp "L’ile au trésor" của nhà xuất bản
"G.P.s" Pa- ri, 1949)

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com